

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                            | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|-----------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 4   | MHN.04.001 | Hoàng Quốc        | An    | 21072007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 2   | 4   | MHN.04.002 | Bùi Tuấn          | Anh   | 13012007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 4   | MHN.04.003 | Đặng Phan         | Anh   | 08022007 | Trường Tiểu học Gia Thụy          | Hà Nội          |         |
| 4   | 4   | MHN.04.004 | Đào Đức           | Anh   | 20032007 | Trường Tiểu học Láng Thượng       | Hà Nội          |         |
| 5   | 4   | MHN.04.005 | Đỗ Quốc           | Anh   | 22032007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 6   | 4   | MHN.04.006 | Đỗ Tú             | Anh   | 18072007 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 7   | 4   | MHN.04.007 | Kiều Đức          | Anh   | 31102007 | Trường TH, THCS,THPT Nguyễn Siêu  | Hà Nội          |         |
| 8   | 4   | MHN.04.008 | Lê Đức            | Anh   | 27062007 | Trường Tiểu học Thành Công A      | Hà Nội          |         |
| 9   | 4   | MHN.04.009 | Lê Hoàng          | Anh   | 13042007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 10  | 4   | MHN.04.010 | Lê Tuấn           | Anh   | 12122007 | Trường Tiểu học Phạm Công Bình    | Vĩnh Phúc       |         |
| 11  | 4   | MHN.04.011 | Lê Văn            | Anh   | 19032007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 12  | 4   | MHN.04.012 | Lương Đức         | Anh   | 20102007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 13  | 4   | MHN.04.013 | Nguyễn Đào        | Anh   | 11052007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 14  | 4   | MHN.04.014 | Nguyễn Phương     | Anh   | 29072007 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 15  | 4   | MHN.04.015 | Nguyễn Quang      | Anh   | 09082007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 4   | MHN.04.016 | Nguyễn Tuấn       | Anh   | 09092007 | Trường Tiểu Học Đồng Phú          | Hà Nội          |         |
| 17  | 4   | MHN.04.017 | Nguyễn Việt       | Anh   | 30052007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 18  | 4   | MHN.04.018 | Phạm Huyền Phương | Anh   | 21052007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 19  | 4   | MHN.04.019 | Phạm Quỳnh        | Anh   | 20022007 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương | Hà Nội          |         |
| 20  | 4   | MHN.04.020 | Phan Tuấn         | Anh   | 04122007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 21  | 4   | MHN.04.021 | Quách Duy         | Anh   | 13032007 | Trường Tiểu học Nguyễn Siêu       | Hà Nội          |         |
| 22  | 4   | MHN.04.022 | Trần Đức          | Anh   | 08082007 | Trường Tiểu học Khương Thượng     | Hà Nội          |         |
| 23  | 4   | MHN.04.023 | Trương Duy        | Anh   | 19112007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 24  | 4   | MHN.04.024 | Vũ Chí            | Anh   | 31012007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 25  | 4   | MHN.04.025 | Bùi Thị Nguyệt    | Ánh   | 06122007 | Trường Tiểu học Minh Khai A       | Hà Nội          |         |
| 26  | 4   | MHN.04.026 | Hoàng Xuân        | Bách  | 17122007 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám        | Hà Nội          |         |
| 27  | 4   | MHN.04.027 | Lê Thiện          | Bách  | 14042007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 28  | 4   | MHN.04.028 | Nguyễn Chí        | Bách  | 19042007 | Trường Tiểu học Thịnh Quang       | Hà Nội          |         |
| 29  | 4   | MHN.04.029 | Nguyễn Lại Gia    | Bách  | 30012007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 30  | 4   | MHN.04.030 | An Trí            | Bảo   | 28062007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 31  | 4   | MHN.04.031 | Hoàng Gia         | Bảo   | 03012007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 32  | 4   | MHN.04.032 | Lê Gia            | Bảo   | 27092007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 33  | 4   | MHN.04.033 | Nguyễn Gia        | Bảo   | 28082007 | Trường Tiểu học Thụy Phương       | Hà Nội          |         |
| 34  | 4   | MHN.04.034 | Nguyễn Bảo        | Châu  | 07112007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 35  | 4   | MHN.04.035 | Nguyễn Minh       | Châu  | 05122007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 36  | 4   | MHN.04.036 | Phùng Kiều Linh   | Chi   | 23022007 | Trường Tiểu học Hợp Hòa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 37  | 4   | MHN.04.037 | Trần Yền          | Chi   | 27122007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 38  | 4   | MHN.04.038 | Lê Thị Ánh        | Chúc  | 04012007 | Trường Tiểu học Quang Yên         | Vĩnh Phúc       |         |
| 39  | 4   | MHN.04.039 | Nguyễn Hùng       | Cường | 04102007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 40  | 4   | MHN.04.040 | Nguyễn Sỹ         | Cường | 30042007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 41  | 4   | MHN.04.041 | Phan Đỗ Việt      | Cường | 10072007 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A        | Hà Nội          |         |
| 42  | 4   | MHN.04.042 | Nguyễn Trần       | Đăng  | 25102007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 43  | 4   | MHN.04.043 | Lê Thành          | Đạt   | 06112007 | Trường Tiểu học Thụy Phương       | Hà Nội          |         |
| 44  | 4   | MHN.04.044 | Nguyễn Trọng      | Đạt   | 03042007 | Trường Tiểu học Nguyễn Trãi       | Hà Nội          |         |
| 45  | 4   | MHN.04.045 | Phan Đức          | Đạt   | 26092007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 46  | 4   | MHN.04.046 | Trần Tiến         | Đạt   | 25102007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 47  | 4   | MHN.04.047 | Nguyễn Thị        | Dinh  | 01012007 | Trường Tiểu học Tam Hồng 2        | Vĩnh Phúc       |         |
| 48  | 4   | MHN.04.048 | Hà Anh            | Đức   | 06072007 | Trường Tiểu học Phương Liệt       | Hà Nội          |         |
| 49  | 4   | MHN.04.049 | Hoàng Anh         | Đức   | 27012007 | Trường Tiểu học Trung Vương       | Hà Nội          |         |
| 50  | 4   | MHN.04.050 | Nguyễn Bá         | Đức   | 09122007 | Trường Tiểu học Hồng Phương       | Vĩnh Phúc       |         |
| 51  | 4   | MHN.04.051 | Phạm Duy          | Đức   | 13012007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 52  | 4   | MHN.04.052 | Phạm Minh         | Đức   | 17082008 | Trường Tiểu học Lý Nam Đế         | Hà Nội          |         |
| 53  | 4   | MHN.04.053 | Phan Thế          | Đức   | 03092007 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám        | Hà Nội          |         |
| 54  | 4   | MHN.04.054 | Lê Trí            | Dũng  | 29122007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 55  | 4   | MHN.04.055 | Nguyễn Bùi Đức    | Dũng  | 29012009 | Trường Phổ thông Quốc Tế Newton   | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                             | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 4   | MHN.04.056 | Nguyễn Trung     | Dũng  | 07012007 | Trường Tiểu học Láng Thượng        | Hà Nội          |         |
| 2   | 4   | MHN.04.057 | Phạm Trung       | Dũng  | 15052007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh          | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 4   | MHN.04.058 | Phùng Đắc        | Dũng  | 17072007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh          | Vĩnh Phúc       |         |
| 4   | 4   | MHN.04.059 | Trần Tấn         | Dũng  | 23122007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 5   | 4   | MHN.04.060 | Hàn Thái         | Dương | 15032007 | Trường Tiểu học Archimedes Academy | Hà Nội          |         |
| 6   | 4   | MHN.04.061 | Lại Huy          | Dương | 11092007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 7   | 4   | MHN.04.062 | Nguyễn Cảnh      | Dương | 03012007 | Trường Tiểu học Ngôi sao Hà Nội    | Hà Nội          |         |
| 8   | 4   | MHN.04.063 | Nguyễn Khánh     | Dương | 12112007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 9   | 4   | MHN.04.064 | Nguyễn Phan      | Dương | 04042007 | Trường Tiểu học Liên Minh          | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 4   | MHN.04.065 | Hà Nhật          | Duy   | 15122007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 11  | 4   | MHN.04.066 | Lê Trần Công     | Duy   | 27022007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 12  | 4   | MHN.04.067 | Lê Trường        | Giang | 21072007 | Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân   | Vĩnh Phúc       |         |
| 13  | 4   | MHN.04.068 | Nguyễn Trường    | Giang | 20092007 | Trường Tiểu học Đồng Tĩnh A        | Vĩnh Phúc       |         |
| 14  | 4   | MHN.04.069 | Phạm Hải         | Giang | 08062007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 15  | 4   | MHN.04.070 | Phạm Thị Thủy    | Giang | 08022007 | Trường Tiểu học Đồng Tĩnh B        | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 4   | MHN.04.071 | Phạm Thị Thủy    | Giang | 20092007 | Trường Tiểu học Đồng Tĩnh B        | Vĩnh Phúc       |         |
| 17  | 4   | MHN.04.072 | Vũ Tuấn          | Giang | 27072007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 18  | 4   | MHN.04.073 | Hoàng            | Hà    | 07032007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 19  | 4   | MHN.04.074 | Nguyễn Minh      | Hải   | 05022007 | Trường Tiểu học Dịch Vọng A        | Hà Nội          |         |
| 20  | 4   | MHN.04.075 | Nguyễn Thanh     | Hằng  | 06052007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 21  | 4   | MHN.04.076 | Trần Thị         | Hạnh  | 07032007 | Trường Tiểu học Phạm Công Bình     | Vĩnh Phúc       |         |
| 22  | 4   | MHN.04.077 | Nguyễn Hoàn      | Hào   | 13122007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 23  | 4   | MHN.04.078 | Trần Khánh       | Hiền  | 26092007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 24  | 4   | MHN.04.079 | Đỗ Thế           | Hiền  | 07012007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 25  | 4   | MHN.04.080 | Tạ Ngọc          | Hiền  | 26102007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 26  | 4   | MHN.04.081 | Đặng Minh        | Hoàng | 19092007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn         | Hà Nội          |         |
| 27  | 4   | MHN.04.082 | Lê Huy           | Hoàng | 24042007 | Trường Tiểu học Thụy Phương        | Hà Nội          |         |
| 28  | 4   | MHN.04.083 | Nguyễn Cao       | Hoàng | 27012007 | Trường Tiểu học Thanh Lãng B       | Vĩnh Phúc       |         |
| 29  | 4   | MHN.04.084 | Nguyễn Đức       | Huân  | 13092007 | Trường Tiểu học Trung Vương        | Hà Nội          |         |
| 30  | 4   | MHN.04.085 | Đặng Phùng Minh  | Hùng  | 10102007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 31  | 4   | MHN.04.086 | Lê Mạnh          | Hùng  | 10072007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 32  | 4   | MHN.04.087 | Nguyễn Tấn       | Hưng  | 20012007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 33  | 4   | MHN.04.088 | Nguyễn Tuấn      | Hưng  | 25022007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh          | Vĩnh Phúc       |         |
| 34  | 4   | MHN.04.089 | Nguyễn Việt      | Hưng  | 11062007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 35  | 4   | MHN.04.090 | Trần Lê          | Hưng  | 15052007 | Trường Tiểu học Gia Thụy           | Hà Nội          |         |
| 36  | 4   | MHN.04.091 | Lê Trúc          | Hương | 03082007 | Trường Tiểu học Ngôi Sao Hà Nội    | Hà Nội          |         |
| 37  | 4   | MHN.04.092 | Đỗ Quang         | Huy   | 18102007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 38  | 4   | MHN.04.093 | Đoàn Quang       | Huy   | 27062007 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A         | Hà Nội          |         |
| 39  | 4   | MHN.04.094 | Nguyễn Gia       | Huy   | 30062007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 40  | 4   | MHN.04.095 | Trần Gia         | Huy   | 16042007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 41  | 4   | MHN.04.096 | Nguyễn Minh      | Huyền | 02122007 | Trường Tiểu học Kim Đồng           | Phú Thọ         |         |
| 42  | 4   | MHN.04.097 | Nguyễn Quang     | Khải  | 16102007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 43  | 4   | MHN.04.098 | Trần Đức         | Khang | 14042007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 44  | 4   | MHN.04.099 | Bùi Gia          | Khánh | 15032007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn         | Hà Nội          |         |
| 45  | 4   | MHN.04.100 | Nguyễn Huy Nam   | Khánh | 16012007 | Trường Tiểu học Thanh Lãng B       | Vĩnh Phúc       |         |
| 46  | 4   | MHN.04.101 | Nguyễn Nam       | Khánh | 21042007 | Trường Tiểu học Phạm Công Bình     | Vĩnh Phúc       |         |
| 47  | 4   | MHN.04.102 | Nguyễn Phạm Việt | Khoa  | 07112007 | Trường Tiểu học Thụy Phương        | Hà Nội          |         |
| 48  | 4   | MHN.04.103 | Nguyễn Triết     | Khoa  | 31032007 | Trường Tiểu học Nghĩa Tân          | Hà Nội          |         |
| 49  | 4   | MHN.04.104 | Hồ Hồng          | Khôi  | 21122007 | Trường Tiểu học Trần Quốc Toản     | Hà Nội          |         |
| 50  | 4   | MHN.04.105 | Phạm Anh         | Khôi  | 06092007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 51  | 4   | MHN.04.106 | Phạm Đình        | Khôi  | 30122007 | Trường Tiểu học Liên Minh          | Vĩnh Phúc       |         |
| 52  | 4   | MHN.04.107 | Phùng            | Khôi  | 25032007 | Trường THCS Bê Tông                | Hà Nội          |         |
| 53  | 4   | MHN.04.108 | Đỗ Trung         | Kiên  | 22102007 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A         | Hà Nội          |         |
| 54  | 4   | MHN.04.109 | Nguyễn Chí       | Kiên  | 07102007 | Trường Tiểu học Ngôi Sao Hà Nội    | Hà Nội          |         |
| 55  | 4   | MHN.04.110 | Nguyễn Trung     | Kiên  | 02042007 | Trường Tiểu học Liên Minh          | Vĩnh Phúc       |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |      | Năm sinh | Trường                         | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|------|----------|--------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 4   | MHN.04.111 | Nguyễn Tấn       | Kiệt | 31072007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm  | Hà Nội             |         |
| 2   | 4   | MHN.04.112 | Dương Anh        | Kim  | 20052007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công | Hà Nội             |         |
| 3   | 4   | MHN.04.113 | Nguyễn Phong     | Kỳ   | 06022007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 4   | 4   | MHN.04.114 | Đỗ Phương        | Linh | 03022007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm  | Hà Nội             |         |
| 5   | 4   | MHN.04.115 | Lê Ngọc          | Linh | 25082007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh      | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 4   | MHN.04.116 | Lê Ngọc          | Linh | 19072007 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám     | Hà Nội             |         |
| 7   | 4   | MHN.04.117 | Ngô Khánh        | Linh | 22012007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh      | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 4   | MHN.04.118 | Nguyễn Kim Khánh | Linh | 22072007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 9   | 4   | MHN.04.119 | Nguyễn Vy        | Linh | 04012007 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B    | Hà Nội             |         |
| 10  | 4   | MHN.04.120 | Trần Hải         | Linh | 26012007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 11  | 4   | MHN.04.121 | Giang Vĩnh       | Lộc  | 14102007 | Trường Tiểu học Xuân La        | Hà Nội             |         |
| 12  | 4   | MHN.04.122 | Nguyễn Hoàng     | Long | 24092007 | Trường Tiểu học Thanh Xuân Nam | Hà Nội             |         |
| 13  | 4   | MHN.04.123 | Phạm Vũ          | Long | 25052007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 14  | 4   | MHN.04.124 | Lê Ly            | Ly   | 20022007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn     | Hà Nội             |         |
| 15  | 4   | MHN.04.125 | Trần Thảo        | Ly   | 21072007 | Trường Tiểu học Đồng Đa        | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 4   | MHN.04.126 | Bùi Ngọc         | Mai  | 19052007 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B    | Hà Nội             |         |
| 17  | 4   | MHN.04.127 | Nguyễn Hương     | Mai  | 28042007 | Trường Tiểu học Tam Quan II    | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 4   | MHN.04.128 | Đào Đức          | Mạnh | 10122007 | Trường Tiểu học Tam Quan II    | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 4   | MHN.04.129 | Nguyễn Đức       | Mạnh | 16122007 | Trường Tiểu học Liên Minh      | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 4   | MHN.04.130 | Cao Hữu          | Minh | 13012007 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A     | Hà Nội             |         |
| 21  | 4   | MHN.04.131 | Đặng Đăng        | Minh | 24062007 | Trường Tiểu học Vinschool      | Hà Nội             |         |
| 22  | 4   | MHN.04.132 | Dương Phạm Anh   | Minh | 13102007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn     | Hà Nội             |         |
| 23  | 4   | MHN.04.133 | Hoàng Quang      | Minh | 30042007 | Trường Tiểu học Liên Minh      | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 4   | MHN.04.134 | Huỳnh Quang      | Minh | 04072007 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn    | Đà Nẵng            |         |
| 25  | 4   | MHN.04.135 | Lê Trịnh Ngọc    | Minh | 28122007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 26  | 4   | MHN.04.136 | Nguyễn Anh       | Minh | 01122007 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám     | Hà Nội             |         |
| 27  | 4   | MHN.04.137 | Nguyễn Hoàng     | Minh | 08112007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 28  | 4   | MHN.04.138 | Nguyễn Phương    | Minh | 09012007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công | Hà Nội             |         |
| 29  | 4   | MHN.04.139 | Nguyễn Quang     | Minh | 16092007 | Trường Tiểu học Đồng Đa        | Vĩnh Phúc          |         |
| 30  | 4   | MHN.04.140 | Phạm Quang       | Minh | 21082007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm  | Hà Nội             |         |
| 31  | 4   | MHN.04.141 | Trần Đắc Nhật    | Minh | 12052007 | Trường Tiểu học Phương Mai     | Hà Nội             |         |
| 32  | 4   | MHN.04.142 | Trịnh Phú        | Minh | 05112007 | Trường Tiểu học Thịnh Quang    | Hà Nội             |         |
| 33  | 4   | MHN.04.143 | Trương Phúc      | Minh | 11052007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công | Hà Nội             |         |
| 34  | 4   | MHN.04.144 | Lê Đỗ Hà         | My   | 29032007 | Trường Tiểu học Xuân Đình      | Hà Nội             |         |
| 35  | 4   | MHN.04.145 | Nguyễn Hà        | My   | 24042007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh      | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |        | Năm sinh | Trường                            | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|--------|----------|-----------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 4   | MHN.04.146 | Vũ Mai Thảo        | My     | 07102007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 2   | 4   | MHN.04.147 | Nguyễn Hồng        | Nam    | 06112007 | Trường Tiểu học Hương Canh A      | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 4   | MHN.04.148 | Nguyễn Khắc Hải    | Nam    | 25072007 | Trường Tiểu học Hoàng Lâu         | Vĩnh Phúc       |         |
| 4   | 4   | MHN.04.149 | Nguyễn Thành       | Nam    | 22112007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 5   | 4   | MHN.04.150 | Nguyễn Thị Anh     | Nga    | 28022007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 6   | 4   | MHN.04.151 | Trần Tuấn          | Nghĩa  | 03012007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 7   | 4   | MHN.04.152 | Đinh Thị Bảo       | Ngọc   | 22012007 | Trường Tiểu học TT Vĩnh Tường     | Vĩnh Phúc       |         |
| 8   | 4   | MHN.04.153 | Nguyễn Hồng        | Ngọc   | 09022007 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 9   | 4   | MHN.04.154 | Đặng Khôi          | Nguyễn | 14122007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 10  | 4   | MHN.04.155 | Nguyễn Bùi Hạnh    | Nguyễn | 20052007 | Trường Tiểu học Thái Thịnh        | Hà Nội          |         |
| 11  | 4   | MHN.04.156 | Trần Phương Khánh  | Nhi    | 22032007 | Trường Tiểu học Cát Linh          | Hà Nội          |         |
| 12  | 4   | MHN.04.157 | Hoàng Tiến         | Phát   | 03072007 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương | Hà Nội          |         |
| 13  | 4   | MHN.04.158 | Nguyễn Tuấn        | Phát   | 09062007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 14  | 4   | MHN.04.159 | Nguyễn Công Huy    | Phong  | 20122007 | Trường Tiểu học Bể Vãn Đàn        | Hà Nội          |         |
| 15  | 4   | MHN.04.160 | Nguyễn Tiến        | Phong  | 13082007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 16  | 4   | MHN.04.161 | Trần Minh          | Phú    | 20122007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 17  | 4   | MHN.04.162 | Đặng Trọng         | Phúc   | 09082007 | Trường Tiểu học Ngôi Sao Hà Nội   | Hà Nội          |         |
| 18  | 4   | MHN.04.163 | Lê Lan             | Phương | 06062007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 19  | 4   | MHN.04.164 | Tạ Hà              | Phương | 16112007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 20  | 4   | MHN.04.165 | Trần Thị Thu       | Phương | 09012007 | Trường Tiểu học Thanh Vân         | Vĩnh Phúc       |         |
| 21  | 4   | MHN.04.166 | Vũ Hà              | Phương | 29092007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 22  | 4   | MHN.04.167 | Lê Minh            | Quân   | 16112007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 23  | 4   | MHN.04.168 | Đàm Minh           | Quang  | 13052007 | Trường Tiểu Học Trung Vương       | Hà Nội          |         |
| 24  | 4   | MHN.04.169 | Nguyễn Đại         | Quang  | 05052007 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ         |         |
| 25  | 4   | MHN.04.170 | Nguyễn Minh        | Quang  | 12012007 | Trường Tiểu học Ngôi Sao Hà nội   | Hà Nội          |         |
| 26  | 4   | MHN.04.171 | Vũ Hào Anh         | Quang  | 28102007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 27  | 4   | MHN.04.172 | Đoàn Như           | Quỳnh  | 24012007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 28  | 4   | MHN.04.173 | Bạch Thái          | Son    | 30092007 | Trường Tiểu học Khai Quang        | Vĩnh Phúc       |         |
| 29  | 4   | MHN.04.174 | Nguyễn Thái        | Son    | 24062007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 30  | 4   | MHN.04.175 | Đỗ Tuấn            | Tài    | 26062007 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 31  | 4   | MHN.04.176 | Trần Minh          | Tài    | 12062007 | Trường Tiểu học Hương Canh A      | Vĩnh Phúc       |         |
| 32  | 4   | MHN.04.177 | Lê Huy             | Tâm    | 13042007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 33  | 4   | MHN.04.178 | Phạm Minh          | Tâm    | 22072007 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 34  | 4   | MHN.04.179 | Ngô Phan Vinh      | Thái   | 16042007 | Trường Tiểu học Minh Khai A       | Hà Nội          |         |
| 35  | 4   | MHN.04.180 | Dương Văn          | Thắng  | 28082007 | Trường Tiểu học Thanh Lãng B      | Vĩnh Phúc       |         |
| 36  | 4   | MHN.04.181 | Triệu Hữu          | Thắng  | 14022007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 37  | 4   | MHN.04.182 | Nguyễn Thị Diệu    | Thanh  | 26102007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 38  | 4   | MHN.04.183 | Đặng Cường         | Thành  | 16052007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 39  | 4   | MHN.04.184 | Đặng Văn           | Thành  | 03022007 | Trường Tiểu học Trần Cao Vân      | Đà Nẵng         |         |
| 40  | 4   | MHN.04.185 | Nguyễn Phúc        | Thành  | 11122007 | Trường Tiểu học TT Vĩnh Tường     | Vĩnh Phúc       |         |
| 41  | 4   | MHN.04.186 | Phan Huy           | Thành  | 03012007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 42  | 4   | MHN.04.187 | Vũ Phùng Trọng     | Thịnh  | 29092007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 43  | 4   | MHN.04.188 | Nguyễn Hoàng Thanh | Thư    | 30092007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 44  | 4   | MHN.04.189 | Phan Anh           | Thư    | 17042007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 45  | 4   | MHN.04.190 | Nguyễn Doãn        | Thuận  | 03022007 | Trường Tiểu học Phú Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 46  | 4   | MHN.04.191 | Phạm Thị Minh      | Thùy   | 18112007 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 47  | 4   | MHN.04.192 | Phùng Bảo          | Thy    | 25012007 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 48  | 4   | MHN.04.193 | Phan Anh           | Tiến   | 06032007 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 49  | 4   | MHN.04.194 | Nguyễn Chí         | Tín    | 23032007 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 50  | 4   | MHN.04.195 | Bùi Quang          | Toàn   | 14042007 | Trường Tiểu học Đại Đồng          | Vĩnh Phúc       |         |
| 51  | 4   | MHN.04.196 | Lê Đức             | Toàn   | 10112007 | Trường Tiểu học Suối Hoa          | Bắc Ninh        |         |
| 52  | 4   | MHN.04.197 | Nguyễn Đình        | Toàn   | 08112007 | Trường Tiểu học Tề Lỗ             | Vĩnh Phúc       |         |
| 53  | 4   | MHN.04.198 | Nguyễn Bảo         | Trâm   | 09042007 | Trường Tiểu học Vân Hội           | Vĩnh Phúc       |         |
| 54  | 4   | MHN.04.199 | Bùi Minh           | Trang  | 10022007 | Trường Tiểu học Thắng Lợi         | Hưng Yên        |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên               |        | Năm sinh | Trường                             | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------------|--------|----------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 4   | MHN.04.200 | Nguyễn Quỳnh            | Trang  | 19052007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 2   | 4   | MHN.04.201 | Bùi Quang               | Trung  | 20032007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 3   | 4   | MHN.04.202 | Trần Đức                | Trung  | 23082007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 4   | 4   | MHN.04.203 | Vũ Nam Đức              | Trung  | 03042007 | Trường Tiểu học Archimedes Academy | Hà Nội          |         |
| 5   | 4   | MHN.04.204 | Trần Văn                | Trường | 2007     | Trường Tiểu học Hồng Phương        | Hà Nội          |         |
| 6   | 4   | MHN.04.205 | Nguyễn Quang            | Tú     | 03102007 | Trường Tiểu học Hoàng Lâu          | Vĩnh Phúc       |         |
| 7   | 4   | MHN.04.206 | Vũ Ngọc Cẩm             | Tú     | 07062007 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 8   | 4   | MHN.04.207 | Bùi Anh                 | Tuấn   | 10062007 | Trường Tiểu học Xuân Đình          | Hà Nội          |         |
| 9   | 4   | MHN.04.208 | Bùi Huy                 | Tuấn   | 23012007 | Trường Tiểu học Tề Lỗ              | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 4   | MHN.04.209 | Phan Trọng              | Tuệ    | 23062007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 11  | 4   | MHN.04.210 | Nguyễn Đình             | Tùng   | 08032008 | Trường Tiểu học Archimedes Academy | Hà Nội          |         |
| 12  | 4   | MHN.04.211 | Trần Quang              | Tùng   | 12052007 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn        | Đà Nẵng         |         |
| 13  | 4   | MHN.04.212 | Vũ Hoàng Khánh          | Uyên   | 30072007 | Trường Tiểu học Trung Văn          | Hà Nội          |         |
| 14  | 4   | MHN.04.213 | Nguyễn Đình             | Vũ     | 18022007 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 15  | 4   | MHN.04.214 | Nguyễn Hoàng Anh        | Vũ     | 04112007 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 4   | MHN.04.215 | Nguyễn Lâm              | Vũ     | 10102007 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A         | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.001 | Hoàng Phúc              | An     | 03022006 | Trường Tiểu học Quan Hoa           | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.002 | Lưu Hoàng               | An     | 05072006 | Trường Tiểu học Kim Liên           | Hà Nội          |         |
| 19  | 5   | MHN.05.003 | Nguyễn Hữu              | An     | 21112006 | Trường Tiểu học Phú Đô             | Hà Nội          |         |
| 20  | 5   | MHN.05.004 | Nguyễn Hữu Duy          | An     | 23022006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.005 | Nguyễn Khánh            | An     | 03112006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn         | Hà Nội          |         |
| 22  | 5   | MHN.05.006 | Nguyễn Phúc Trường      | An     | 18052006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 23  | 5   | MHN.05.007 | Trần Lâm                | An     | 01092006 | Trường Tiểu học Xuân Đình          | Hà Nội          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.008 | Chữ Quang               | Anh    | 23012006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 25  | 5   | MHN.05.009 | Đặng Duy                | Anh    | 07122006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.010 | Đặng Nguyễn Duy         | Anh    | 04022006 | Trường tiểu học Tân Định           | Hà Nội          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.011 | Đình Phan               | Anh    | 15032006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.012 | Đình Quang              | Anh    | 16062006 | Trường Tiểu học Đền Lừ             | Hà Nội          |         |
| 29  | 5   | MHN.05.013 | Đỗ Đình Hoàng           | Anh    | 06012006 | Trường Tiểu học Xuân Đình          | Hà Nội          |         |
| 30  | 5   | MHN.05.014 | Đỗ Thị Ngọc             | Anh    | 2432006  | Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học I  | Vĩnh Phúc       |         |
| 31  | 5   | MHN.05.015 | Dương Đức               | Anh    | 10012006 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 32  | 5   | MHN.05.016 | Hồ Thị Minh             | Anh    | 04062006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 33  | 5   | MHN.05.017 | Hoàng Châu              | Anh    | 17022006 | Trường Tiểu học Phương Mai         | Hà Nội          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.018 | Hoàng Mỹ                | Anh    | 21072006 | Trường Tiểu học Đồng Đa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 35  | 5   | MHN.05.019 | Lại Vi                  | Anh    | 12112006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 36  | 5   | MHN.05.020 | Lê Đức                  | Anh    | 02042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 37  | 5   | MHN.05.021 | Lê Đức                  | Anh    | 11072006 | Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học I  | Vĩnh Phúc       |         |
| 38  | 5   | MHN.05.022 | Lê Thị Lan              | Anh    | 29122006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1          | Hà Nội          |         |
| 39  | 5   | MHN.05.023 | Lưu Ngọc                | Anh    | 16092006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn   | Vĩnh Phúc       |         |
| 40  | 5   | MHN.05.024 | Lưu Nguyễn Ngọc         | Anh    | 19012006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 41  | 5   | MHN.05.025 | Lý Hà                   | Anh    | 11102006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn         | Hà Nội          |         |
| 42  | 5   | MHN.05.026 | Nguyễn Châu             | Anh    | 13022006 | Trường Tiểu học Thụy Phương        | Hà Nội          |         |
| 43  | 5   | MHN.05.027 | Nguyễn Đức              | Anh    | 30102006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1          | Hà Nội          |         |
| 44  | 5   | MHN.05.028 | Nguyễn Đức Phạm Bảo Anh | Anh    | 08122006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 45  | 5   | MHN.05.029 | Nguyễn Duy              | Anh    | 05062006 | Trường Lomonoxop Mễ trì            | Hà Nội          |         |
| 46  | 5   | MHN.05.030 | Nguyễn Hà               | Anh    | 26072006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn   | Vĩnh Phúc       |         |
| 47  | 5   | MHN.05.031 | Nguyễn Hoài             | Anh    | 10042006 | Trường Tiểu học Xuân Hòa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 48  | 5   | MHN.05.032 | Nguyễn Huyền            | Anh    | 19112006 | Trường Tiểu học Thanh Lãng B       | Vĩnh Phúc       |         |
| 49  | 5   | MHN.05.033 | Nguyễn Lê               | Anh    | 22092006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 50  | 5   | MHN.05.034 | Nguyễn Ngọc             | Anh    | 26072006 | Trường Tiểu học Thượng Lâm         | Hà Nội          |         |
| 51  | 5   | MHN.05.035 | Nguyễn Ngọc Tuấn        | Anh    | 30012006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ              | Vĩnh Phúc       |         |
| 52  | 5   | MHN.05.036 | Nguyễn Phan             | Anh    | 12092006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 53  | 5   | MHN.05.037 | Nguyễn Quốc             | Anh    | 02092006 | Trường Tiểu học Minh Khai A        | Hà Nội          |         |
| 54  | 5   | MHN.05.038 | Nguyễn Quốc             | Anh    | 30122006 | Trường Tiểu học Phú Đô             | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |      | Năm sinh | Trường                              | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|------|----------|-------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.039 | Nguyễn Thị Ngọc  | Anh  | 27052006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 5   | MHN.05.040 | Nguyễn Vy        | Anh  | 30052006 | Trường Tiểu học Hương Canh B        | Hà Nội             |         |
| 3   | 5   | MHN.05.041 | Phan Hồng        | Anh  | 15052006 | Trường Tiểu học Phú Đô              | Hà Nội             |         |
| 4   | 5   | MHN.05.042 | Quách Ngọc Vân   | Anh  | 13122006 | Trường Tiểu học Trần Quốc Toản      | Huế                |         |
| 5   | 5   | MHN.05.043 | Sái Thị Lan      | Anh  | 25022006 | Trường Tiểu học Trung Hà            | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 5   | MHN.05.044 | Tô Quang Minh    | Anh  | 16042006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.045 | Triệu Quốc       | Anh  | 26072006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội             |         |
| 8   | 5   | MHN.05.046 | Trịnh Quang      | Anh  | 20032006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội             |         |
| 9   | 5   | MHN.05.047 | Vũ Lê Phương     | Anh  | 15082006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 5   | MHN.05.048 | Vũ Nhật          | Anh  | 24082006 | Trường Tiểu học Vạn Phúc            | Hà Nội             |         |
| 11  | 5   | MHN.05.049 | Vũ Phương        | Anh  | 15022006 | Trường Tiểu học Đại Kim             | Hà Nội             |         |
| 12  | 5   | MHN.05.050 | Đinh Hoàng       | Ánh  | 25072006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội             |         |
| 13  | 5   | MHN.05.051 | La Thị Ngọc      | Ánh  | 19122006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.052 | Trương Ngọc      | Ánh  | 16042006 | Trường Tiểu học Hào Phú             | Tuyên Quang        |         |
| 15  | 5   | MHN.05.053 | Dương Phan Quang | Bách | 20072006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.054 | Nguyễn Nhật      | Bách | 09122006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm         | Hà Nội             |         |
| 17  | 5   | MHN.05.055 | Nguyễn Xuân      | Bách | 07102006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội             |         |
| 18  | 5   | MHN.05.056 | Lý Lâm           | Bảo  | 21022006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội             |         |
| 19  | 5   | MHN.05.057 | Nguyễn Huy       | Bảo  | 19052006 | Trường Tiểu học Thụy Phương         | Hà Nội             |         |
| 20  | 5   | MHN.05.058 | Nguyễn Ngọc      | Bảo  | 11022006 | Trường Tiểu học B Thị trấn Văn Điển | Hà Nội             |         |
| 21  | 5   | MHN.05.059 | Lê Phạm Phúc     | Bình | 30082006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc          |         |
| 22  | 5   | MHN.05.060 | Phạm Thanh       | Bình | 04032006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ            |         |
| 23  | 5   | MHN.05.061 | Tạ Thanh         | Bình | 01012006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ               | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.062 | Thái Thanh       | Bình | 02032006 | Trường Tiểu Học Nam Hà              | Hà Tĩnh            |         |
| 25  | 5   | MHN.05.063 | Trần Khánh       | Bình | 17012006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội             |         |
| 26  | 5   | MHN.05.064 | Doãn Trịnh Bảo   | Châu | 07042006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.065 | Hán Trần Bảo     | Châu | 02052006 | Trường Tiểu học Tam Hồng 2          | Vĩnh Phúc          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.066 | La Minh          | Châu | 13032006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội             |         |
| 29  | 5   | MHN.05.067 | Nguyễn Bảo       | Châu | 22122006 | Trường Tiểu học Trưng Vương         | Hà Nội             |         |
| 30  | 5   | MHN.05.068 | Nguyễn Bảo       | Châu | 25082006 | Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu         | Hà Nội             |         |
| 31  | 5   | MHN.05.069 | Nguyễn Việt Minh | Châu | 05032006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội             |         |
| 32  | 5   | MHN.05.070 | Vũ Thị Huyền     | Châu | 11012006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội             |         |
| 33  | 5   | MHN.05.071 | Đặng Quỳnh       | Chi  | 09062006 | Trường Tiểu học Kim Liên            | Hà Nội             |         |
| 34  | 5   | MHN.05.072 | Hoàng Thùy       | Chi  | 22092006 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám          | Hà Nội             |         |
| 35  | 5   | MHN.05.073 | Lê Cẩm           | Chi  | 26102006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                              | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|-------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.074 | Phạm Quỳnh       | Chi   | 30092006 | Trường Tiểu học Thực Nghiệm         | Hà Nội          |         |
| 2   | 5   | MHN.05.075 | Trần Khánh       | Chi   | 07082006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 3   | 5   | MHN.05.076 | Đồng Minh        | Chung | 01092006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 4   | 5   | MHN.05.077 | Bùi Đức          | Cường | 18032006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 5   | 5   | MHN.05.078 | Đoàn Thế         | Cường | 07122006 | Trường Tiểu học Bế Văn Đàn          | Hà Nội          |         |
| 6   | 5   | MHN.05.079 | Vũ Minh          | Đăng  | 17122006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 7   | 5   | MHN.05.080 | Nguyễn Tiến      | Đạt   | 16102006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc       |         |
| 8   | 5   | MHN.05.081 | Phạm Đức         | Đạt   | 11112006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 9   | 5   | MHN.05.082 | Võ Thành         | Đạt   | 18012006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 10  | 5   | MHN.05.083 | Đoàn Minh        | Đức   | 28052006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 11  | 5   | MHN.05.084 | Dương Anh        | Đức   | 12032006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội          |         |
| 12  | 5   | MHN.05.085 | Hà Tiến          | Đức   | 22062006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm         | Hà Nội          |         |
| 13  | 5   | MHN.05.086 | Hoàng Minh       | Đức   | 09122006 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A          | Hà Nội          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.087 | Phạm Minh        | Đức   | 27032006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 15  | 5   | MHN.05.088 | Trần Mỹ          | Dung  | 16042006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.089 | Khuong Tấn       | Dũng  | 16122006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc       |         |
| 17  | 5   | MHN.05.090 | Lê Mạnh          | Dũng  | 06082006 | Trường Tiểu học Tân Định            | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.091 | Lương Bá         | Dũng  | 18122006 | Trường Tiểu học Xuân Hòa            | Vĩnh Phúc       |         |
| 19  | 5   | MHN.05.092 | Nguyễn Đình Tiến | Dũng  | 19102006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 20  | 5   | MHN.05.093 | Nguyễn Đức       | Dũng  | 02092006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 21  | 5   | MHN.05.094 | Nguyễn Hoàng     | Dũng  | 08092006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 22  | 5   | MHN.05.095 | Nguyễn Minh      | Dũng  | 25082006 | Trường Tiểu học Mễ Trì              | Hà Nội          |         |
| 23  | 5   | MHN.05.096 | Nguyễn Việt      | Dũng  | 12072006 | Trường Tiểu học B Thị trấn Văn Điển | Hà Nội          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.097 | Phạm Lê          | Dũng  | 17102006 | Trường Tiểu học Mễ Trì              | Hà Nội          |         |
| 25  | 5   | MHN.05.098 | Trần Việt        | Dũng  | 14032006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.099 | Hoàng Đức        | Dương | 12112006 | Trường Tiểu học Hào Phú             | Tuyên Quang     |         |
| 27  | 5   | MHN.05.100 | Nguyễn Tuấn      | Dương | 05022006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 28  | 5   | MHN.05.101 | Trần Văn         | Dương | 23012006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội          |         |
| 29  | 5   | MHN.05.102 | Hoàng Đức        | Duy   | 02082006 | Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu       | Hà Nội          |         |
| 30  | 5   | MHN.05.103 | Hoàng Nguyễn     | Duy   | 02052006 | Trường Tiểu học Bồ Lý               | Vĩnh Phúc       |         |
| 31  | 5   | MHN.05.104 | Hoàng Vũ         | Duy   | 22042006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc       |         |
| 32  | 5   | MHN.05.105 | Lê Mạnh          | Duy   | 01012006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương   | Hà Nội          |         |
| 33  | 5   | MHN.05.106 | Nguyễn Khánh     | Duy   | 03112006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.107 | Nguyễn Phong     | Duy   | 16012006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 35  | 5   | MHN.05.108 | Trần Bảo         | Duy   | 01042006 | Hệ thống giáo dục Ngôi Sao Hà Nội   | Hà Nội          |         |
| 36  | 5   | MHN.05.109 | Nguyễn Thị       | Duyên | 27062006 | Trường Tiểu Học Văn Khê             | Hà Nội          |         |
| 37  | 5   | MHN.05.110 | Bùi Ngân         | Giang | 17102006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương   | Hà Nội          |         |
| 38  | 5   | MHN.05.111 | Đặng Thị Hương   | Giang | 21122006 | Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh 1        | Vĩnh Phúc       |         |
| 39  | 5   | MHN.05.112 | Nguyễn Hương     | Giang | 02042006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội          |         |
| 40  | 5   | MHN.05.113 | Nguyễn Quỳnh     | Giang | 05122006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 41  | 5   | MHN.05.114 | Trần Hương       | Giang | 26022006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 42  | 5   | MHN.05.115 | Lê Nguyên        | Hà    | 09102006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 43  | 5   | MHN.05.116 | Lê Thu           | Hà    | 28042006 | Trường Tiểu học Liên Châu           | Vĩnh Phúc       |         |
| 44  | 5   | MHN.05.117 | Nghiêm Nhật      | Hà    | 18072006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 45  | 5   | MHN.05.118 | Vương Nhật       | Hà    | 27072006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 46  | 5   | MHN.05.119 | Lê Thị Thanh     | Hải   | 08062006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 47  | 5   | MHN.05.120 | Lưu Tuấn         | Hải   | 21042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 48  | 5   | MHN.05.121 | Lý Bắc           | Hải   | 17042006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 49  | 5   | MHN.05.122 | Nguyễn Thanh     | Hải   | 20072006 | Trường Tiểu học Phan Đình Giót      | Hà Nội          |         |
| 50  | 5   | MHN.05.123 | Nguyễn Văn       | Hải   | 25062006 | Trường Tiểu học Đồng Tĩnh A         | Vĩnh Phúc       |         |
| 51  | 5   | MHN.05.124 | Vũ Ngọc Bảo      | Hân   | 08012006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 52  | 5   | MHN.05.125 | Đinh Phạm Nguyên | Hằng  | 13122006 | Trường Tiểu học Đông Thái           | Hà Nội          |         |
| 53  | 5   | MHN.05.126 | Phạm Thị Nguyên  | Hạnh  | 09032006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 54  | 5   | MHN.05.127 | Lê Minh          | Hiền  | 27082006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 55  | 5   | MHN.05.128 | Kim Tiến         | Hiệp  | 03032006 | Trường Tiểu học Phạm Công Bình      | Vĩnh Phúc       |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                              | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|-------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.129 | Phùng Văn        | Hiệp  | 11012006 | Trường Tiểu học Duy Phiên B         | Vĩnh Phúc       |         |
| 2   | 5   | MHN.05.130 | Ngô Xuân         | Hiếu  | 07022006 | Trường Tiểu học Đông Thái           | Hà Nội          |         |
| 3   | 5   | MHN.05.131 | Nguyễn Duy       | Hiếu  | 06032006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội          |         |
| 4   | 5   | MHN.05.132 | Nguyễn Trí       | Hiếu  | 03062006 | Trường Tiểu học Trung Tự            | Hà Nội          |         |
| 5   | 5   | MHN.05.133 | Tạ Minh          | Hiếu  | 02042006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ               | Vĩnh Phúc       |         |
| 6   | 5   | MHN.05.134 | Trần Bảo         | Hiếu  | 16082006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.135 | Bùi Trọng        | Hoàng | 16082006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 8   | 5   | MHN.05.136 | Nguyễn Việt      | Hoàng | 31012006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội          |         |
| 9   | 5   | MHN.05.137 | Trần Việt        | Hoàng | 05022006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 10  | 5   | MHN.05.138 | Vũ Huy           | Hoàng | 27112006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 11  | 5   | MHN.05.139 | Phùng Tiến       | Hợp   | 28032006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 12  | 5   | MHN.05.140 | Lê Đức           | Hùng  | 18022006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 13  | 5   | MHN.05.141 | Nguyễn Bá Việt   | Hùng  | 21102006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.142 | Nguyễn Mạnh      | Hùng  | 2332006  | Trường Tiểu học Kim Xá 2            | Vĩnh Phúc       |         |
| 15  | 5   | MHN.05.143 | Nguyễn Thế       | Hùng  | 23102006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 5   | MHN.05.144 | Nguyễn Tuấn      | Hùng  | 06082006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.145 | Nguyễn Vũ        | Hùng  | 12042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.146 | Giáp Ngọc        | Hưng  | 07102006 | Trường Tiểu học Thụy Phương         | Hà Nội          |         |
| 19  | 5   | MHN.05.147 | Nguyễn Gia       | Hưng  | 18062006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội          |         |
| 20  | 5   | MHN.05.148 | Nguyễn Thế       | Hưng  | 15082006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 21  | 5   | MHN.05.149 | Phạm Ngọc        | Hưng  | 01122006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 22  | 5   | MHN.05.150 | Vũ Đức Nam       | Hưng  | 07042006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 23  | 5   | MHN.05.151 | Vũ Thế           | Hưng  | 15012006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.152 | Vũ Việt          | Hưng  | 27112006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 25  | 5   | MHN.05.153 | Khổng Lan        | Hương | 22042006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 26  | 5   | MHN.05.154 | Bùi Khắc         | Huy   | 10012006 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A          | Hà Nội          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.155 | Đào An           | Huy   | 10032006 | Trường Tiểu học B Thị trấn Văn Điển | Hà Nội          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.156 | Đỗ Hoàng Gia     | Huy   | 23012006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc       |         |
| 29  | 5   | MHN.05.157 | Nghiêm Trường    | Huy   | 20082006 | Trường Tiểu học Lưu Quý An          | Vĩnh Phúc       |         |
| 30  | 5   | MHN.05.158 | Nguyễn Quang     | Huy   | 21112006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 31  | 5   | MHN.05.159 | Nguyễn Quang     | Huy   | 10042006 | Trường Tiểu học Liên Minh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 32  | 5   | MHN.05.160 | Nguyễn Quang     | Huy   | 16062006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 33  | 5   | MHN.05.161 | Trần Gia         | Huy   | 15082006 | Trường Tiểu học Quang Trung         | Hà Nội          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.162 | Vũ Xuân          | Huy   | 07042006 | Trường Tiểu học Kim Ngọc            | Vĩnh Phúc       |         |
| 35  | 5   | MHN.05.163 | Đỗ Minh          | Huyền | 08042006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 36  | 5   | MHN.05.164 | Nguyễn Khánh     | Huyền | 11082006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc       |         |
| 37  | 5   | MHN.05.165 | Tô Ngọc          | Huyền | 28112006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 38  | 5   | MHN.05.166 | Trịnh Khánh      | Huyền | 18082006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 39  | 5   | MHN.05.167 | Phan Vũ Nguyên   | Khái  | 21022006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 40  | 5   | MHN.05.168 | Trần Văn         | Khái  | 29042006 | Trường Tiểu học Thanh Lãng B        | Vĩnh Phúc       |         |
| 41  | 5   | MHN.05.169 | Nguyễn Tuấn      | Khang | 31082006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương   | Hà Nội          |         |
| 42  | 5   | MHN.05.170 | Trần Nhật        | Khang | 21032006 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn         | Đà Nẵng         |         |
| 43  | 5   | MHN.05.171 | Bùi Tuấn         | Khanh | 17032006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 44  | 5   | MHN.05.172 | Nguyễn Hà Vân    | Khanh | 28032006 | Trường Tiểu học Mễ Trì              | Hà Nội          |         |
| 45  | 5   | MHN.05.173 | Nông Nguyễn Diệp | Khanh | 30122006 | Trường Tiểu học Hợp Giang           | Cao Bằng        |         |
| 46  | 5   | MHN.05.174 | Trương Thị Bảo   | Khanh | 26082006 | Trường Tiểu học Minh Khai A         | Hà Nội          |         |
| 47  | 5   | MHN.05.175 | Mai Nam          | Khánh | 23022006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 48  | 5   | MHN.05.176 | Nguyễn Đình Nam  | Khánh | 14052006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 49  | 5   | MHN.05.177 | Nguyễn Hà Ngọc   | Khánh | 20062006 | Trường Tiểu học Đặng Trần Côn       | Hà Nội          |         |
| 50  | 5   | MHN.05.178 | Nguyễn Nam       | Khánh | 14032006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 51  | 5   | MHN.05.179 | Tạ Nam           | Khánh | 19072006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ               | Vĩnh Phúc       |         |
| 52  | 5   | MHN.05.180 | Đặng Hoàng       | Khiêm | 02082006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 53  | 5   | MHN.05.181 | Ngô Huy Đăng     | Khoa  | 01042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 54  | 5   | MHN.05.182 | Nguyễn Ngọc Đăng | Khoa  | 10122006 | Trường Tiểu học Việt Úc Hà Nội      | Hà Nội          |         |
| 55  | 5   | MHN.05.183 | Chu Ngọc Minh    | Khôi  | 06042006 | Trường Tiểu học Ngôi Sao Hà Nội     | Hà Nội          |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |      | Năm sinh | Trường                            | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|------|----------|-----------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.184 | Nguyễn Bảo       | Khôi | 10022006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương | Hà Nội             |         |
| 2   | 5   | MHN.05.185 | Nguyễn Duy       | Khôi | 07012006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 3   | 5   | MHN.05.186 | Nguyễn Tuấn      | Khôi | 06052006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 4   | 5   | MHN.05.187 | Lưu Minh         | Khuê | 12022006 | Trường Tiểu học Tây Sơn           | Hà Nội             |         |
| 5   | 5   | MHN.05.188 | Nguyễn Trần Minh | Khuê | 26062006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 6   | 5   | MHN.05.189 | Nguyễn Trung     | Kiên | 05122006 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.190 | Tạ Trung         | Kiên | 16082006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 5   | MHN.05.191 | Tạ Xuân          | Kiên | 16012006 | Trường Tiểu học Chu Văn An        | Hà Nội             |         |
| 9   | 5   | MHN.05.192 | Vương Chí        | Kiên | 17102006 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A        | Hà Nội             |         |
| 10  | 5   | MHN.05.193 | Trần Lê Anh      | Kiệt | 14022006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B       | Hà Nội             |         |
| 11  | 5   | MHN.05.194 | Trịnh Tuấn       | Kiệt | 08032006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 12  | 5   | MHN.05.195 | Nguyễn Lê Thiên  | Kim  | 13112006 | Trường TH, - THCS PASCAL          | Hà Nội             |         |
| 13  | 5   | MHN.05.196 | Hoàng Tùng       | Lâm  | 16042006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.197 | Phạm Tùng        | Lâm  | 27092006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội             |         |
| 15  | 5   | MHN.05.198 | Trịnh Vũ         | Lâm  | 04072006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.199 | Đỗ Ngọc          | Lan  | 13052006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn  | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.200 | Lê Thị Phương    | Lan  | 12092006 | Trường Tiểu học Tam Quan II       | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.201 | Đoàn Phương      | Liên | 15072006 | Trường Tiểu học Trần phú          | Hà Nội             |         |
| 19  | 5   | MHN.05.202 | Chu Bảo          | Linh | 01012006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 20  | 5   | MHN.05.203 | Đỗ Phương        | Linh | 16062006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ            |         |
| 21  | 5   | MHN.05.204 | Đoàn Nhật        | Linh | 03082006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 22  | 5   | MHN.05.205 | Hà Thị Diệu      | Linh | 24012006 | Trường Tiểu học Liên Châu         | Vĩnh Phúc          |         |
| 23  | 5   | MHN.05.206 | Nguyễn Diệu      | Linh | 09102006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 24  | 5   | MHN.05.207 | Nguyễn Diệu      | Linh | 21112006 | Trường Tiểu học Nam Trung Yên     | Hà Nội             |         |
| 25  | 5   | MHN.05.208 | Nguyễn Khánh     | Linh | 22082006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.209 | Nguyễn Phương    | Linh | 15012006 | Trường Tiểu học Đồng Tĩnh B       | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.210 | Nguyễn Thùy      | Linh | 23032006 | Trường Tiểu học Liên Châu         | Vĩnh Phúc          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.211 | Phạm Gia         | Linh | 18022006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 29  | 5   | MHN.05.212 | Phí Phương       | Linh | 21112006 | Trường Tiểu học Thành Công B      | Hà Nội             |         |
| 30  | 5   | MHN.05.213 | Vũ Khánh         | Linh | 12112006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 31  | 5   | MHN.05.214 | Hồ Vương         | Long | 09012006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ            |         |
| 32  | 5   | MHN.05.215 | Lại Thái         | Long | 20102006 | Trường Tiểu học Chu Văn An        | Hà Nội             |         |
| 33  | 5   | MHN.05.216 | Nguyễn Hoàng     | Long | 16122006 | Trường Tiểu học Duy Phiên B       | Vĩnh Phúc          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.217 | Nguyễn Lê Hoàng  | Long | 20082006 | Trường Tiểu học Trung Hà          | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |      | Năm sinh | Trường                            | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|----------|-----------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.218 | Nguyễn Nhật       | Long | 15102006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn  | Vĩnh Phúc       |         |
| 2   | 5   | MHN.05.219 | Phan Hoàng        | Long | 29032006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 5   | MHN.05.220 | Trần Hải          | Long | 29052006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm       | Hà Nội          |         |
| 4   | 5   | MHN.05.221 | Nguyễn Tiến       | Lực  | 24022006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 5   | 5   | MHN.05.222 | Trần Hương        | Ly   | 29082006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ         |         |
| 6   | 5   | MHN.05.223 | Vũ Thị Cẩm        | Ly   | 05052006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1         | Hà Nội          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.224 | Bùi Hiền          | Mai  | 20012006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 8   | 5   | MHN.05.225 | Hoàng Nhật        | Mai  | 19012006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn  | Vĩnh Phúc       |         |
| 9   | 5   | MHN.05.226 | Nguyễn Thị Ngọc   | Mai  | 27122006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn  | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 5   | MHN.05.227 | Nguyễn Xuân       | Mai  | 16092006 | Trường Tiểu học Hào Phú           | Tuyên Quang     |         |
| 11  | 5   | MHN.05.228 | Trần Hồng         | Mai  | 30102006 | Trường Tiểu học Tuấn Chính        | Vĩnh Phúc       |         |
| 12  | 5   | MHN.05.229 | Bùi Đức           | Minh | 07022006 | Trường Tiểu học Kim Đồng          | Hà Nội          |         |
| 13  | 5   | MHN.05.230 | Bùi Nguyên Hồng   | Minh | 18092006 | Trường Tiểu học Tây Sơn           | Hà Nội          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.231 | Đặng Ngọc         | Minh | 10032006 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 15  | 5   | MHN.05.232 | Đặng Trần Nhật    | Minh | 04062006 | Trường Việt Úc Hà Nội             | Hà Nội          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.233 | Đinh Quang        | Minh | 2006     | Trường Tiểu học Hoàng Liệt        | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.234 | Đỗ Đức            | Minh | 23082006 | Trường Tiểu học Chu Văn An        | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.235 | Hoàng Cao         | Minh | 06082006 | Trường Tiểu học Kim Ngọc          | Vĩnh Phúc       |         |
| 19  | 5   | MHN.05.236 | Hoàng Nguyễn Nhật | Minh | 07012006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 20  | 5   | MHN.05.237 | Lại Nhật          | Minh | 26042006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.238 | Ngô Quang         | Minh | 24012006 | Trường Tiểu học Tam Khương        | Hà Nội          |         |
| 22  | 5   | MHN.05.239 | Nguyễn Anh        | Minh | 08072006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 23  | 5   | MHN.05.240 | Nguyễn Đoàn Bình  | Minh | 26112006 | Trường Tiểu học Thành Công B      | Hà Nội          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.241 | Nguyễn Đức        | Minh | 09112006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc       |         |
| 25  | 5   | MHN.05.242 | Nguyễn Đức        | Minh | 18062006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.243 | Nguyễn Đức        | Minh | 30052006 | Trường Tiểu học Tê Lỗ             | Vĩnh Phúc       |         |
| 27  | 5   | MHN.05.244 | Nguyễn Dũng       | Minh | 16082006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.245 | Nguyễn Duy Đạt    | Minh | 17102006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 29  | 5   | MHN.05.246 | Nguyễn Khắc Nhật  | Minh | 16102006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội          |         |
| 30  | 5   | MHN.05.247 | Nguyễn Ngọc       | Minh | 07012006 | Trường Tiểu học Thị trấn Phùng    | Hà Nội          |         |
| 31  | 5   | MHN.05.248 | Nguyễn Phương     | Minh | 12072006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm       | Hà Nội          |         |
| 32  | 5   | MHN.05.249 | Nguyễn Quang      | Minh | 25042006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1         | Hà Nội          |         |
| 33  | 5   | MHN.05.250 | Nguyễn Trần Nhật  | Minh | 11072006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.251 | Phạm Nguyễn       | Minh | 17042006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 35  | 5   | MHN.05.252 | Phạm Tuấn         | Minh | 31122006 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A        | Hà Nội          |         |
| 36  | 5   | MHN.05.253 | Phan Vũ Ngọc      | Minh | 03082006 | Trường Tiểu học Tam Quan II       | Vĩnh Phúc       |         |
| 37  | 5   | MHN.05.254 | Tạ Tuấn           | Minh | 09122006 | Trường Tiểu học Tê Lỗ             | Vĩnh Phúc       |         |
| 38  | 5   | MHN.05.255 | Trần              | Minh | 20012006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 39  | 5   | MHN.05.256 | Trần Bình         | Minh | 04102006 | Trường Tiểu học Hương Canh A      | Vĩnh Phúc       |         |
| 40  | 5   | MHN.05.257 | Trịnh Anh         | Minh | 15112006 | Hệ thống giáo dục Ngôi sao Hà Nội | Hà Nội          |         |
| 41  | 5   | MHN.05.258 | Trịnh Quang       | Minh | 18092006 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội          |         |
| 42  | 5   | MHN.05.259 | Võ Anh            | Minh | 17012006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 43  | 5   | MHN.05.260 | Vũ Nguyệt         | Minh | 03082006 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám        | Hà Nội          |         |
| 44  | 5   | MHN.05.261 | Vũ Thu            | Minh | 19092006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 45  | 5   | MHN.05.262 | Nguyễn Trà        | My   | 10062006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm       | Hà Nội          |         |
| 46  | 5   | MHN.05.263 | Nguyễn Trà        | My   | 26092006 | Trường Tiểu học Phú Đô            | Hà Nội          |         |
| 47  | 5   | MHN.05.264 | Phùng Hà          | My   | 25072006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội          |         |
| 48  | 5   | MHN.05.265 | Trần Quỳnh        | My   | 25052006 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn       | Đà Nẵng         |         |
| 49  | 5   | MHN.05.266 | Đỗ Hoàng          | Nam  | 11042006 | Trường Tiểu học Tây Sơn           | Hà Nội          |         |
| 50  | 5   | MHN.05.267 | Lê Hải            | Nam  | 31012006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 51  | 5   | MHN.05.268 | Lê Hoàng          | Nam  | 04112006 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh        | Hà Nội          |         |
| 52  | 5   | MHN.05.269 | Phạm Hoàng        | Nam  | 29102006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B       | Hà Nội          |         |
| 53  | 5   | MHN.05.270 | Trần Công         | Nam  | 10072006 | Trường Tiểu học Phú Đô            | Hà Nội          |         |
| 54  | 5   | MHN.05.271 | Trần Gia Hoàng    | Nam  | 19022006 | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm       | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |        | Năm sinh | Trường                              | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|--------|----------|-------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.272 | Vũ Ngọc            | Nam    | 18062006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 2   | 5   | MHN.05.273 | Lê Thị Tuyết       | Ngân   | 01032006 | Trường Tiểu học Nam Sơn             | Hà Nội          |         |
| 3   | 5   | MHN.05.274 | Nguyễn Phương      | Ngân   | 02012006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 4   | 5   | MHN.05.275 | Lê Quang           | Nghị   | 14102006 | Trường Tiểu học B Thị trấn Văn Điển | Hà Nội          |         |
| 5   | 5   | MHN.05.276 | Dương Trung        | Nghĩa  | 24012006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội          |         |
| 6   | 5   | MHN.05.277 | Lê Trọng           | Nghĩa  | 11022006 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám          | Hà Nội          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.278 | Nguyễn Đức         | Nghĩa  | 19032006 | Trường Tiểu học Mai Dịch            | Hà Nội          |         |
| 8   | 5   | MHN.05.279 | Chu Thị Hồng       | Ngọc   | 01022006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc       |         |
| 9   | 5   | MHN.05.280 | Nguyễn Hoàng Minh  | Ngọc   | 15102006 | Trường Tiểu học Đồng Đa             | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 5   | MHN.05.281 | Phạm Minh          | Ngọc   | 06092006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 11  | 5   | MHN.05.282 | Tô Lê Hồng Minh    | Ngọc   | 28022006 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám          | Hà Nội          |         |
| 12  | 5   | MHN.05.283 | Nguyễn Hoàng       | Nguyên | 20032006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 13  | 5   | MHN.05.284 | Nguyễn Phúc Khôi   | Nguyên | 04022006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.285 | Cao Thiện          | Nhân   | 18062006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm       | Hà Nội          |         |
| 15  | 5   | MHN.05.286 | Vũ Minh            | Nhật   | 05032006 | Trường Tiểu học Tràng An            | Hà Nội          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.287 | Đỗ Hà              | Nhi    | 01112006 | Trường Tiểu học Tây Sơn             | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.288 | Đỗ Yến             | Nhi    | 23012006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.289 | Lê Trần Bảo        | Nhi    | 16032006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 19  | 5   | MHN.05.290 | Lê Yến             | Nhi    | 27072006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc       |         |
| 20  | 5   | MHN.05.291 | Nguyễn Dương Quỳnh | Nhi    | 24042006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.292 | Nguyễn Hoàng Ý     | Nhi    | 27092006 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn         | Đà Nẵng         |         |
| 22  | 5   | MHN.05.293 | Trần Yến           | Nhi    | 25112006 | Trường Tiểu học Bồ Lý               | Vĩnh Phúc       |         |
| 23  | 5   | MHN.05.294 | Trương Ngọc        | Nhi    | 27072006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 24  | 5   | MHN.05.295 | Nguyễn Trang       | Nhung  | 30122006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 25  | 5   | MHN.05.296 | Nguyễn Hữu Minh    | Phi    | 25082006 | Trường Tiểu học Vĩnh Hưng           | Hà Nội          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.297 | Cù Tuấn            | Phong  | 12032006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công      | Hà Nội          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.298 | Nguyễn Hải         | Phong  | 25102006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.299 | Trương Tuấn        | Phong  | 04112006 | Trường Tiểu học Phú Đô              | Hà Nội          |         |
| 29  | 5   | MHN.05.300 | Khổng Gia          | Phú    | 19012006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 30  | 5   | MHN.05.301 | Lê Ngọc            | Phú    | 30032006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn          | Hà Nội          |         |
| 31  | 5   | MHN.05.302 | Nguyễn Hà          | Phú    | 25082006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội          |         |
| 32  | 5   | MHN.05.303 | Hoàng Đức          | Phúc   | 26082006 | Trường Tiểu học Vĩnh Sơn            | Vĩnh Phúc       |         |
| 33  | 5   | MHN.05.304 | Nguyễn Khắc Hoàng  | Phúc   | 19032006 | Trường Tiểu học Hương Canh A        | Vĩnh Phúc       |         |
| 34  | 5   | MHN.05.305 | Trần Ngọc          | Phúc   | 09082006 | Trường Tiểu học Phú Đô              | Hà Nội          |         |
| 35  | 5   | MHN.05.306 | Đỗ Hoàng Minh      | Phương | 01022006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 36  | 5   | MHN.05.307 | Huỳnh Ngọc Huyền   | Phương | 23092006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 37  | 5   | MHN.05.308 | Lê Thu             | Phương | 26062006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 38  | 5   | MHN.05.309 | Ngô Minh           | Phương | 10062006 | Trường Tiểu học Thành công B        | Hà Nội          |         |
| 39  | 5   | MHN.05.310 | Nguyễn Hà          | Phương | 31012006 | Trường Tiểu học Thụy Phương         | Hà Nội          |         |
| 40  | 5   | MHN.05.311 | Phạm Đông          | Phương | 16012006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 41  | 5   | MHN.05.312 | Trịnh Yến          | Phương | 10032006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 42  | 5   | MHN.05.313 | Vi Nguyễn Khánh    | Phương | 27082006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương   | Hà Nội          |         |
| 43  | 5   | MHN.05.314 | Đỗ Hồng            | Quân   | 07052006 | Trường Tiểu học Hương Canh B        | Hà Nội          |         |
| 44  | 5   | MHN.05.315 | Nguyễn Đình        | Quân   | 15112006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 45  | 5   | MHN.05.316 | Tăng Mạnh          | Quân   | 02012006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1           | Hà Nội          |         |
| 46  | 5   | MHN.05.317 | Trần Hoàng         | Quân   | 22012006 | Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn      | Hà Nội          |         |
| 47  | 5   | MHN.05.318 | Đỗ Nhật            | Quang  | 31012006 | Trường Tiểu học Xuân Đình           | Hà Nội          |         |
| 48  | 5   | MHN.05.319 | Nguyễn Minh        | Quang  | 03042006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm             | Phú Thọ         |         |
| 49  | 5   | MHN.05.320 | Trần Nguyễn Nhật   | Quang  | 08052006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 50  | 5   | MHN.05.321 | Phạm Vũ            | Quý    | 25022006 | Trường Tiểu học Phương Mai          | Hà Nội          |         |
| 51  | 5   | MHN.05.322 | Nguyễn Văn         | Quyết  | 26042006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh           | Vĩnh Phúc       |         |
| 52  | 5   | MHN.05.323 | Vũ Như             | Quỳnh  | 26042006 | Trường Tiểu học Liên Châu           | Vĩnh Phúc       |         |
| 53  | 5   | MHN.05.324 | Lý Phú             | Sang   | 13092006 | Trường Tiểu học Thị trấn Tam Sơn    | Vĩnh Phúc       |         |
| 54  | 5   | MHN.05.325 | Lê Trung           | Sơn    | 27022006 | Trường Tiểu học Đồng Ngạc B         | Hà Nội          |         |
| 55  | 5   | MHN.05.326 | Nguyễn Văn         | Sơn    | 29112006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ               | Vĩnh Phúc       |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                            | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|-----------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.327 | Nguyễn Xuân       | Son   | 06032006 | Trường Tiểu học Xuân Đình         | Hà Nội             |         |
| 2   | 5   | MHN.05.328 | Lê Phú            | Sỹ    | 18032006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 3   | 5   | MHN.05.329 | Nguyễn Thành      | Tài   | 23052006 | Trường Tiểu học Hữu Nghị          | Hà Nội             |         |
| 4   | 5   | MHN.05.330 | Phùng Tuấn        | Tài   | 16022006 | Trường Tiểu học Mỹ Đình 1         | Hà Nội             |         |
| 5   | 5   | MHN.05.331 | Hoàng Thanh       | Tâm   | 17072006 | Trường Tiểu học Xuân Hòa          | Hà Nội             |         |
| 6   | 5   | MHN.05.332 | Nguyễn Minh       | Tâm   | 10022006 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 5   | MHN.05.333 | Nguyễn Trọng      | Tâm   | 15072006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ            |         |
| 8   | 5   | MHN.05.334 | Vũ Công           | Tâm   | 24122006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ            |         |
| 9   | 5   | MHN.05.335 | Nguyễn Quang      | Thái  | 24112006 | Trường Tiểu học Tây Sơn           | Hà Nội             |         |
| 10  | 5   | MHN.05.336 | Nguyễn Quang      | Thắng | 03012006 | Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng   | Hà Nội             |         |
| 11  | 5   | MHN.05.337 | Đình Vũ Lập       | Thành | 24122006 | Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương | Hà Nội             |         |
| 12  | 5   | MHN.05.338 | Nguyễn Đình       | Thành | 19102006 | Trường Tiểu học Mễ Trì            | Hà Nội             |         |
| 13  | 5   | MHN.05.339 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 26042006 | Trường Tiểu học Hồng Phương       | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.340 | Võ Nguyễn Thanh   | Thảo  | 16112006 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn       | Đà Nẵng            |         |
| 15  | 5   | MHN.05.341 | Vũ Hiền           | Thảo  | 09072006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B       | Hà Nội             |         |
| 16  | 5   | MHN.05.342 | Lê Mai            | Thi   | 03022006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 17  | 5   | MHN.05.343 | Nguyễn Mậu Minh   | Thông | 23042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội             |         |
| 18  | 5   | MHN.05.344 | Nguyễn Minh       | Thư   | 11012006 | Trường Tiểu học Mễ Trì            | Hà Nội             |         |
| 19  | 5   | MHN.05.345 | Phạm Thanh        | Thư   | 26112006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 20  | 5   | MHN.05.346 | Lưu Thị Thu       | Thúy  | 23102006 | Trường Tiểu học Kim Xá II         | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.347 | Lê An             | Thy   | 19092006 | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn       | Đà Nẵng            |         |
| 22  | 5   | MHN.05.348 | Nguyễn Khánh      | Thy   | 16102006 | Trường Tiểu học Khương Thượng     | Hà Nội             |         |
| 23  | 5   | MHN.05.349 | Nguyễn Chu Việt   | Tiến  | 23102006 | Trường Tiểu học Tân Định          | Hà Nội             |         |
| 24  | 5   | MHN.05.350 | Nguyễn Minh       | Tiến  | 07092006 | Trường Tiểu học Gia Cẩm           | Phú Thọ            |         |
| 25  | 5   | MHN.05.351 | Phùng Quang       | Tiếp  | 14082006 | Trường Tiểu học Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 26  | 5   | MHN.05.352 | Đào Vũ Minh       | Trang | 20062006 | Trường Tiểu học Tề Lỗ             | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 5   | MHN.05.353 | Lê Thu            | Trang | 05022006 | Trường Tiểu học Đồng Đa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 28  | 5   | MHN.05.354 | Phạm Mai          | Trang | 06062006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công    | Hà Nội             |         |
| 29  | 5   | MHN.05.355 | Trần Minh         | Trang | 17032006 | Trường Tiểu học Việt Úc Hà Nội    | Hà Nội             |         |
| 30  | 5   | MHN.05.356 | Vũ Mai            | Trang | 28062006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 31  | 5   | MHN.05.357 | Vũ Mai            | Trang | 22072006 | Trường Tiểu học Phương Mai        | Hà Nội             |         |
| 32  | 5   | MHN.05.358 | Đỗ Khả            | Trí   | 15072006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 33  | 5   | MHN.05.359 | Kiều Phú          | Trọng | 13082006 | Trường Tiểu học Liên Châu         | Vĩnh Phúc          |         |
| 34  | 5   | MHN.05.360 | Hà Đức            | Trung | 20072006 | Trường Tiểu học Liên Minh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 35  | 5   | MHN.05.361 | Trần Tiến         | Trung | 14032006 | Trường Tiểu học Lê Văn Tám        | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                             | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 5   | MHN.05.362 | Vũ Quốc          | Trung | 23062006 | Trường Tiểu học Đền Lừ             | Hà Nội          |         |
| 2   | 5   | MHN.05.363 | Đào Xuân         | Tú    | 09062006 | Trường Tiểu học Archimedes Academy | Hà Nội          |         |
| 3   | 5   | MHN.05.364 | Nguyễn Anh       | Tuấn  | 01122006 | Trường Tiểu học Tê Lỗ              | Vĩnh Phúc       |         |
| 4   | 5   | MHN.05.365 | Nguyễn Huy       | Tuấn  | 06102006 | Trường Tiểu học Ngôi Sao           | Hà Nội          |         |
| 5   | 5   | MHN.05.366 | Nguyễn Minh      | Tuấn  | 01032006 | Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm      | Hà Nội          |         |
| 6   | 5   | MHN.05.367 | Tạ Kim Nam       | Tuấn  | 17052006 | Trường Tiểu học Tê Lỗ              | Vĩnh Phúc       |         |
| 7   | 5   | MHN.05.368 | Triệu Quốc       | Tuấn  | 24082006 | Trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A         | Hà Nội          |         |
| 8   | 5   | MHN.05.369 | Phạm Bách        | Tuệ   | 24102006 | Trường Tiểu học Lê Quý Đôn         | Hà Nội          |         |
| 9   | 5   | MHN.05.370 | Nguyễn Ngô Quang | Tùng  | 05042006 | Trường Tiểu học Gia Khánh A        | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 5   | MHN.05.371 | Nguyễn Hoàng     | Tùng  | 07022006 | Trường Tiểu học Nguyễn Trãi        | Hà Nội          |         |
| 11  | 5   | MHN.05.372 | Đỗ Thị Thu       | Uyên  | 24042006 | Trường Tiểu học Hào Phú            | Tuyên Quang     |         |
| 12  | 5   | MHN.05.373 | Nguyễn Thảo      | Vân   | 20022006 | Trường Tiểu học Quang Yên          | Vĩnh Phúc       |         |
| 13  | 5   | MHN.05.374 | Tổng Khánh       | Vân   | 22052006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 14  | 5   | MHN.05.375 | Vi Hoàng         | Việt  | 04012006 | Trường Tiểu học Quang Yên          | Vĩnh Phúc       |         |
| 15  | 5   | MHN.05.376 | Đàm Thành        | Vinh  | 17012006 | Trường Tiểu học Tê Lỗ              | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 5   | MHN.05.377 | Đặng Tiến        | Vinh  | 12102006 | Trường Tiểu học Chu Văn An         | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.378 | Lê Thành         | Vinh  | 14082006 | Trường Tiểu học Đông Ngạc B        | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.379 | Đặng Nhật Hùng   | Võ    | 06042006 | Trường Tiểu học Mễ Trì             | Hà Nội          |         |
| 19  | 5   | MHN.05.380 | Nguyễn Ngọc      | Vũ    | 03012006 | Trường Tiểu học Phan Đình Giót     | Hà Nội          |         |
| 20  | 5   | MHN.05.381 | Trần Hà          | Vy    | 27042006 | Trường Tiểu học Nam Thành Công     | Hà Nội          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.382 | Hoàng            | Yến   | 29102006 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh         | Hà Nội          |         |
| 22  | 5   | MHN.05.383 | Lưu Bảo          | Yến   | 26032006 | Trường Tiểu học Tây Sơn            | Hà Nội          |         |
| 23  | 6   | MHN.06.001 | Đỗ Hoài          | An    | 18102005 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội          |         |
| 24  | 6   | MHN.06.002 | Hoàng Hà         | An    | 13062005 | Trường THCS Dịch Vọng              | Hà Nội          |         |
| 25  | 6   | MHN.06.003 | Mai Văn          | An    | 21072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Hải Dương       |         |
| 26  | 6   | MHN.06.004 | Ngô Quốc         | An    | 30122005 | Trường THCS Trưng Vương            | Hà Nội          |         |
| 27  | 6   | MHN.06.005 | Nguyễn Đức       | An    | 11102005 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.006 | Vũ Phan Hoàng    | An    | 03112005 | Trường THCS Nghĩa Tân              | Hà Nội          |         |
| 29  | 6   | MHN.06.007 | Bùi Đức          | Anh   | 09082005 | Trường THCS Lâm Thao               | Phú Thọ         |         |
| 30  | 6   | MHN.06.008 | Bùi Hồng         | Anh   | 08072005 | Trường THCS Xuân La                | Hà Nội          |         |
| 31  | 6   | MHN.06.009 | Đặng Nam         | Anh   | 04012005 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội          |         |
| 32  | 6   | MHN.06.010 | Đỗ Thị Minh      | Anh   | 05072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Nam Định        |         |
| 33  | 6   | MHN.06.011 | Dương Hoàng      | Anh   | 16072005 | Trường THCS Từ Sơn                 | Bắc Ninh        |         |
| 34  | 6   | MHN.06.012 | Kim Hà           | Anh   | 10072005 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội          |         |
| 35  | 6   | MHN.06.013 | Lê Đức           | Anh   | 23052005 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội          |         |
| 36  | 6   | MHN.06.014 | Lê Đức           | Anh   | 08042005 | Trường THCS Nam Thành Công         | Hà Nội          |         |
| 37  | 6   | MHN.06.015 | Lê Hải           | Anh   | 08092005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh         | Hưng Yên        |         |
| 38  | 6   | MHN.06.016 | Lê Hồng          | Anh   | 31082005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh         | Hưng Yên        |         |
| 39  | 6   | MHN.06.017 | Lê Nguyên        | Anh   | 15082005 | Trường THPT Lương Thế Vinh         | Hà Nội          |         |
| 40  | 6   | MHN.06.018 | Lê Nguyễn Quốc   | Anh   | 28012005 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội          |         |
| 41  | 6   | MHN.06.019 | Lê Nguyễn Văn    | Anh   | 30102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Nam Định        |         |
| 42  | 6   | MHN.06.020 | Lê Quỳnh         | Anh   | 24012005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên            | Hà Nội          |         |
| 43  | 6   | MHN.06.021 | Lương Đức        | Anh   | 27102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Hà Nội          |         |
| 44  | 6   | MHN.06.022 | Lương Hoàng      | Anh   | 03122005 | Trường THCS Vĩnh Yên               | Vĩnh Phúc       |         |
| 45  | 6   | MHN.06.023 | Lưu Tuấn         | Anh   | 24022004 | Trường THCS Dịch Vọng              | Hà Nội          |         |
| 46  | 6   | MHN.06.024 | Ngô Duy          | Anh   | 28092005 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội          |         |
| 47  | 6   | MHN.06.025 | Nguyễn Châu      | Anh   | 11022005 | Trường THCS Vĩnh Tường             | Vĩnh Phúc       |         |
| 48  | 6   | MHN.06.026 | Nguyễn Diệu      | Anh   | 20072005 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội          |         |
| 49  | 6   | MHN.06.027 | Nguyễn Đồng Minh | Anh   | 25122005 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội          |         |
| 50  | 6   | MHN.06.028 | Nguyễn Đức       | Anh   | 16112005 | Trường THCS Sông Lô                | Vĩnh Phúc       |         |
| 51  | 6   | MHN.06.029 | Nguyễn Đức       | Anh   | 05112005 | Trường THCS Trần Phú               | Hà Nội          |         |
| 52  | 6   | MHN.06.030 | Nguyễn Duy       | Anh   | 19042005 | Trường THCS Giấy Phong Châu        | Phú Thọ         |         |
| 53  | 6   | MHN.06.031 | Nguyễn Hải       | Anh   | 10102005 | Trường THCS Nam Thành Công         | Hà Nội          |         |
| 54  | 6   | MHN.06.032 | Nguyễn Hải Đăng  | Anh   | 25122005 | Trường THCS Dịch Vọng              | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.033 | Nguyễn Hoàng      | Anh  | 28122005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 6   | MHN.06.034 | Nguyễn Lê Đức     | Anh  | 19112005 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.035 | Nguyễn Nam        | Anh  | 18032005 | Trường THCS Lê Văn Thiêm              | Hà Tĩnh            |         |
| 4   | 6   | MHN.06.036 | Nguyễn Ngọc Minh  | Anh  | 29012005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 5   | 6   | MHN.06.037 | Nguyễn Phương     | Anh  | 21112005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.038 | Nguyễn Phương     | Anh  | 30012005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 7   | 6   | MHN.06.039 | Nguyễn Quang      | Anh  | 04102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.040 | Nguyễn Quỳnh      | Anh  | 01032005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.041 | Nguyễn Sơn        | Anh  | 27042005 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.042 | Nguyễn Thế Trường | Anh  | 25112005 | Trường THCS Trưng Vương - Mê Linh     | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.043 | Nguyễn Thị Lan    | Anh  | 28102005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.044 | Nguyễn Thị Phương | Anh  | 23092005 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.045 | Nguyễn Thị Vân    | Anh  | 04102005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.046 | Nguyễn Tiến       | Anh  | 11062005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 15  | 6   | MHN.06.047 | Nguyễn Tiến       | Anh  | 27022005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 16  | 6   | MHN.06.048 | Phạm Duy          | Anh  | 16082005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.049 | Phạm Duy          | Anh  | 16022005 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 18  | 6   | MHN.06.050 | Phạm Giang        | Anh  | 19012005 | Trường THCS Nguyễn Công Trứ           | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.051 | Phạm Hoàng        | Anh  | 05082005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 20  | 6   | MHN.06.052 | Phạm Hoàng        | Anh  | 18112005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.053 | Phạm Hoàng Bảo    | Anh  | 19052005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.054 | Phạm Mai          | Anh  | 11102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.055 | Phạm Thị Hoàng    | Anh  | 01012005 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.056 | Tạ Quốc           | Anh  | 20042005 | Trường THCS Ngọc Hà                   | Hà Giang           |         |
| 25  | 6   | MHN.06.057 | Thái Nguyệt       | Anh  | 19042005 | Trường THCS Hòa Lạc                   | Quảng Ninh         |         |
| 26  | 6   | MHN.06.058 | Trần Hải          | Anh  | 25042005 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 27  | 6   | MHN.06.059 | Trần Hoàng        | Anh  | 08022005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 28  | 6   | MHN.06.060 | Trần Nam Nguyệt   | Anh  | 10102005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Hà Nội             |         |
| 29  | 6   | MHN.06.061 | Trần Nam Nhật     | Anh  | 10102005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 30  | 6   | MHN.06.062 | Vũ Hoàng          | Anh  | 23012006 | Trường THCS Thành Công                | Hà Nội             |         |
| 31  | 6   | MHN.06.063 | Vũ Kiều Nhật      | Anh  | 28092005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 32  | 6   | MHN.06.064 | Lê Hoàng          | Bách | 30122005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 33  | 6   | MHN.06.065 | Nguyễn Hà         | Bách | 29012005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 34  | 6   | MHN.06.066 | Nguyễn Xuân       | Bách | 08082005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.067 | Nguyễn Xuân      | Bách  | 01072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định        |         |
| 2   | 6   | MHN.06.068 | Phạm Tiến        | Bách  | 26022005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội          |         |
| 3   | 6   | MHN.06.069 | Trần Trọng       | Bách  | 14032005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 4   | 6   | MHN.06.070 | Trần Việt        | Bách  | 02022005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 5   | 6   | MHN.06.071 | Trương Hoàng     | Bách  | 08032005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 6   | 6   | MHN.06.072 | Nguyễn Tiến      | Bằng  | 03102005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên        |         |
| 7   | 6   | MHN.06.073 | Đỗ Song Gia      | Bảo   | 31102005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 8   | 6   | MHN.06.074 | Hoàng Gia        | Bảo   | 19072005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 9   | 6   | MHN.06.075 | Nguyễn Quốc      | Bảo   | 31012005 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 6   | MHN.06.076 | Phạm Gia         | Bảo   | 02122005 | Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam   | Hà Nội          |         |
| 11  | 6   | MHN.06.077 | Lê Ngọc          | Bình  | 26112005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 12  | 6   | MHN.06.078 | Nguyễn Ngọc      | Châm  | 19072005 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 13  | 6   | MHN.06.079 | Đỗ Lê Minh       | Châu  | 29062005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 14  | 6   | MHN.06.080 | Hồ Huyền         | Châu  | 29042005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội          |         |
| 15  | 6   | MHN.06.081 | Lê Huy           | Châu  | 13012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 16  | 6   | MHN.06.082 | Nguyễn Bảo       | Châu  | 08082005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội          |         |
| 17  | 6   | MHN.06.083 | Nguyễn Minh      | Châu  | 24052005 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 18  | 6   | MHN.06.084 | Lê Bảo           | Chi   | 09032005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 19  | 6   | MHN.06.085 | Lưu Kiều Linh    | Chi   | 30122005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ         |         |
| 20  | 6   | MHN.06.086 | Nguyễn Hiền      | Chi   | 20032005 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 21  | 6   | MHN.06.087 | Nguyễn Ngọc Linh | Chi   | 01112005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 22  | 6   | MHN.06.088 | Nguyễn Thị Quỳnh | Chi   | 14012005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 23  | 6   | MHN.06.089 | Phương Mai       | Chi   | 18052005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 24  | 6   | MHN.06.090 | Trần Nhật Mai    | Chi   | 12102005 | Trường THCS Nguyễn Tri Phương         | Hà Nội          |         |
| 25  | 6   | MHN.06.091 | Nguyễn Minh      | Chiến | 03052005 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 26  | 6   | MHN.06.092 | Nguyễn Quốc      | Chiến | 22072005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 27  | 6   | MHN.06.093 | Bùi Văn Cao      | Chính | 24062005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.094 | Bùi Kim          | Chúc  | 11032005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ         |         |
| 29  | 6   | MHN.06.095 | Phan Chí         | Công  | 21102005 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 30  | 6   | MHN.06.096 | Lê Việt          | Cường | 15102005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 31  | 6   | MHN.06.097 | Phạm Mạnh        | Cường | 21012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 32  | 6   | MHN.06.098 | Đặng Linh        | Đan   | 29012005 | Trường Trung học Vinschool            | Hà Nội          |         |
| 33  | 6   | MHN.06.099 | Đặng Vũ          | Đăng  | 24082005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội          |         |
| 34  | 6   | MHN.06.100 | Đinh Hải         | Đăng  | 02082005 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc       |         |
| 35  | 6   | MHN.06.101 | Hà Quang         | Đạt   | 23062005 | Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam   | Hà Nội          |         |
| 36  | 6   | MHN.06.102 | Hà Tiến          | Đạt   | 18102005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 37  | 6   | MHN.06.103 | Lê               | Đạt   | 29112005 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc       |         |
| 38  | 6   | MHN.06.104 | Trần Quốc        | Đạt   | 10112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 39  | 6   | MHN.06.105 | Trần Văn         | Đạt   | 13052005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 40  | 6   | MHN.06.106 | Trần Văn         | Đạt   | 12122005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 41  | 6   | MHN.06.107 | Nguyen Thanh     | Do    | 23042005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội          |         |
| 42  | 6   | MHN.06.108 | Ngô Văn          | Doanh | 13032005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 43  | 6   | MHN.06.109 | Nguyễn           | Doanh | 29092005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội          |         |
| 44  | 6   | MHN.06.110 | Ngô Văn          | Đông  | 17102005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội          |         |
| 45  | 6   | MHN.06.111 | Dương Tiểu       | Đông  | 26022005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 46  | 6   | MHN.06.112 | Bùi Duy          | Đức   | 02012005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 47  | 6   | MHN.06.113 | Chu Minh         | Đức   | 29082005 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội          |         |
| 48  | 6   | MHN.06.114 | Đàm Minh         | Đức   | 16062005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 49  | 6   | MHN.06.115 | Đặng Minh        | Đức   | 27012005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội          |         |
| 50  | 6   | MHN.06.116 | Lê Hồ Anh        | Đức   | 10032005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 51  | 6   | MHN.06.117 | Lương Mạnh       | Đức   | 26052005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội          |         |
| 52  | 6   | MHN.06.118 | Nguyễn Minh      | Đức   | 11082005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 53  | 6   | MHN.06.119 | Nguyễn Phú Minh  | Đức   | 14112005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 54  | 6   | MHN.06.120 | Vũ Minh          | Đức   | 29062005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội          |         |
| 55  | 6   | MHN.06.121 | Quách Thùy       | Dung  | 12032005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên        |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.122 | Đỗ Trí          | Dũng  | 02012005 | Trường THCS và THPT Hai Bà Trưng      | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 6   | MHN.06.123 | Hồ Nhật         | Dũng  | 16062005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 3   | 6   | MHN.06.124 | Hoàng Tuấn      | Dũng  | 04092005 | Trường THCS Minh Khai                 | Hà Giang           |         |
| 4   | 6   | MHN.06.125 | Nguyễn Anh      | Dũng  | 19042005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.126 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 19072005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.127 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 23102005 | Trường THCS Kiều Phú                  | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.128 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 28022005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.129 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 13112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.130 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 22112005 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.131 | Nguyễn Trí      | Dũng  | 01062005 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu          | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.132 | Phạm Việt       | Dũng  | 01032005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.133 | Vì Tiến         | Dũng  | 02012005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 13  | 6   | MHN.06.134 | Đặng Thùy       | Dương | 12012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.135 | Đỗ Thị Ánh      | Dương | 15112005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 15  | 6   | MHN.06.136 | Lê Tuấn         | Dương | 04042005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.137 | Mai Tùng        | Dương | 20012005 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 6   | MHN.06.138 | Nguyễn Bá Hải   | Dương | 09112005 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 6   | MHN.06.139 | Nguyễn Hoàng    | Dương | 10082005 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.140 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 10112005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.141 | Phùng Đăng      | Dương | 25092005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 21  | 6   | MHN.06.142 | Trần Thái       | Dương | 20032005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 22  | 6   | MHN.06.143 | Triệu Hoàng Ánh | Dương | 20022005 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 23  | 6   | MHN.06.144 | Dao Khang       | Duy   | 22082005 | Trường St Paul American School        | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.145 | Đỗ Nguyễn Sơn   | Duy   | 23112005 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 25  | 6   | MHN.06.146 | Đỗ Vũ Anh       | Duy   | 18022005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.147 | Lê Thế          | Duy   | 05122005 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 27  | 6   | MHN.06.148 | Nguyễn Anh      | Duy   | 14122005 | Trường THCS Xuân Hòa                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.149 | Nguyễn Đức      | Duy   | 03032005 | Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam   | Hà Nội             |         |
| 29  | 6   | MHN.06.150 | Nguyễn Quang    | Duy   | 05112005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 30  | 6   | MHN.06.151 | Vũ Lam          | Duy   | 25122005 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 31  | 6   | MHN.06.152 | Nguyễn Thị Mỹ   | Duyên | 07102005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 32  | 6   | MHN.06.153 | Trần Thị Hạnh   | Duyên | 24032005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hải Dương          |         |
| 33  | 6   | MHN.06.154 | Nguyễn Thị Trà  | Giang | 29032005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 34  | 6   | MHN.06.155 | Nguyễn Thu      | Giang | 08062005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 35  | 6   | MHN.06.156 | Đào Ngọc        | Hà    | 24052005 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 36  | 6   | MHN.06.157 | Lê Thanh        | Hà    | 17012005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.158 | Nguyễn Thu        | Hà    | 14012005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.159 | Phạm Ngân         | Hà    | 20102005 | Trường THCS Kiều Phú                  | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.160 | Trần Thu          | Hà    | 07072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 4   | 6   | MHN.06.161 | Vũ Đỗ Ngọc        | Hà    | 16092005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.162 | Nguyễn Minh       | Hải   | 13022005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 6   | MHN.06.163 | Hồ Thanh          | Hằng  | 02012005 | Trường THCS Hòa Lạc                   | Quảng Ninh         |         |
| 7   | 6   | MHN.06.164 | Nguyễn Khánh      | Hằng  | 08012005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.165 | Nguyễn Thị Thanh  | Hằng  | 18082005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 9   | 6   | MHN.06.166 | Nguyễn Thu        | Hằng  | 05032005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 10  | 6   | MHN.06.167 | Phùng Thị Thúy    | Hằng  | 16012005 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 6   | MHN.06.168 | Trần Vũ Mỹ        | Hạnh  | 07022005 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.169 | Đinh Hà           | Hào   | 31072005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.170 | Đỗ Thủy           | Hiền  | 20042005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.171 | Nguyễn Thu        | Hiền  | 22012005 | Trường THCS Ngọc Hà                   | Hà Giang           |         |
| 15  | 6   | MHN.06.172 | Nguyễn Đức        | Hiền  | 14042005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 16  | 6   | MHN.06.173 | Quách Gia         | Hiển  | 13062005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.174 | Hà Văn            | Hiệp  | 02012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 18  | 6   | MHN.06.175 | Bùi Duy           | Hiếu  | 21042005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.176 | Đào Minh          | Hiếu  | 02122005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.177 | Đinh Công         | Hiếu  | 10102005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 21  | 6   | MHN.06.178 | Hoàng Trung       | Hiếu  | 07102005 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.179 | Lê Hoàng Đức      | Hiếu  | 06122005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.180 | Lương Minh        | Hiếu  | 29012005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 24  | 6   | MHN.06.181 | Ngô Trung         | Hiếu  | 20102005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 25  | 6   | MHN.06.182 | Nguyễn Đắc        | Hiếu  | 28072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.183 | Nguyễn Minh       | Hiếu  | 17112005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 27  | 6   | MHN.06.184 | Nguyễn Minh       | Hiếu  | 20022005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hải Dương          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.185 | Nguyễn Trịnh Minh | Hiếu  | 11112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 29  | 6   | MHN.06.186 | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 28012005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 30  | 6   | MHN.06.187 | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 08012005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 31  | 6   | MHN.06.188 | Vũ Thị Thúy       | Hoa   | 26012005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 32  | 6   | MHN.06.189 | Nguyễn Thu        | Hòa   | 21072005 | Trường THCS Cổ Nhuế 2                 | Hà Nội             |         |
| 33  | 6   | MHN.06.190 | Nguyễn Thu        | Hoài  | 03102005 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang           |         |
| 34  | 6   | MHN.06.191 | Trần Vương        | Hoàn  | 23032005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 35  | 6   | MHN.06.192 | Đào Minh          | Hoàng | 09102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 36  | 6   | MHN.06.193 | Đỗ Huy            | Hoàng | 04072005 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                                    | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|-------------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.194 | Nguyễn Bá         | Hoàng | 13082005 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ         |         |
| 2   | 6   | MHN.06.195 | Nguyễn Huy        | Hoàng | 25062005 | Trường THCS Lâm Thao                      | Phú Thọ         |         |
| 3   | 6   | MHN.06.196 | Nguyễn Huy        | Hoàng | 04112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                   | Hà Nội          |         |
| 4   | 6   | MHN.06.197 | Nguyễn Tuấn       | Hoàng | 22032005 | Trường THCS Hòa Lạc                       | Quảng Ninh      |         |
| 5   | 6   | MHN.06.198 | Nguyễn Việt       | Hoàng | 18032005 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ         |         |
| 6   | 6   | MHN.06.199 | Phạm Vũ           | Hoàng | 26092005 | Trường THCS Lý Tự Trọng                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 7   | 6   | MHN.06.200 | Tạ Kim Bảo        | Hoàng | 05072005 | Trường THCS Vĩnh Tường                    | Vĩnh Phúc       |         |
| 8   | 6   | MHN.06.201 | Trần Huy          | Hoàng | 30052005 | Trường THCS Lý Tự Trọng                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 9   | 6   | MHN.06.202 | Trần Ngọc Bảo     | Hoàng | 22022005 | Trường THCS Chu Văn An - Thanh Trì        | Hà Nội          |         |
| 10  | 6   | MHN.06.203 | Trần Việt         | Hoàng | 24072005 | Trường THPT Lương Thế Vinh                | Hà Nội          |         |
| 11  | 6   | MHN.06.204 | Trần Việt         | Hoàng | 29042005 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ         |         |
| 12  | 6   | MHN.06.205 | Vũ Huy            | Hoàng | 03022005 | Trường THCS Tam Đảo                       | Vĩnh Phúc       |         |
| 13  | 6   | MHN.06.206 | Lê Minh           | Hồng  | 20042005 | Trường THCS Trung Nhị                     | Hà Nội          |         |
| 14  | 6   | MHN.06.207 | Kim Anh           | Hùng  | 04102005 | Trường THCS Vĩnh Yên                      | Vĩnh Phúc       |         |
| 15  | 6   | MHN.06.208 | Lương Đức         | Hùng  | 21072005 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ              | Hà Nội          |         |
| 16  | 6   | MHN.06.209 | Nguyễn Mạnh       | Hùng  | 23062005 | Trường THCS Giấy Phong Châu               | Phú Thọ         |         |
| 17  | 6   | MHN.06.210 | Phạm Quốc         | Hùng  | 28122005 | Trường THCS Văn Tự                        | Hà Nội          |         |
| 18  | 6   | MHN.06.211 | Trần Quang        | Hùng  | 25102005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                   | Hà Nội          |         |
| 19  | 6   | MHN.06.212 | Hoàng Khải        | Hùng  | 09062005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên                   | Hà Nội          |         |
| 20  | 6   | MHN.06.213 | Lê Thái           | Hùng  | 01122005 | Trường THCS Hùng Vương                    | Phú Thọ         |         |
| 21  | 6   | MHN.06.214 | Lê Triệu          | Hùng  | 13012005 | Trường THCS Lâm Thao                      | Phú Thọ         |         |
| 22  | 6   | MHN.06.215 | Nguyễn Quang      | Hùng  | 24092005 | Trường THCS Giảng Võ                      | Hà Nội          |         |
| 23  | 6   | MHN.06.216 | Nguyễn Trọng      | Hùng  | 13052005 | Trường THCS Giấy Phong Châu               | Phú Thọ         |         |
| 24  | 6   | MHN.06.217 | Phạm Phúc         | Hùng  | 01092005 | Trường THCS Lê Lợi                        | Hà Giang        |         |
| 25  | 6   | MHN.06.218 | Đình Gia          | Huy   | 08062005 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ         |         |
| 26  | 6   | MHN.06.219 | Lê Đỗ Quang       | Huy   | 18022005 | Trường THCS Ái Mộ                         | Hà Nội          |         |
| 27  | 6   | MHN.06.220 | Lê Đức            | Huy   | 18072005 | Trường THCS Cầu Giấy                      | Hà Nội          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.221 | Lê Quang          | Huy   | 14042005 | Trường THCS Xuân La                       | Hà Nội          |         |
| 29  | 6   | MHN.06.222 | Ngô Quốc          | Huy   | 11032005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội          |         |
| 30  | 6   | MHN.06.223 | Nguyễn Gia        | Huy   | 24122005 | Trường THCS Trung Vương                   | Hà Nội          |         |
| 31  | 6   | MHN.06.224 | Nguyễn Mai        | Huy   | 03072005 | Trường THCS Yên Biên                      | Hà Giang        |         |
| 32  | 6   | MHN.06.225 | Nguyễn Nam        | Huy   | 19042005 | Newton Grammar School                     | Hà Nội          |         |
| 33  | 6   | MHN.06.226 | Nguyễn Quang      | Huy   | 31082005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội          |         |
| 34  | 6   | MHN.06.227 | Nguyễn Quang      | Huy   | 24012005 | Trường THCS Vĩnh Tường                    | Vĩnh Phúc       |         |
| 35  | 6   | MHN.06.228 | Nguyễn Quốc       | Huy   | 22122004 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng              | Hà Nội          |         |
| 36  | 6   | MHN.06.229 | Nguyễn Trần Quang | Huy   | 26052005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam     | Hà Nội          |         |
| 37  | 6   | MHN.06.230 | Phạm Bá           | Huy   | 29112005 | Trường THCS Phạm Hồng Thái                | Hà Nội          |         |
| 38  | 6   | MHN.06.231 | Trần Bá           | Huy   | 06122005 | Trường THCS Cầu Giấy                      | Hà Nội          |         |
| 39  | 6   | MHN.06.232 | Chữ Thanh         | Huyền | 24062005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh                | Hưng Yên        |         |
| 40  | 6   | MHN.06.233 | Hoàng Thị Hà      | Huyền | 28012005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng              | Hà Nội          |         |
| 41  | 6   | MHN.06.234 | Ngô Lê Ngọc       | Huyền | 09092005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh                | Hưng Yên        |         |
| 42  | 6   | MHN.06.235 | Nguyễn Khánh      | Huyền | 02102005 | Trường THCS Từ Sơn                        | Bắc Ninh        |         |
| 43  | 6   | MHN.06.236 | Trần Khánh        | Huyền | 26032005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Nam Định        |         |
| 44  | 6   | MHN.06.237 | Trần Hàn Đức      | Khải  | 01102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội          |         |
| 45  | 6   | MHN.06.238 | Trịnh Lâm         | Khải  | 20102005 | Trường THCS Cầu Giấy                      | Hà Nội          |         |
| 46  | 6   | MHN.06.239 | Hồng Minh         | Khang | 04012005 | Trường THCS Thăng Long                    | Hà Nội          |         |
| 47  | 6   | MHN.06.240 | Dương Tuấn        | Khanh | 02102005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng              | Hà Nội          |         |
| 48  | 6   | MHN.06.241 | Nguyễn Tuấn       | Khanh | 17112005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội          |         |
| 49  | 6   | MHN.06.242 | Hà Kim            | Khánh | 21122005 | Trường THCS Nam Thành Công                | Hà Nội          |         |
| 50  | 6   | MHN.06.243 | Lê Xuân           | Khánh | 25062005 | Trường THCS Bình Minh                     | Hải Dương       |         |
| 51  | 6   | MHN.06.244 | Nguyễn Duy        | Khánh | 17122005 | Trường THCS Trại Trôi - Hoài Đức - Hà Nội | Hà Nội          |         |
| 52  | 6   | MHN.06.245 | Nguyễn Ngọc       | Khánh | 19072005 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ         |         |
| 53  | 6   | MHN.06.246 | Phạm Gia          | Khánh | 04042005 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu              | Hà Nội          |         |
| 54  | 6   | MHN.06.247 | Phạm Gia          | Khánh | 07092005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam     | Hà Nội          |         |
| 55  | 6   | MHN.06.248 | Phạm Trịnh Minh   | Khánh | 20032005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                   | Hà Nội          |         |
| 56  | 6   | MHN.06.249 | Phan Nam          | Khánh | 30052005 | Trường THCS Giảng Võ                      | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.250 | Trần Gia       | Khánh | 09022005 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.251 | Trần Nam       | Khánh | 11122005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.252 | Trần Văn Duy   | Khánh | 21022005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 6   | MHN.06.253 | Vũ Nam         | Khánh | 28082005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.254 | Vũ Trần An     | Khánh | 03012005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.255 | Nguyễn Xuân Hà | Khoa  | 15112005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.256 | Trần Minh      | Khôi  | 06052005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 8   | 6   | MHN.06.257 | Đoàn Thị Minh  | Khuê  | 07012005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.258 | Nguyễn Hoàng   | Khuê  | 14112005 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.259 | Dương Trung    | Kiên  | 01122005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.260 | Lê Trung       | Kiên  | 30072005 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.261 | Lý Trần        | Kiên  | 17112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.262 | Nguyễn Mạnh    | Kiên  | 12072005 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh         |         |
| 14  | 6   | MHN.06.263 | Trần Trung     | Kiên  | 02032005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 15  | 6   | MHN.06.264 | Bùi Thế        | Kiệt  | 07032005 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 6   | MHN.06.265 | Nguyễn Gia     | Kuốp  | 23052005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.266 | Nguyễn Đăng    | Kỳ    | 02122005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 18  | 6   | MHN.06.267 | Đỗ Thạch       | Lam   | 12082005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.268 | Lê Thanh       | Lâm   | 29082005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.269 | Nguyễn Thanh   | Lâm   | 29012005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 6   | MHN.06.270 | Nguyễn Việt    | Lâm   | 25022005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.271 | Phan Đức       | Lâm   | 23022005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.272 | Nguyễn My      | Lan   | 21042005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.273 | Trương Hoàng   | Lan   | 08052005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.274 | Dương Hồng        | Lân  | 10102005 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.275 | Nguyễn Việt       | Lân  | 06092005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.276 | Nguyễn Khắc Thanh | Liên | 24022005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 6   | MHN.06.277 | Nguyễn Thị Phương | Liên | 27102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 5   | 6   | MHN.06.278 | Phạm Thị Kim      | Liên | 20012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 6   | 6   | MHN.06.279 | Chu Khánh         | Linh | 29042005 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang           |         |
| 7   | 6   | MHN.06.280 | Đàm Hữu           | Linh | 13022005 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 6   | MHN.06.281 | Đỗ Khánh          | Linh | 23052005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hung Yên           |         |
| 9   | 6   | MHN.06.282 | Đỗ Khánh          | Linh | 04102005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.283 | Đỗ Ngọc           | Linh | 09072005 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.284 | Dương Duy         | Linh | 28082005 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.285 | Hà Duy            | Linh | 03012005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.286 | Hà Thảo           | Linh | 18102005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.287 | Lã Hà             | Linh | 23072005 | Trường THCS Xuân Hòa                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 6   | MHN.06.288 | Lê Ánh            | Linh | 17102005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.289 | Lê Diệu           | Linh | 28122005 | Trường THCS Vinschool                 | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.290 | Lê Ngọc           | Linh | 03052005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 18  | 6   | MHN.06.291 | Lê Thế            | Linh | 16122005 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 6   | MHN.06.292 | Nguyễn Bảo        | Linh | 01092005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 20  | 6   | MHN.06.293 | Nguyễn Hà         | Linh | 21102005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.294 | Nguyễn Hà         | Linh | 06122005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.295 | Nguyễn Khánh      | Linh | 18092005 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.296 | Nguyễn Kiều       | Linh | 24012005 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.297 | Nguyễn Ngọc       | Linh | 09042005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 25  | 6   | MHN.06.298 | Nguyễn Phương     | Linh | 27032005 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.299 | Nguyễn Thảo       | Linh | 06042005 | Trường THCS và THPT Hai Bà Trưng      | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 6   | MHN.06.300 | Nguyễn Thùy       | Linh | 02122005 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.301 | Ninh Thị Mai      | Linh | 08042005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 29  | 6   | MHN.06.302 | Phạm Ngọc         | Linh | 15042005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 30  | 6   | MHN.06.303 | Tạ Thị Thùy       | Linh | 19072005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 31  | 6   | MHN.06.304 | Trần Bảo          | Linh | 18012005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 32  | 6   | MHN.06.305 | Trần Diệu         | Linh | 14032005 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 33  | 6   | MHN.06.306 | Viên Ngọc         | Linh | 26102005 | Trường THCS Ngọc Hà                   | Hà Giang           |         |
| 34  | 6   | MHN.06.307 | Cao Đức           | Long | 13052005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 35  | 6   | MHN.06.308 | Cao Thành         | Long | 09122005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 36  | 6   | MHN.06.309 | Hán Vũ            | Long | 19072005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 37  | 6   | MHN.06.310 | Nguyễn Bảo        | Long | 09042005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 38  | 6   | MHN.06.311 | Nguyễn Tiến       | Long | 23032005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hung Yên           |         |
| 39  | 6   | MHN.06.312 | Phạm Vũ           | Long | 11032005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 40  | 6   | MHN.06.313 | Nguyễn Khánh      | Ly   | 18022005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên    |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.314 | Khổng Khánh  | Mai  | 05012005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 2   | 6   | MHN.06.315 | Trần Huyền   | Mai  | 13032005 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Giang           |         |
| 3   | 6   | MHN.06.316 | Trần Ngọc    | Mai  | 17052005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 4   | 6   | MHN.06.317 | Lê Đức       | Mạnh | 03062005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.318 | Lê Quốc      | Mạnh | 22112005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.319 | Vũ Hùng      | Mạnh | 01122005 | Trường THCS Trần Quốc Toán            | Quảng Ninh         |         |
| 7   | 6   | MHN.06.320 | Vũ Tiến      | Mạnh | 16102005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.321 | Bùi Nhật     | Minh | 04102005 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 9   | 6   | MHN.06.322 | Bùi Quế      | Minh | 29062005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.323 | Bùi Thị Nhật | Minh | 22012005 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 6   | MHN.06.324 | Đặng Công    | Minh | 10092005 | Trường THCS Lê Hồng Phong             | Hải Dương          |         |
| 12  | 6   | MHN.06.325 | Đặng Ngọc    | Minh | 27102005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.326 | Đặng Nhật    | Minh | 30062005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.327 | Đào Tuấn     | Minh | 24092005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 15  | 6   | MHN.06.328 | Đình Đức     | Minh | 30062005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.329 | Đình Nhật    | Minh | 04122005 | Trường THCS Hòa Lạc                   | Móng Cái           |         |
| 17  | 6   | MHN.06.330 | Đỗ Quang     | Minh | 13072005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 18  | 6   | MHN.06.331 | Hồ Quang     | Minh | 19072005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.332 | Hoàng Tuấn   | Minh | 01022005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.333 | Lê Nhật      | Minh | 29032005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.334 | Lê Thị Hồng  | Minh | 20062005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.335 | Lưu Quang    | Minh | 22122005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.336 | Ngô Vũ       | Minh | 24052005 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.337 | Nguyễn Anh   | Minh | 04082005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.338 | Nguyễn Bá Hoàng   | Minh | 31012005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.339 | Nguyễn Đức        | Minh | 16082005 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.340 | Nguyễn Hà         | Minh | 16082005 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 4   | 6   | MHN.06.341 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Minh | 14022005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.342 | Nguyễn Nhật       | Minh | 22092005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.343 | Nguyễn Nhật       | Minh | 11012005 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 6   | MHN.06.344 | Nguyễn Nhật       | Minh | 14072005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.345 | Nguyễn Quang      | Minh | 21072005 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.346 | Nguyễn Quang      | Minh | 07042005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.347 | Nguyễn Thiện      | Minh | 19112005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.348 | Nguyễn Tuấn       | Minh | 21022005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 12  | 6   | MHN.06.349 | Nguyễn Tuấn       | Minh | 25112005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.350 | Nông Đức          | Minh | 09082005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.351 | Phạm Tuấn         | Minh | 14122005 | Trường THCS Mỗ Lao                    | Hà Nội             |         |
| 15  | 6   | MHN.06.352 | Vũ Đình Quang     | Minh | 30082005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.353 | Lê Hà             | My   | 08052005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.354 | Nguyễn Đăng Huyền | My   | 30062005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 18  | 6   | MHN.06.355 | Nguyễn Trà        | My   | 13022005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 19  | 6   | MHN.06.356 | Nguyễn Diệu       | Mỹ   | 06072005 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.357 | Đào Phương        | Nam  | 09012005 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.358 | Đỗ Tuấn           | Nam  | 14062005 | Trường THCS Thạch Thất                | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.359 | Hồ Hoài           | Nam  | 08042005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.360 | Nguyễn Kim        | Nam  | 11012005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 6   | MHN.06.361 | Nguyễn Sơn        | Nam  | 06012005 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |        | Năm sinh | Trường                         | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|--------|----------|--------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.362 | Nguyễn Trần   | Nam    | 31052005 | Trường THCS Lê Quý Đôn         | Nam Định           |         |
| 2   | 6   | MHN.06.363 | Phạm Hà Gia   | Nam    | 21062005 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.364 | Lê Tuyết      | Nga    | 20072005 | Trường THCS Lâm Thao           | Phú Thọ            |         |
| 4   | 6   | MHN.06.365 | Trần Ngọc Hải | Ngân   | 23092005 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.366 | Nguyễn Trung  | Nghĩa  | 25092005 | Trường THCS Từ Sơn             | Bắc Ninh           |         |
| 6   | 6   | MHN.06.367 | Phạm Khắc     | Nghĩa  | 24032005 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành   | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.368 | Nguyễn Khánh  | Ngọc   | 27012005 | Trường THCS Trần Quốc Toản     | Quảng Ninh         |         |
| 8   | 6   | MHN.06.369 | Trần Minh     | Ngọc   | 04092005 | Trường THCS Ngô Sĩ Liên        | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.370 | Trương Bích   | Ngọc   | 23122005 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 10  | 6   | MHN.06.371 | Đồng Khôi     | Nguyên | 28042005 | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.372 | Lê Hải        | Nguyên | 16052005 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.373 | Nguyễn Công   | Nguyên | 27062005 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.374 | Nguyễn Hạnh   | Nguyên | 25082005 | Trường THCS Phúc Yên           | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 6   | MHN.06.375 | Phạm Thị Thục | Nguyên | 18042005 | Trường THCS Phúc Yên           | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 6   | MHN.06.376 | Phan Hải      | Nguyên | 02062005 | Trường THCS Nam Thành Công     | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.377 | Phan Khôi     | Nguyên | 01052005 | Trường THCS Đại Kim            | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.378 | Hà Như        | Nguyệt | 22102005 | Trường THCS Văn Lang           | Phú Thọ            |         |
| 18  | 6   | MHN.06.379 | Nguyễn Thị    | Nhàn   | 02022005 | Trường THCS Lê Quý Đôn         | Nam Định           |         |
| 19  | 6   | MHN.06.380 | Hồ Việt       | Nhân   | 15112005 | Trường THCS Cầu Giấy           | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.381 | Đàm Quang     | Nhật   | 25092005 | Trường THCS Từ Sơn             | Bắc Ninh           |         |
| 21  | 6   | MHN.06.382 | Ngô Dương     | Nhật   | 22042005 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.383 | Đỗ Hạnh       | Nhi    | 12082005 | Trường THCS Bê Tông            | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.384 | Đồng Thị Yến  | Nhi    | 06092005 | Trường THCS Lê Quý Đôn         | Nam Định           |         |
| 24  | 6   | MHN.06.385 | Dương Hạnh    | Nhi    | 29032005 | Trường THCS Vĩnh Yên           | Vĩnh Phúc          |         |
| 25  | 6   | MHN.06.386 | Hoàng         | Nhi    | 17082005 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.387 | Hoàng Gia     | Nhi    | 28112005 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |        | Năm sinh | Trường                  | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|--------|----------|-------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.388 | Nguyễn Nhận    | Nhi    | 23042005 | Trường THCS Giảng Võ    | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.389 | Trịnh Tổ Thảo  | Nhi    | 15112005 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Hải Dương          |         |
| 3   | 6   | MHN.06.390 | Cung Thị Kim   | Oanh   | 14012005 | Trường THCS Đại Kim     | Hà Nội             |         |
| 4   | 6   | MHN.06.391 | Hà Thị Kim     | Oanh   | 20012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Nam Định           |         |
| 5   | 6   | MHN.06.392 | Hoàng Thị Kiều | Oanh   | 29082005 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Nam Định           |         |
| 6   | 6   | MHN.06.393 | Nguyễn Phương  | Oanh   | 09032005 | Trường THCS Trưng Vương | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.394 | Phạm Thị Kim   | Oanh   | 08022005 | Trường THCS Yên Lạc     | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 6   | MHN.06.395 | Hà             | Phan   | 16122005 | Trường THCS Hùng Vương  | Phú Thọ            |         |
| 9   | 6   | MHN.06.396 | Đỗ Nguyễn Hùng | Phong  | 03032005 | Trường THCS Yên Lạc     | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 6   | MHN.06.397 | Phạm Hải       | Phong  | 02082005 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.398 | Quách Nam      | Phong  | 25022005 | Trường THCS Xuân La     | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.399 | Tổng Gia       | Phong  | 10092005 | Trường THCS Hùng Vương  | Phú Thọ            |         |
| 13  | 6   | MHN.06.400 | Trần Nguyên    | Phong  | 03112005 | Trường THCS Giảng Võ    | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.401 | Trần Thiện     | Phong  | 11122005 | Trường THCS Cầu Giấy    | Hà Nội             |         |
| 15  | 6   | MHN.06.402 | Vũ Cao         | Phong  | 14032005 | Trường THCS Nam Từ Liêm | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.403 | Hà Huy         | Phúc   | 20012005 | Trường THCS Hợp Thịnh   | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 6   | MHN.06.404 | Vũ Hồng        | Phúc   | 27092005 | Trường THCS Hùng Vương  | Phú Thọ            |         |
| 18  | 6   | MHN.06.405 | Vũ Hồng        | Phúc   | 09092005 | Trường THCS Trưng Vương | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.406 | Phạm Đức       | Phước  | 12072005 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Hà Nội             |         |
| 20  | 6   | MHN.06.407 | Ngô Huyền      | Phương | 29032005 | Trường THCS Hùng Vương  | Phú Thọ            |         |
| 21  | 6   | MHN.06.408 | Nguyễn Hà      | Phương | 10012005 | Trường THCS Cầu Giấy    | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.409 | Nguyễn Hà      | Phương | 09042005 | Trường THCS Giảng Võ    | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.410 | Nguyễn Thị Mai | Phương | 16062005 | Trường THCS Văn Lang    | Phú Thọ            |         |
| 24  | 6   | MHN.06.411 | Trịnh Đức      | Phương | 13112005 | Trường THCS Đông Ngạc   | Hà Nội             |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.412 | Lê Hoàng         | Quân  | 20042004 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.413 | Nguyễn Hồng      | Quân  | 06012005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 3   | 6   | MHN.06.414 | Nguyễn Mạnh      | Quân  | 26012005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 6   | MHN.06.415 | Nguyễn Minh      | Quân  | 20052005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.416 | Phạm Hồng        | Quân  | 16022005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 6   | 6   | MHN.06.417 | Tạ Minh          | Quân  | 21052005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 6   | MHN.06.418 | Trương Đức       | Quân  | 29032005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.419 | An Đăng          | Quang | 29122005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.420 | Bùi Minh         | Quang | 10032005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 10  | 6   | MHN.06.421 | Đào Kiều Thịnh   | Quang | 15102005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.422 | Mai Lê Phú       | Quang | 17092005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.423 | Nguyễn Đăng      | Quang | 31032005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 13  | 6   | MHN.06.424 | Nguyễn Ngọc      | Quang | 14072005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 14  | 6   | MHN.06.425 | Đoàn Đức         | Quý   | 06102005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 15  | 6   | MHN.06.426 | Nguyễn Minh Ngọc | Quý   | 28072005 | Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng          | Hà Nội             |         |
| 16  | 6   | MHN.06.427 | Trần Thục        | Quyên | 19012005 | Trường THCS Alpha                     | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.428 | Cao Ngọc Diễm    | Quỳnh | 14092005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 18  | 6   | MHN.06.429 | Vũ Thị Như       | Quỳnh | 20042005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 19  | 6   | MHN.06.430 | Nguyễn Ngọc      | Sáng  | 31072005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 20  | 6   | MHN.06.431 | Bùi Xuân         | Sơn   | 02012005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.432 | Đào Hải          | Sơn   | 21102005 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.433 | Đình Hồng        | Sơn   | 20082005 | Trường THCS Thăng Long                | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.434 | Đỗ Thái          | Sơn   | 19122005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 24  | 6   | MHN.06.435 | Dương Hồng       | Sơn   | 10102005 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.436 | Hoàng Thái      | Son   | 23032005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 2   | 6   | MHN.06.437 | Nguyễn Hải      | Son   | 29012005 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh         |         |
| 3   | 6   | MHN.06.438 | Nguyễn Hoàng    | Son   | 27102005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 6   | MHN.06.439 | Nguyễn Phúc     | Son   | 11032005 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 5   | 6   | MHN.06.440 | Phùng Đăng Thái | Son   | 31052005 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội             |         |
| 6   | 6   | MHN.06.441 | Nguyễn Trí      | Tâm   | 13022005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.442 | Trương Minh     | Tâm   | 23092005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 8   | 6   | MHN.06.443 | Nguyễn Hoàng    | Tân   | 13092005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội             |         |
| 9   | 6   | MHN.06.444 | Nguyễn Đình     | Thái  | 22062005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 10  | 6   | MHN.06.445 | Nguyễn Quân     | Thái  | 11112005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.446 | Bùi Quang       | Thắng | 04112005 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 12  | 6   | MHN.06.447 | Đặng Quang      | Thắng | 04122005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 13  | 6   | MHN.06.448 | Hoàng Quốc      | Thắng | 29092005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 14  | 6   | MHN.06.449 | Ma Quyết        | Thắng | 27052005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 15  | 6   | MHN.06.450 | Ngô Đức         | Thắng | 03082005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 16  | 6   | MHN.06.451 | Nguyễn Đức      | Thắng | 27102005 | Trường THCS Thực Nghiệm               | Hà Nội             |         |
| 17  | 6   | MHN.06.452 | Nguyễn Trọng    | Thắng | 13062005 | Trường THCS Quang Trung               | Yên Bái            |         |
| 18  | 6   | MHN.06.453 | Vũ Tuấn         | Thắng | 16072005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.454 | Đỗ Minh         | Thanh | 10082005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 20  | 6   | MHN.06.455 | Bùi Đức         | Thành | 18072005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.456 | Hoàng Minh      | Thành | 02092005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.457 | Nguyễn Đặng Tất | Thành | 13102005 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 23  | 6   | MHN.06.458 | Nguyễn Đức      | Thành | 10062005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.459 | Nguyễn Khắc     | Thành | 23012005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 25  | 6   | MHN.06.460 | Nguyễn Việt     | Thành | 27062005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.461 | Trần Phúc       | Thành | 11062005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 27  | 6   | MHN.06.462 | Trần Thiện      | Thành | 02102005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 28  | 6   | MHN.06.463 | Hà Ngọc         | Thảo  | 24012005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 29  | 6   | MHN.06.464 | Lê Huyền        | Thảo  | 29012005 | Trường THCS Ngôi Sao Hà Nội           | Hà Nội             |         |
| 30  | 6   | MHN.06.465 | Lê Phương       | Thảo  | 15022005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 31  | 6   | MHN.06.466 | Lê Thanh        | Thảo  | 21052005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 32  | 6   | MHN.06.467 | Nông Phương     | Thảo  | 11112005 | Trường THCS Ngọc Hà                   | Hà Giang           |         |
| 33  | 6   | MHN.06.468 | Phạm Thu        | Thảo  | 08012005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 34  | 6   | MHN.06.469 | Vũ Phương       | Thảo  | 09082005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 35  | 6   | MHN.06.470 | Dương Đức       | Thiên | 26062005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|--------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.471 | Lê Đình           | Thịnh  | 31082005 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang           |         |
| 2   | 6   | MHN.06.472 | Lục Đức           | Thịnh  | 30052005 | Trường THCS Trần Quốc Toàn            | Quảng Ninh         |         |
| 3   | 6   | MHN.06.473 | Nguyễn Hưng       | Thịnh  | 26122005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 4   | 6   | MHN.06.474 | Phùng Quang       | Thịnh  | 27022005 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 6   | MHN.06.475 | Ngô Văn           | Thọ    | 29072005 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 6   | 6   | MHN.06.476 | Phạm Đức          | Thọ    | 30012005 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 7   | 6   | MHN.06.477 | Kiều Nguyệt       | Thu    | 10092005 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 6   | MHN.06.478 | Nguyễn Thị Minh   | Thu    | 20052005 | Trường THCS Trần Quốc Toàn            | Quảng Ninh         |         |
| 9   | 6   | MHN.06.479 | Phan Minh         | Thu    | 25112005 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 10  | 6   | MHN.06.480 | Nguyễn Minh       | Thư    | 01072005 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 6   | MHN.06.481 | Trần Minh         | Thư    | 09042005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 12  | 6   | MHN.06.482 | Vũ Huyền          | Thương | 26122005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 13  | 6   | MHN.06.483 | Lê Thị Thu        | Thủy   | 20032005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 6   | MHN.06.484 | Hoàng Chí         | Tiên   | 30052005 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 15  | 6   | MHN.06.485 | Nguyễn            | Tiến   | 15082005 | Trường THCS Tam Đảo                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 6   | MHN.06.486 | Nguyễn Ngọc       | Toàn   | 26012005 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 6   | MHN.06.487 | Trương Hải        | Trà    | 29032005 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 18  | 6   | MHN.06.488 | Trần Bảo          | Trâm   | 25042005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 19  | 6   | MHN.06.489 | Bùi Minh          | Trang  | 02092005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 20  | 6   | MHN.06.490 | Đặng Vũ Quỳnh     | Trang  | 24072005 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 21  | 6   | MHN.06.491 | Ngô Hà            | Trang  | 28062005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 22  | 6   | MHN.06.492 | Nguyễn Hà         | Trang  | 04032005 | Trường THCS Liên Bảo                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 23  | 6   | MHN.06.493 | Nguyễn Ngọc Huyền | Trang  | 25052005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 24  | 6   | MHN.06.494 | Nguyễn Thị Kiều   | Trang  | 21062005 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 25  | 6   | MHN.06.495 | Nguyễn Thùy       | Trang  | 12082005 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 26  | 6   | MHN.06.496 | Trần Thu          | Trang  | 08112005 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 27  | 6   | MHN.06.497 | Vũ Quỳnh          | Trang  | 18052005 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 28  | 6   | MHN.06.498 | Vũ Quỳnh          | Trang  | 01032005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 29  | 6   | MHN.06.499 | Hồ Minh           | Trí    | 21082005 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 30  | 6   | MHN.06.500 | Nguyễn Quang      | Trí    | 19022005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 31  | 6   | MHN.06.501 | Phạm Minh         | Triết  | 19102005 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 32  | 6   | MHN.06.502 | Nguyễn Đức        | Trọng  | 07082005 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 33  | 6   | MHN.06.503 | Đàm Thành         | Trung  | 12012005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 34  | 6   | MHN.06.504 | Hà Đỗ Anh         | Tú     | 29072005 | Trường THCS Chu Văn An                | Hà Nội             |         |
| 35  | 6   | MHN.06.505 | Nguyễn Anh        | Tú     | 28112005 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 36  | 6   | MHN.06.506 | Triệu Anh         | Tú     | 26062005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 37  | 6   | MHN.06.507 | Cao Đình          | Tuấn   | 20102005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 38  | 6   | MHN.06.508 | Ngô Hoàng         | Tuấn   | 18082005 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |       | Năm sinh | Trường                                   | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|-------|----------|------------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 6   | MHN.06.509 | Nguyễn Anh         | Tuấn  | 18062005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh               | Hưng Yên        |         |
| 2   | 6   | MHN.06.510 | Nguyễn Khắc        | Tuấn  | 11122005 | Trường THCS Tích Sơn                     | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 6   | MHN.06.511 | Nguyễn Mạnh        | Tuấn  | 13092005 | Trường THCS Sông Lô                      | Vĩnh Phúc       |         |
| 4   | 6   | MHN.06.512 | Nguyễn Thế         | Tuấn  | 20012005 | Trường THCS Từ Sơn                       | Bắc Ninh        |         |
| 5   | 6   | MHN.06.513 | Phạm Thanh         | Tuấn  | 25102005 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng            | Vĩnh Phúc       |         |
| 6   | 6   | MHN.06.514 | Đỗ Hoàng           | Tùng  | 22012005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                  | Hà Nội          |         |
| 7   | 6   | MHN.06.515 | Đỗ Minh            | Tùng  | 17112005 | Trường THCS Văn Lang                     | Phú Thọ         |         |
| 8   | 6   | MHN.06.516 | Hà Quang           | Tùng  | 02032005 | Trường THCS Lâm Thao                     | Phú Thọ         |         |
| 9   | 6   | MHN.06.517 | Lê Thanh           | Tùng  | 25092005 | Trường THCS Trần Quốc Toản               | Quảng Ninh      |         |
| 10  | 6   | MHN.06.518 | Lê Viết            | Tùng  | 05042005 | Trường THCS Trần Quốc Toản               | Quảng Ninh      |         |
| 11  | 6   | MHN.06.519 | Ngô Minh           | Tùng  | 24052005 | Trường THCS Từ Sơn                       | Bắc Ninh        |         |
| 12  | 6   | MHN.06.520 | Nguyễn Quang       | Tùng  | 31032005 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên                  | Hà Nội          |         |
| 13  | 6   | MHN.06.521 | Phạm Thanh         | Tùng  | 29082005 | Trường THCS Văn Lang                     | Phú Thọ         |         |
| 14  | 6   | MHN.06.522 | Đinh Ngọc          | Tuyền | 04012005 | Trường THCS Đại Kim                      | Hà Nội          |         |
| 15  | 6   | MHN.06.523 | Hà Phương          | Uyên  | 09052005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                   | Hà Nội          |         |
| 16  | 6   | MHN.06.524 | Nguyễn Lan         | Uyên  | 24112005 | Trường THCS Giảng Võ                     | Hà Nội          |         |
| 17  | 6   | MHN.06.525 | Trần Đình Phương   | Uyên  | 09062005 | Trường Hệ Thống Giáo Dục Ngôi Sao Hà Nội | Hà Nội          |         |
| 18  | 6   | MHN.06.526 | Hoàng Mỹ           | Vân   | 08102005 | Trường THCS Đông Ngạc                    | Hà Nội          |         |
| 19  | 6   | MHN.06.527 | Đỗ Công            | Vinh  | 10092005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam    | Hà Nội          |         |
| 20  | 6   | MHN.06.528 | Ngô Ngọc Quang     | Vinh  | 17052005 | Trường THCS Phúc Yên                     | Vĩnh Phúc       |         |
| 21  | 6   | MHN.06.529 | Nguyễn Ngọc        | Vinh  | 01082005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                  | Hà Nội          |         |
| 22  | 6   | MHN.06.530 | Nguyễn Phú         | Vinh  | 27122005 | Trường THCS Lê Quý Đôn                   | Hà Nội          |         |
| 23  | 6   | MHN.06.531 | Nguyễn Phúc        | Vinh  | 28072005 | Trường THCS Lê Lợi                       | Hà Giang        |         |
| 24  | 6   | MHN.06.532 | Nguyễn Thành       | Vinh  | 05032005 | Trường THCS Cầu Giấy                     | Hà Nội          |         |
| 25  | 6   | MHN.06.533 | Nguyễn Tiến Quang  | Vinh  | 01102005 | Trường THCS Từ Sơn                       | Bắc Ninh        |         |
| 26  | 6   | MHN.06.534 | Nguyễn Xuân        | Vinh  | 19102005 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam    | Hà Nội          |         |
| 27  | 6   | MHN.06.535 | Ninh Đình          | Vinh  | 21022005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                  | Hà Nội          |         |
| 28  | 6   | MHN.06.536 | Ngô Minh           | Vũ    | 16042005 | Trường THCS Nam Từ Liêm                  | Hà Nội          |         |
| 29  | 6   | MHN.06.537 | Nguyễn Huy         | Vũ    | 11112005 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh               | Hưng Yên        |         |
| 30  | 6   | MHN.06.538 | Trần Anh           | Vũ    | 25112005 | Trường THCS Văn Lang                     | Phú Thọ         |         |
| 31  | 6   | MHN.06.539 | Đỗ Ngọc            | Vương | 04082005 | Trường THCS Văn Lang                     | Phú Thọ         |         |
| 32  | 6   | MHN.06.540 | Nguyễn Minh        | Vương | 29072005 | Trường THCS Cầu Giấy                     | Hà Nội          |         |
| 33  | 6   | MHN.06.541 | Nguyễn Thành Khánh | Vy    | 18062005 | Trường THCS Nam Thành Công               | Hà Nội          |         |
| 34  | 6   | MHN.06.542 | Võ Hà              | Vy    | 11122005 | Trường THCS Cầu Giấy                     | Hà Nội          |         |
| 35  | 6   | MHN.06.543 | Đinh Văn           | Xoài  | 07052005 | Trường THCS Ngô Gia Tự                   | Hà Nội          |         |
| 36  | 6   | MHN.06.544 | Nguyễn Hải         | Yến   | 16112005 | Trường THCS Từ Sơn                       | Bắc Ninh        |         |
| 37  | 7   | MHN.07.001 | Cao Khánh          | An    | 02042004 | Trường THCS Thực Nghiệm                  | Hà Nội          |         |
| 38  | 7   | MHN.07.002 | Hoàng Văn          | An    | 26082004 | Trường THCS Nhân Chính                   | Hà Nội          |         |
| 39  | 7   | MHN.07.003 | Lê Đức             | An    | 30062004 | Trường THCS Giảng Võ                     | Hà Nội          |         |
| 40  | 7   | MHN.07.004 | Ngô Xuân           | An    | 06082004 | Trường THCS Giảng Võ                     | Hà Nội          |         |
| 41  | 7   | MHN.07.005 | Nguyễn Đình        | An    | 21102004 | Trường THCS Nhân Chính                   | Hà Nội          |         |
| 42  | 7   | MHN.07.006 | Nguyễn Hoàng       | An    | 17012004 | Trường THCS Xuân Hòa                     | Vĩnh Phúc       |         |
| 43  | 7   | MHN.07.007 | Nguyễn Thiện Hải   | An    | 19022004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ             | Hà Nội          |         |
| 44  | 7   | MHN.07.008 | Vũ Thanh           | An    | 08112004 | Trường THCS Nam Từ Liêm                  | Hà Nội          |         |
| 45  | 7   | MHN.07.009 | Nguyễn Thiên       | Ấn    | 12072004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm                | Hà Nội          |         |
| 46  | 7   | MHN.07.010 | Bùi Lê Đức         | Anh   | 07092004 | Trường THCS Giấy Phong Châu              | Phú Thọ         |         |
| 47  | 7   | MHN.07.011 | Đặng Hải           | Anh   | 16032004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam    | Hà Nội          |         |
| 48  | 7   | MHN.07.012 | Đặng Quốc          | Anh   | 20042004 | Trường THCS Cầu Giấy                     | Hà Nội          |         |
| 49  | 7   | MHN.07.013 | Đào Phương         | Anh   | 08072004 | Trường THCS Lâm Thao                     | Phú Thọ         |         |
| 50  | 7   | MHN.07.014 | Đỗ Đức             | Anh   | 26062004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh               | Hưng Yên        |         |
| 51  | 7   | MHN.07.015 | Đỗ Đức             | Anh   | 15112004 | Trường THCS Đại Mỗ                       | Hà Nội          |         |
| 52  | 7   | MHN.07.016 | Đỗ Duy Trường      | Anh   | 17032004 | Trường THCS Trưng Vương                  | Hà Nội          |         |
| 53  | 7   | MHN.07.017 | Hoàng Lê Quỳnh     | Anh   | 10102004 | Trường THCS Yên Lạc                      | Vĩnh Phúc       |         |
| 54  | 7   | MHN.07.018 | Hoàng Phan Ngọc    | Anh   | 20112004 | Trường THCS Cầu Giấy                     | Hà Nội          |         |
| 55  | 7   | MHN.07.019 | Lê Đình            | Anh   | 05032004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam    | Hà Nội          |         |
| 56  | 7   | MHN.07.020 | Lê Đức             | Anh   | 13012004 | Trường THCS Ngôi Sao Hà Nội              | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên           |     | Năm sinh | Trường                                    | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------------|-----|----------|-------------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.021 | Lê Đức              | Anh | 09022004 | Trường Tiểu học - THCS - THPT Nguyễn Siêu | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.022 | Lê Ngọc             | Anh | 03022004 | Trường THCS Vĩnh Tường                    | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 7   | MHN.07.023 | Ngô Văn Trung       | Anh | 07072004 | Trường THCS Từ Sơn                        | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 7   | MHN.07.024 | Nguyễn Công Hoàng   | Anh | 02122004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam     | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.025 | Nguyễn Đức Nam      | Anh | 13122004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.026 | Nguyễn Hải          | Anh | 04122004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.027 | Nguyễn Hữu Hoàng Hà | Anh | 11012004 | Trường THCS Ngũ Hiệp                      | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.028 | Nguyễn Lê Xuân      | Anh | 26022004 | Trường THCS Trưng Vương                   | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.029 | Nguyễn Minh         | Anh | 17042004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                    | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.030 | Nguyễn Ngô Việt     | Anh | 26042004 | Trường THPT Lương Thế Vinh                | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.031 | Nguyễn Quang        | Anh | 22022004 | Trường THCS Đại Kim                       | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.032 | Nguyễn Quang        | Anh | 20012004 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu              | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.033 | Nguyễn Thị Vân      | Anh | 16012004 | Trường THCS Yên Lạc                       | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 7   | MHN.07.034 | Nguyễn Thị Vân      | Anh | 11122004 | Trường THCS Yên Lạc                       | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 7   | MHN.07.035 | Nguyễn Trâm         | Anh | 04092004 | Trường THCS Hùng Vương                    | Phú Thọ            |         |
| 16  | 7   | MHN.07.036 | Nguyễn Trần Minh    | Anh | 30092004 | Trường THCS Trưng Vương                   | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.037 | Nguyễn Tuấn         | Anh | 03012004 | Trường THCS Cầu Giấy                      | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.038 | Nguyễn Việt         | Anh | 17062004 | Trường THCS Từ Sơn                        | Bắc Ninh           |         |
| 19  | 7   | MHN.07.039 | Nguyễn Việt         | Anh | 05112004 | Trường THCS Văn Lang                      | Phú Thọ            |         |
| 20  | 7   | MHN.07.040 | Phạm Hoàng          | Anh | 26062004 | Trường THCS Trưng Vương                   | Hà Nội             |         |
| 21  | 7   | MHN.07.041 | Phạm Quốc           | Anh | 23052004 | Trường THCS Trưng Vương                   | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.042 | Phan Hà             | Anh | 25032004 | Trường THCS Cầu Giấy                      | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.043 | Phùng Nguyễn Ngọc   | Anh | 10022004 | Trường THCS Vĩnh Yên                      | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 7   | MHN.07.044 | Trần Đắc Nhật       | Anh | 31032004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ              | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.045 | Trần Đức        | Anh  | 02062004 | Trường THCS Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.046 | Trần Nhật       | Anh  | 18102004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.047 | Trần Tú         | Anh  | 26072004 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 7   | MHN.07.048 | Trần Vỹ         | Anh  | 03022004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.049 | Trịnh Hoàng     | Anh  | 05122004 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 7   | MHN.07.050 | Trịnh Quang     | Anh  | 30012004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.051 | Chu Ngọc        | Ánh  | 05092004 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 7   | MHN.07.052 | Khổng Ngọc      | Ánh  | 28052004 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 9   | 7   | MHN.07.053 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh  | 16022004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 7   | MHN.07.054 | Hoàng Việt      | Bách | 08112004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.055 | Lê Xuân         | Bách | 10012004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.056 | Nguyễn Trung    | Bách | 06112004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.057 | Nguyễn Xuân     | Bách | 19032004 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.058 | Tô Gia          | Bách | 05052004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.059 | Đặng Quốc       | Bảo  | 27102004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 16  | 7   | MHN.07.060 | Khuất Đức       | Bảo  | 26122004 | Trường THCS Thạch Thất                | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.061 | Nguyễn Gia      | Bảo  | 20072004 | Trường THCS Nguyễn Tri Phương         | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.062 | Vũ Duy          | Bảo  | 28122004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.063 | Nguyễn Thị Ngọc | Bích | 09122004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 20  | 7   | MHN.07.064 | Trần Thị Ngọc   | Bích | 14122004 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 7   | MHN.07.065 | Nguyễn Đức      | Bình | 19112004 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.066 | Nguyễn Quý      | Bình | 01062004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.067 | Vũ Ngọc         | Bình | 14102004 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 7   | MHN.07.068 | Đỗ Duy          | Bộ   | 28102004 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.069 | Chu Quang      | Cần   | 23012004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 2   | 7   | MHN.07.070 | Nguyễn Huỳnh   | Chân  | 17092004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.071 | Nguyễn Minh    | Châu  | 20072004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 4   | 7   | MHN.07.072 | Nguyễn Minh    | Châu  | 03112004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.073 | Vũ Minh        | Châu  | 21032004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.074 | Giang Khánh    | Chi   | 08022004 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.075 | Nguyễn Tùng    | Chi   | 08042004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 8   | 7   | MHN.07.076 | Nguyễn Thảo    | Chinh | 28062004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 9   | 7   | MHN.07.077 | Nguyễn Mạnh    | Cường | 21062004 | Trường THCS Ngọc Hà                   | Hà Giang           |         |
| 10  | 7   | MHN.07.078 | Nguyễn Tự      | Cường | 23082004 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.079 | Nguyễn Sĩ      | Đan   | 01112003 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu          | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.080 | Nguyễn Quý     | Đang  | 25012004 | Trường THCS Đại Mỗ                    | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.081 | Nguyễn Hà Thái | Đăng  | 11042004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.082 | Nguyễn Hải     | Đăng  | 21032004 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.083 | Nguyễn Ngọc    | Đăng  | 26052004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 16  | 7   | MHN.07.084 | Nguyễn Quang   | Đạo   | 03032004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.085 | Đình Tiến      | Đạt   | 08032004 | Trường THCS Bình Minh                 | Hải Dương          |         |
| 18  | 7   | MHN.07.086 | Nguyễn Tất     | Đạt   | 18062004 | Trường THCS Thạch Thất                | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.087 | Nguyễn Tiến    | Đạt   | 16062004 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.088 | Phạm Thành     | Đạt   | 17092004 | Trường THCS Sài Đồng                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 7   | MHN.07.089 | Trần Thọ Khánh | Đạt   | 18082004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.090 | Võ Chí         | Đạt   | 26042004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.091 | Đào Nhân       | Độ    | 28092004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 24  | 7   | MHN.07.092 | Đỗ Doãn Hoàng  | Du    | 07102004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.093 | Chu Mạnh       | Đức   | 31072004 | Trường THCS Thạch Thất                | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.094 | Đỗ Trung       | Đức   | 20092004 | Trường THCS Xuân Hòa                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 7   | MHN.07.095 | Nguyễn Mạnh    | Đức   | 07062004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.096 | Nguyễn Minh    | Đức   | 15022004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 29  | 7   | MHN.07.097 | Nguyễn Minh    | Đức   | 05122004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 30  | 7   | MHN.07.098 | Nguyễn Trung   | Đức   | 02032004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 31  | 7   | MHN.07.099 | Phạm Minh      | Đức   | 10062004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 32  | 7   | MHN.07.100 | Phùng Minh     | Đức   | 02082004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 33  | 7   | MHN.07.101 | Trần Thùy      | Dung  | 14012004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 34  | 7   | MHN.07.102 | Bùi Anh        | Dũng  | 28122004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 35  | 7   | MHN.07.103 | Bùi Anh        | Dũng  | 11012004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 36  | 7   | MHN.07.104 | Đào Việt       | Dũng  | 28112004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 37  | 7   | MHN.07.105 | Đỗ Tiến        | Dũng  | 24102004 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 38  | 7   | MHN.07.106 | Dương Anh      | Dũng  | 31012004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |       | Năm sinh | Trường                             | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|-------|----------|------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.107 | Nguyễn Duy    | Dũng  | 18032004 | Trường THCS Vân Nội                | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.108 | Nguyễn Tiến   | Dũng  | 15042004 | Trường THCS Nhân Chính             | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.109 | Phó Minh      | Dũng  | 13022004 | Trường THCS Nghĩa Tân              | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.110 | Thân Phụng    | Dũng  | 17032004 | Trường THCS Nghĩa Tân              | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.111 | Tô Tiến       | Dũng  | 23072004 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.112 | Trần Tiến     | Dũng  | 23042004 | Trường THCS Sài Đồng               | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.113 | Trần Trung    | Dũng  | 05022004 | Trường THCS và THPT Việt Úc Hà Nội | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.114 | Trịnh Quốc    | Dũng  | 18022004 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.115 | Trương Quốc   | Dũng  | 04102004 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.116 | Bạch Huy      | Dương | 12112004 | Trường THCS Lê Quý Đôn             | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.117 | Hà Minh       | Dương | 27102004 | Trường THCS Văn Lang               | Phú Thọ            |         |
| 12  | 7   | MHN.07.118 | Lưu Thị Ánh   | Dương | 29022004 | Trường THCS Yên Phong              | Bắc Ninh           |         |
| 13  | 7   | MHN.07.119 | Ngô Minh      | Dương | 22012004 | Trường THCS Đông Ngạc              | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.120 | Nguyễn Đại    | Dương | 16092004 | Trường THCS Văn Lang               | Phú Thọ            |         |
| 15  | 7   | MHN.07.121 | Nguyễn Đức    | Dương | 29122004 | Trường THCS Vĩnh Tường             | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 7   | MHN.07.122 | Nguyễn Mạnh   | Dương | 10082004 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.123 | Nguyễn Thái   | Dương | 06032004 | Trường THCS Văn Lang               | Phú Thọ            |         |
| 18  | 7   | MHN.07.124 | Phan Tùng     | Dương | 07062004 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.125 | Trần Ánh      | Dương | 16112004 | Trường THCS Tam Đảo                | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 7   | MHN.07.126 | Trần Thùy     | Dương | 30032004 | Trường THCS Đại Kim                | Hà Nội             |         |
| 21  | 7   | MHN.07.127 | Lê Quang      | Duy   | 07032004 | Trường THCS Cầu Giấy               | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.128 | Nguyễn Bảo    | Duy   | 21082004 | Trường THCS Him Lam                | Điện Biên          |         |
| 23  | 7   | MHN.07.129 | Nguyễn Đức    | Duy   | 17102004 | Trường THCS Bê Tông                | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.130 | Nguyễn Đức    | Duy   | 02042004 | Trường THCS Ngôi sao Hà Nội        | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.131 | Nguyễn Khánh  | Duy   | 02012004 | Trường THCS Giảng Võ               | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.132 | Trần Lê Khánh | Duy   | 14042004 | Trường THCS Ái Mộ                  | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.133 | Đặng Huy      | Giang | 13032004 | Trường THCS Nguyễn Tri Phương      | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.134 | Đoàn Hương    | Giang | 27062004 | Trường THCS Bình Minh              | Hải Dương          |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.135 | Dương Thị Quỳnh  | Giang | 19082004 | Trường THCS Bá Hiến                   | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.136 | Nguyễn Đỗ Bảo    | Giang | 28072004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.137 | Vũ Hoàng         | Giáp  | 22122004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.138 | Bùi Minh         | Hà    | 27072004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.139 | Đàm Lê Ngân      | Hà    | 15052004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 6   | 7   | MHN.07.140 | Đỗ Ngọc          | Hà    | 30062004 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 7   | MHN.07.141 | Hoàng Ngân       | Hà    | 13072004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.142 | Nguyễn Ngân      | Hà    | 23062004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.143 | Nguyễn Thị Hải   | Hà    | 21112004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 10  | 7   | MHN.07.144 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | 11052004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 11  | 7   | MHN.07.145 | Nguyễn Trần Ngân | Hà    | 16022004 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.146 | Vũ Phạm Minh     | Hà    | 29012004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.147 | Lê Đình          | Hải   | 15072004 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.148 | Lê Minh          | Hải   | 19032004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.149 | Nguyễn Công      | Hải   | 15042004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 16  | 7   | MHN.07.150 | Nguyễn Ngọc      | Hải   | 21062004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.151 | Nguyễn Thanh     | Hải   | 27012004 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Giang           |         |
| 18  | 7   | MHN.07.152 | Phạm Minh        | Hải   | 15122004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 19  | 7   | MHN.07.153 | Tạ Tuấn          | Hải   | 01032004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.154 | Kim Thuý         | Hàng  | 08082004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 7   | MHN.07.155 | Nguyễn Tổ        | Hàng  | 29092004 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 22  | 7   | MHN.07.156 | Phùng Thị Thúy   | Hàng  | 03012004 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 23  | 7   | MHN.07.157 | Đoàn Thị Tuyết   | Hạnh  | 21012004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 24  | 7   | MHN.07.158 | Nguyễn Minh      | Hạnh  | 01012004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.159 | Nguyễn Đức       | Hào   | 26092004 | Trường THCS Xuân Hòa                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 26  | 7   | MHN.07.160 | Bùi Minh         | Hiền  | 24072004 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.161 | Đỗ Minh          | Hiền  | 02032004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.162 | Nguyễn Phan      | Hiền  | 08082004 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.163 | Dương Hùng     | Hiệp  | 12032004 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.164 | Lê Trọng       | Hiệp  | 01012004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 3   | 7   | MHN.07.165 | Phạm Hoàng     | Hiệp  | 03092004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.166 | Phạm Hoàng     | Hiệp  | 01052004 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 7   | MHN.07.167 | Trần Khánh     | Hiệp  | 23122004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.168 | Nguyễn Chí     | Hiếu  | 15062004 | Trường THCS Ngũ Hiệp                  | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.169 | Nguyễn Đình    | Hiếu  | 20102004 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.170 | Nguyễn Trung   | Hiếu  | 25052004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.171 | Nguyễn Trung   | Hiếu  | 15022004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 7   | MHN.07.172 | Trần Ngọc      | Hiếu  | 09122004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.173 | Vũ Trung       | Hiếu  | 02012004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 12  | 7   | MHN.07.174 | Hoàng Phương   | Hoa   | 01052004 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.175 | Nguyễn Thị Bảo | Hoàn  | 19022004 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.176 | Lê Việt        | Hoàng | 31012004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 7   | MHN.07.177 | Nguyễn Huy     | Hoàng | 18032004 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 16  | 7   | MHN.07.178 | Nguyễn Lê      | Hoàng | 17042004 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 7   | MHN.07.179 | Nguyễn Minh    | Hoàng | 27052004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.180 | Nguyễn Việt    | Hoàng | 05082004 | Trường THCS Sài Đồng                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.181 | Nguyễn Việt    | Hoàng | 07022004 | Trường PTTH Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.182 | Phạm           | Hoàng | 27122004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội             |         |
| 21  | 7   | MHN.07.183 | Vũ Huy         | Hoàng | 06012004 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh         |         |
| 22  | 7   | MHN.07.184 | Phùng Thị Bích | Hợp   | 26092004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 23  | 7   | MHN.07.185 | Nguyễn Thị Thu | Huệ   | 19022004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 24  | 7   | MHN.07.186 | Hoàng Việt     | Hùng  | 03062004 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh         |         |
| 25  | 7   | MHN.07.187 | Nguyễn Anh     | Hùng  | 06102004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.188 | Nguyễn Tuấn    | Hùng  | 03042004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.189 | Nguyễn Việt     | Hùng  | 17022004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 2   | 7   | MHN.07.190 | Đỗ Như          | Hưng  | 13032004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 3   | 7   | MHN.07.191 | Dương Quách     | Hưng  | 02042004 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.192 | Ngô Tiến        | Hưng  | 19052004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.193 | Nguyễn Cao      | Hưng  | 21022004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.194 | Nguyễn Đình     | Hưng  | 21102004 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.195 | Nguyễn Ngọc Duy | Hưng  | 21072004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.196 | Nguyễn Phú      | Hưng  | 29032004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 9   | 7   | MHN.07.197 | Tôn Đức         | Hưng  | 26102004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 10  | 7   | MHN.07.198 | Trần Công       | Hưng  | 03072004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 11  | 7   | MHN.07.199 | Trần Quang      | Hưng  | 21092004 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 12  | 7   | MHN.07.200 | Trần Vương      | Hưng  | 06022004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.201 | Bui Thanh       | Huong | 2004     | Trường THCS Cổ Bi                     | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.202 | Bùi Quốc        | Huy   | 04042004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 7   | MHN.07.203 | Bùi Vũ          | Huy   | 27012004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 7   | MHN.07.204 | Lê Trần         | Huy   | 07112004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.205 | Nguyễn Công     | Huy   | 04032004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.206 | Nguyễn Quang    | Huy   | 23072004 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 19  | 7   | MHN.07.207 | Nguyễn Quang    | Huy   | 05042004 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.208 | Nguyễn Quang    | Huy   | 08062004 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Giang           |         |
| 21  | 7   | MHN.07.209 | Phạm Đức        | Huy   | 15072004 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 22  | 7   | MHN.07.210 | Quản Tuấn       | Huy   | 23032004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 23  | 7   | MHN.07.211 | Tổng Quang      | Huy   | 08012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.212 | Trần Quang      | Huy   | 20102004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.213 | Trần Quang      | Huy   | 17032004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 26  | 7   | MHN.07.214 | Trần Vũ Đức     | Huy   | 13092004 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                        | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|-------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.215 | Vũ Anh           | Huy   | 11102004 | Trường THCS Trần Quốc Toàn    | Quảng Ninh         |         |
| 2   | 7   | MHN.07.216 | Vũ Quốc          | Huy   | 24082004 | Trường THCS Nam Từ Liêm       | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.217 | Phạm Thị Khánh   | Huyền | 05022004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh    | Hưng Yên           |         |
| 4   | 7   | MHN.07.218 | Trương Ngọc      | Huyền | 30032004 | Trường THCS Vĩnh Yên          | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 7   | MHN.07.219 | Dương Quang      | Khải  | 22022004 | Trường THCS Lâm Thao          | Phú Thọ            |         |
| 6   | 7   | MHN.07.220 | Nguyễn Công      | Khải  | 21022004 | Trường THCS Bế Văn Đàn        | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.221 | Nguyễn Nhật      | Khải  | 06022004 | Trường THCS Dịch Vọng         | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.222 | Vũ Minh          | Khải  | 15012004 | Trường THCS Lâm Thao          | Phú Thọ            |         |
| 9   | 7   | MHN.07.223 | Nguyễn Công      | Khanh | 25092004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm     | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.224 | Nguyễn Minh      | Khanh | 17022004 | Trường THCS Đa Tốn            | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.225 | Đôn Quốc         | Khánh | 01052004 | Trường THCS Nhân Chính        | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.226 | Dương Quốc       | Khánh | 23072004 | Trường THCS Hùng Vương        | Phú Thọ            |         |
| 13  | 7   | MHN.07.227 | Dương Quốc       | Khánh | 10022004 | Trường THCS Nguyễn Tri Phương | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.228 | Nguyễn Ngọc Quốc | Khánh | 02092004 | Trường THCS Sài Đồng          | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.229 | Phạm Gia         | Khánh | 13122004 | Trường THCS Giảng Võ          | Hà Nội             |         |
| 16  | 7   | MHN.07.230 | Trần Nam         | Khánh | 20102004 | Trường THCS Giảng Võ          | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.231 | Lê Gia           | Khiêm | 03032004 | Trường THCS Cầu Giấy          | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.232 | Hoàng Đăng       | Khoa  | 30122004 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.233 | Nguyễn Hải       | Khoa  | 27082004 | Trường THCS Lý Tự Trọng       | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 7   | MHN.07.234 | Đỗ Viết Tuấn     | Khôi  | 07042004 | Trường THCS Trưng Vương       | Hà Nội             |         |
| 21  | 7   | MHN.07.235 | Ngô Anh          | Khôi  | 08112004 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.236 | Phan Trường Anh  | Khôi  | 10112004 | Trường THCS Trưng Vương       | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.237 | Nguyễn Xuân      | Khuê  | 09022004 | Trường THCS Đại Kim           | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.238 | Lưu Trung        | Kiên  | 06072004 | Trường THCS Trưng Vương       | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.239 | Nguyễn Đức       | Kiên | 04062004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.240 | Nguyễn Minh      | Kiên | 12122004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.241 | Nguyễn Trung     | Kiên | 10092004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.242 | Phạm Trung       | Kiên | 19092004 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.243 | Phùng Đức        | Kiên | 12072004 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.244 | Lương Tùng       | Lâm  | 19122004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 7   | 7   | MHN.07.245 | Nguyễn Đăng Tùng | Lâm  | 21112004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.246 | Nguyễn Phạm Ngọc | Lâm  | 26062004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.247 | Nguyễn Phương    | Lâm  | 19072004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.248 | Phạm Tùng        | Lâm  | 06102004 | Trường THCS Nguyễn Siêu               | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.249 | Quyền Hải        | Lâm  | 03092004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 12  | 7   | MHN.07.250 | Nguyễn Hoàng     | Lân  | 07122004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 13  | 7   | MHN.07.251 | Bùi Phương       | Liên | 18022004 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.252 | Bùi Hà           | Linh | 08062004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.253 | Đăng Hải         | Linh | 14022004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 16  | 7   | MHN.07.254 | Đỗ Đăng Hoàng    | Linh | 03112004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.255 | Đỗ Dương Diệu    | Linh | 10052004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.256 | Đỗ Khánh         | Linh | 08032004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 19  | 7   | MHN.07.257 | Đỗ Phương        | Linh | 22032004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.258 | Dương Thị Khánh  | Linh | 01112004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 21  | 7   | MHN.07.259 | Lê Hoài          | Linh | 26032004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 22  | 7   | MHN.07.260 | Lê Phương        | Linh | 27112004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.261 | Lê Thanh Huyền   | Linh | 24082004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.262 | Lê Thùy          | Linh | 14042004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.263 | Nguyễn Khánh     | Linh | 10102004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.264 | Nguyễn Khánh     | Linh | 20052004 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.265 | Nguyễn Phương    | Linh | 23052004 | Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm         | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.266 | Nguyễn Thị Diệu  | Linh | 04092004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 29  | 7   | MHN.07.267 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh | 26092004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 30  | 7   | MHN.07.268 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh | 04052004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 31  | 7   | MHN.07.269 | Nguyễn Thùy      | Linh | 09032004 | Trường THCS Quỳnh Mai                 | Hà Nội             |         |
| 32  | 7   | MHN.07.270 | Nguyễn Tuấn      | Linh | 26032004 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 33  | 7   | MHN.07.271 | Trần Hà          | Linh | 03092004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 34  | 7   | MHN.07.272 | Trần Khánh       | Linh | 18052004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 35  | 7   | MHN.07.273 | Vũ Du            | Linh | 12042004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |      | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.274 | Nguyễn Phúc     | Lộc  | 18082004 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.275 | Vũ Xuân         | Lộc  | 26122004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 3   | 7   | MHN.07.276 | Nguyễn Văn      | Lợi  | 12032004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 7   | MHN.07.277 | Đào Phúc        | Long | 10092004 | Trường THCS Thực Nghiệm               | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.278 | Hà Thành        | Long | 02102004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.279 | Lê Trần         | Long | 01012004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 7   | 7   | MHN.07.280 | Ngô Hải         | Long | 15042004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.281 | Trần Bảo        | Long | 11052004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.282 | Trần Thăng      | Long | 08052004 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.283 | Trương Kim      | Long | 12032004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 11  | 7   | MHN.07.284 | Dương Diệu      | Ly   | 22082004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.285 | Hạ Hoàng        | Mai  | 01012004 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 13  | 7   | MHN.07.286 | Nguyễn Chi      | Mai  | 17032004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.287 | Nguyễn Ngọc     | Mai  | 12042004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.288 | Nguyễn Vũ Quỳnh | Mai  | 18092004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 7   | MHN.07.289 | Nguyễn Đức      | Mạnh | 08022004 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 17  | 7   | MHN.07.290 | Trần Đức        | Mạnh | 01032004 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định           |         |
| 18  | 7   | MHN.07.291 | Vũ Đức          | Mạnh | 07052004 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 7   | MHN.07.292 | Đàm Nhật        | Minh | 25092004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 7   | MHN.07.293 | Đàm Văn         | Minh | 28122004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 21  | 7   | MHN.07.294 | Đặng Lương      | Minh | 05022004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.295 | Hồ Vũ Tuấn      | Minh | 11042004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.296 | Kiều Nhật       | Minh | 07122004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.297 | Lê Công         | Minh | 01072004 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.298 | Lê Đức          | Minh | 21102004 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.299 | Lê Hữu          | Minh | 03012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.300 | Lê Nguyên       | Minh | 20102004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.301 | Lê Nguyễn Nhật  | Minh | 31122004 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 29  | 7   | MHN.07.302 | Lê Nhật         | Minh | 03022004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 30  | 7   | MHN.07.303 | Lý Quang        | Minh | 07052004 | Trường Phổ thông liên cấp Olympia     | Hà Nội             |         |
| 31  | 7   | MHN.07.304 | Mai Đức         | Minh | 26032004 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 32  | 7   | MHN.07.305 | Nguyễn Bá       | Minh | 05072004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 33  | 7   | MHN.07.306 | Nguyễn Cao      | Minh | 13082004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 34  | 7   | MHN.07.307 | Nguyễn Hải      | Minh | 12102004 | Trường THCS Thái Thịnh                | Hà Nội             |         |
| 35  | 7   | MHN.07.308 | Nguyễn Lê       | Minh | 19022004 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 36  | 7   | MHN.07.309 | Nguyễn Lê Hoàng | Minh | 06082004 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 37  | 7   | MHN.07.310 | Nguyễn Ngọc     | Minh | 30012004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 38  | 7   | MHN.07.311 | Nguyễn Nhật     | Minh | 08102004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 39  | 7   | MHN.07.312 | Nguyễn Nhật     | Minh | 02082004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 40  | 7   | MHN.07.313 | Nguyễn Phúc     | Minh | 23092004 | Trường THCS và THPT Hai Bà Trưng      | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|--------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.314 | Nguyễn Phúc       | Minh   | 02012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 2   | 7   | MHN.07.315 | Nguyễn Tuấn       | Minh   | 04082004 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh      |         |
| 3   | 7   | MHN.07.316 | Phùng Tuấn        | Minh   | 22102004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 4   | 7   | MHN.07.317 | Trần Hoàng Ngọc   | Minh   | 16012004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 5   | 7   | MHN.07.318 | Trần Quang        | Minh   | 03012004 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội          |         |
| 6   | 7   | MHN.07.319 | Trương Quang      | Minh   | 17022004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội          |         |
| 7   | 7   | MHN.07.320 | Vũ Đức            | Minh   | 14122004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 8   | 7   | MHN.07.321 | Vũ Ngọc           | Minh   | 05072004 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội          |         |
| 9   | 7   | MHN.07.322 | Vương Đức         | Minh   | 24062004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội          |         |
| 10  | 7   | MHN.07.323 | Nguyễn Thị Trà    | My     | 19072004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên        |         |
| 11  | 7   | MHN.07.324 | Nguyễn Hải        | Nam    | 29102004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 12  | 7   | MHN.07.325 | Nguyễn Khánh      | Nam    | 02012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 13  | 7   | MHN.07.326 | Nguyễn Nhật       | Nam    | 06122004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 14  | 7   | MHN.07.327 | Nguyễn Thành      | Nam    | 10102004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 15  | 7   | MHN.07.328 | Phạm Hoàng        | Nam    | 02032004 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh      |         |
| 16  | 7   | MHN.07.329 | Phạm Nhật         | Nam    | 14032004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 17  | 7   | MHN.07.330 | Phạm Nhật         | Nam    | 24092004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 18  | 7   | MHN.07.331 | Trịnh Đình        | Nam    | 28022004 | Trường THCS Kiều Phú                  | Hà Nội          |         |
| 19  | 7   | MHN.07.332 | Lê Phương         | Nga    | 25012004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 20  | 7   | MHN.07.333 | Nguyễn Thị Thu    | Nga    | 11102004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 21  | 7   | MHN.07.334 | Nguyễn Thu        | Nga    | 09052004 | Trường THCS Giáy Phong Châu           | Phú Thọ         |         |
| 22  | 7   | MHN.07.335 | Nguyễn Hạnh       | Ngân   | 03102004 | Trường THCS Nguyễn Siêu               | Hà Nội          |         |
| 23  | 7   | MHN.07.336 | Nguyễn Hoàng      | Ngân   | 24032004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 24  | 7   | MHN.07.337 | Nguyễn Thị Hoàng  | Ngân   | 21062004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 25  | 7   | MHN.07.338 | Hoàng Vũ          | Nghị   | 04042004 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc       |         |
| 26  | 7   | MHN.07.339 | Nguyễn Đức        | Nghĩa  | 10092004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 27  | 7   | MHN.07.340 | Trần Huy          | Nghĩa  | 30092004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 28  | 7   | MHN.07.341 | Trần Trung        | Nghĩa  | 15072004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 29  | 7   | MHN.07.342 | Ngô Đức           | Trí    | 25052004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 30  | 7   | MHN.07.343 | Đặng Minh         | Ngọc   | 10032004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 31  | 7   | MHN.07.344 | Đào Quang         | Ngọc   | 29122003 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội          |         |
| 32  | 7   | MHN.07.345 | Lê Huyền          | Ngọc   | 10012004 | Trường THCS Ái Mộ                     | Hà Nội          |         |
| 33  | 7   | MHN.07.346 | Bùi Đức           | Nguyên | 05012004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên        |         |
| 34  | 7   | MHN.07.347 | Đặng Hiếu         | Nguyên | 30122004 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 35  | 7   | MHN.07.348 | Dương Nhật        | Nguyên | 04032004 | Trường THCS Lương Thế Vinh            | Hà Nội          |         |
| 36  | 7   | MHN.07.349 | Nguyễn Quang      | Nguyên | 11102004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 37  | 7   | MHN.07.350 | Hà Minh           | Nhật   | 28082004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 38  | 7   | MHN.07.351 | Nguyễn Minh       | Nhật   | 02052004 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội          |         |
| 39  | 7   | MHN.07.352 | Kim Ngọc Yến      | Nhi    | 19102004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 40  | 7   | MHN.07.353 | Nguyễn Hoàng Thảo | Nhi    | 16122004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 41  | 7   | MHN.07.354 | Nguyễn Hồng       | Nhung  | 19042004 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang        |         |
| 42  | 7   | MHN.07.355 | Lưu Trung         | Ninh   | 01102004 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội          |         |
| 43  | 7   | MHN.07.356 | Nguyễn Thị        | Oanh   | 11022004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 44  | 7   | MHN.07.357 | Nguyễn Trọng      | Phan   | 06052004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 45  | 7   | MHN.07.358 | Lê Phạm Hải       | Phong  | 05112004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 46  | 7   | MHN.07.359 | Tạ Xuân           | Phong  | 25112004 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội          |         |
| 47  | 7   | MHN.07.360 | Đàm Hồng          | Phúc   | 04012004 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội          |         |
| 48  | 7   | MHN.07.361 | Nguyễn Hồng       | Phúc   | 24012004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 49  | 7   | MHN.07.362 | Phạm Hồng         | Phúc   | 27122004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 50  | 7   | MHN.07.363 | Trương Minh       | Phúc   | 29012004 | Trường THCS Trung Vương               | Hà Nội          |         |
| 51  | 7   | MHN.07.364 | Bùi Hiếu          | Phương | 05012004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 52  | 7   | MHN.07.365 | Hà Thu            | Phương | 25032004 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 53  | 7   | MHN.07.366 | Đậu Hà Mạnh       | Quân   | 12052004 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội          |         |
| 54  | 7   | MHN.07.367 | Đỗ Minh           | Quân   | 02032004 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám            | Vĩnh Phúc       |         |
| 55  | 7   | MHN.07.368 | Dương Đăng Minh   | Quân   | 20062004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 56  | 7   | MHN.07.369 | Lê Minh           | Quân   | 30062004 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 57  | 7   | MHN.07.370 | Nguyễn Anh        | Quân   | 10052004 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội          |         |
| 58  | 7   | MHN.07.371 | Nguyễn Anh        | Quân   | 26112004 | Trường THCS Ngọc Thụy                 | Hà Nội          |         |
| 59  | 7   | MHN.07.372 | Nguyễn Anh        | Quân   | 29032004 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 60  | 7   | MHN.07.373 | Phạm Hồng         | Quân   | 09082004 | Trường THCS Thăng Long                | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |       | Năm sinh | Trường                         | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|-------|----------|--------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.374 | Trần Lê Mạnh  | Quân  | 17112004 | Trường THCS Nam Trung Yên      | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.375 | Trần Sỹ Minh  | Quân  | 29102004 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.376 | Đỗ Xuân       | Quang | 17012004 | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |
| 4   | 7   | MHN.07.377 | Ngô Minh      | Quang | 03122004 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.378 | Nguyễn Đăng   | Quang | 28102004 | Trường THCS Từ Sơn             | Bắc Ninh           |         |
| 6   | 7   | MHN.07.379 | Nguyễn Văn    | Quang | 23092004 | Trường THCS Lâm Thao           | Phú Thọ            |         |
| 7   | 7   | MHN.07.380 | Phan Huy      | Quang | 03012004 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu   | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.381 | Trương Tiến   | Quốc  | 20122004 | Trường THCS Đông Ngạc          | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.382 | Mương Vinh    | Quý   | 13042004 | Trường THCS Lê Lợi             | Hà Giang           |         |
| 10  | 7   | MHN.07.383 | Nguyễn Tuấn   | Quyền | 30122004 | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 7   | MHN.07.384 | Phạm Diễm     | Quỳnh | 14112004 | Trường THCS Đông Ngạc          | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.385 | Đoàn Kim      | Sơn   | 23082004 | Trường THCS Đông Ngạc          | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.386 | Nguyễn Bảo    | Sơn   | 20122004 | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.387 | Trịnh Huynh   | Sơn   | 23082004 | Trường THCS Dịch Vọng          | Hà Nội             |         |
| 15  | 7   | MHN.07.388 | Nguyễn Khánh  | Tâm   | 05122004 | Trường THCS Nhân Chính         | Hà Nội             |         |
| 16  | 7   | MHN.07.389 | Hoàng Đức     | Tấn   | 03032004 | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 7   | MHN.07.390 | Đỗ Minh       | Thái  | 22012004 | Trường THCS Tam Đảo            | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 7   | MHN.07.391 | Nguyễn Nhật   | Thái  | 09072004 | Trường THCS Trần Quốc Toản     | Quảng Ninh         |         |
| 19  | 7   | MHN.07.392 | Hoàng Mạnh    | Thắng | 07012004 | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 7   | MHN.07.393 | Tạ Đức        | Thắng | 18102004 | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 7   | MHN.07.394 | Hoàng Chí     | Thanh | 05082004 | Trường THCS Hùng Vương         | Phú Thọ            |         |
| 22  | 7   | MHN.07.395 | Đào Huy       | Thành | 17092004 | Trường THCS Bê Tông            | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.396 | Đinh Xuân Hữu | Thành | 07102004 | Trường THCS Nghĩa Tân          | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.397 | Đỗ Đức        | Thành | 08102004 | Trường THCS Giảng Võ           | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.398 | Trần Trung    | Thành | 28052004 | Trường THCS Vĩnh Tường         | Vĩnh Phúc          |         |
| 26  | 7   | MHN.07.399 | Vũ Công       | Thành | 07032004 | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.400 | Phùng Thu     | Thảo  | 15042004 | Trường THCS Cầu Giấy           | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.401 | Đoàn Quốc     | Thịnh | 10012004 | Trường THCS Phương Mai         | Hà Nội             |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|--------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.402 | Phạm Tiến      | Thọ    | 01022004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 2   | 7   | MHN.07.403 | Đào Huyền      | Thu    | 26092004 | Trường THCS Hùng Vương                | Hà Nội             |         |
| 3   | 7   | MHN.07.404 | Nguyễn Văn     | Thức   | 25032004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 7   | MHN.07.405 | Nguyễn Việt    | Tiến   | 23052004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 5   | 7   | MHN.07.406 | Lê Đức         | Toàn   | 21072004 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 7   | MHN.07.407 | Lương Khánh    | Toàn   | 12092004 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 7   | 7   | MHN.07.408 | Nguyễn Đức     | Toàn   | 31082004 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang           |         |
| 8   | 7   | MHN.07.409 | Phạm Cảnh      | Toàn   | 04112004 | Trường THCS&THPT Nguyễn Siêu          | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.410 | Nguyễn Hà      | Trang  | 30122004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.411 | Nguyễn Mai     | Trang  | 06052004 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 7   | MHN.07.412 | Vũ Huyền       | Trang  | 22072004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 12  | 7   | MHN.07.413 | Nguyễn Minh    | Triết  | 25012004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.414 | Bùi Bá         | Trọng  | 24012004 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 14  | 7   | MHN.07.415 | Nguyễn Đạt     | Trọng  | 03012004 | Trường THCS Trần Quốc Toản            | Quảng Ninh         |         |
| 15  | 7   | MHN.07.416 | Nguyễn Bảo     | Trúc   | 14072004 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 7   | MHN.07.417 | Lê Việt        | Trung  | 17072004 | Trường THCS Đại Kim                   | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.418 | Nguyễn Văn Anh | Trung  | 03022004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 18  | 7   | MHN.07.419 | Phạm Đức       | Trung  | 24122004 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 19  | 7   | MHN.07.420 | Phạm Thành     | Trung  | 06092004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.421 | Phan Đình      | Trung  | 08072004 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 21  | 7   | MHN.07.422 | Trần Quốc      | Trung  | 09102004 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 22  | 7   | MHN.07.423 | Chu Hữu Đăng   | Trường | 14122004 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.424 | Dương Anh      | Tú     | 22082004 | Trường THCS Tân Định                  | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.425 | Phạm Minh      | Tú     | 09122004 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 25  | 7   | MHN.07.426 | Trần Anh       | Tú     | 07022004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 26  | 7   | MHN.07.427 | Trần Minh      | Tú     | 06052004 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.428 | Vũ Hoàng       | Tú     | 11112004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.429 | Đặng Thái      | Tuấn   | 14042004 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |      | Năm sinh | Trường                                 | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|------|----------|----------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 7   | MHN.07.430 | Hứa Minh           | Tuấn | 10012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam  | Hà Nội             |         |
| 2   | 7   | MHN.07.431 | Lê Anh             | Tuấn | 12052004 | Trường THCS Lý Tự Trọng                | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 7   | MHN.07.432 | Lê Anh             | Tuấn | 03102004 | Trường THCS Lý Tự Trọng                | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 7   | MHN.07.433 | Ninh Duy           | Tuấn | 31032004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                 | Nam Định           |         |
| 5   | 7   | MHN.07.434 | Đặng Thanh         | Tùng | 13122004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam  | Hà Nội             |         |
| 6   | 7   | MHN.07.435 | Đào Danh           | Tùng | 16052004 | Trường THCS Lê Quý Đôn                 | Hà Nội             |         |
| 7   | 7   | MHN.07.436 | Hoàng Xuân         | Tùng | 07012004 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam  | Hà Nội             |         |
| 8   | 7   | MHN.07.437 | Ngô Quang          | Tùng | 03012004 | Trường THCS Giảng Võ                   | Hà Nội             |         |
| 9   | 7   | MHN.07.438 | Nguyễn Hoàng       | Tùng | 01022004 | Trường THCS Trưng Vương                | Hà Nội             |         |
| 10  | 7   | MHN.07.439 | Nguyễn Quang       | Tùng | 03122004 | Trường THCS Phúc Yên                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 7   | MHN.07.440 | Nguyễn Thanh       | Tùng | 31012004 | Trường THCS Nghĩa Tân                  | Hà Nội             |         |
| 12  | 7   | MHN.07.441 | Nguyễn Thanh       | Tùng | 11012004 | Trường THCS Thanh Liệt                 | Hà Nội             |         |
| 13  | 7   | MHN.07.442 | Phạm Song          | Tùng | 29062004 | Trường THCS Chu Văn An                 | Hà Nội             |         |
| 14  | 7   | MHN.07.443 | Phan Thanh         | Tùng | 26012004 | Trường THCS Giấy Phong Châu            | Phú Thọ            |         |
| 15  | 7   | MHN.07.444 | Nguyễn Lê Thảo     | Uyên | 09022004 | Trường THCS Giấy Phong Châu            | Phú Thọ            |         |
| 16  | 7   | MHN.07.445 | Trần Thị Thanh     | Vân  | 22072004 | Trường THCS Trưng Vương                | Hà Nội             |         |
| 17  | 7   | MHN.07.446 | Bùi Lê Đình        | Văn  | 17032004 | Trường THCS Giấy Phong Châu            | Phú Thọ            |         |
| 18  | 7   | MHN.07.447 | Hoàng Quốc         | Việt | 05092004 | Trường THCS Yên Lạc                    | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 7   | MHN.07.448 | Lê Xuân            | Việt | 06022004 | Trường THCS Thanh Trì                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 7   | MHN.07.449 | Đặng Thành         | Vinh | 26102004 | Trường THCS Lê Lợi                     | Hà Giang           |         |
| 21  | 7   | MHN.07.450 | Hoàng Công         | Vinh | 05022004 | Trường THCS Văn Lang                   | Phú Thọ            |         |
| 22  | 7   | MHN.07.451 | Nguyễn Phú         | Vinh | 28032004 | Trường THCS Cầu Giấy                   | Hà Nội             |         |
| 23  | 7   | MHN.07.452 | Phạm Ngọc Thành    | Vinh | 21062004 | Trường THCS Nguyễn Siêu                | Hà Nội             |         |
| 24  | 7   | MHN.07.453 | Trần Quang         | Vinh | 24112004 | Trường THCS Văn Lang                   | Phú Thọ            |         |
| 25  | 7   | MHN.07.454 | Võ Thành           | Vinh | 01052004 | Trường THCS Ái Mộ                      | Hà Nội             |         |
| 26  | 7   | MHN.07.455 | Lê Đức Anh         | Vũ   | 01072004 | Trường THCS Cầu Giấy                   | Hà Nội             |         |
| 27  | 7   | MHN.07.456 | Ninh Đỗ Hải        | Vũ   | 24012004 | Trường THCS Giảng Võ                   | Hà Nội             |         |
| 28  | 7   | MHN.07.457 | Trần Hoàng         | Vũ   | 07022004 | Trường Phổ thông Đoàn Thị Điểm Ecopark | Hưng Yên           |         |
| 29  | 7   | MHN.07.458 | Đỗ Phúc            | Xuân | 03102004 | Trường THCS Văn Lang                   | Phú Thọ            |         |
| 30  | 7   | MHN.07.459 | Đoàn Ngọc          | Xuân | 23012004 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh             | Hưng Yên           |         |
| 31  | 8   | MHN.08.001 | Nguyễn Hữu         | An   | 04062003 | Trường THCS Văn Lang                   | Phú Thọ            |         |
| 32  | 8   | MHN.08.002 | Nguyễn Trần Nguyên | An   | 14012003 | Trường THCS Đồng Đa                    | Hà Nội             |         |
| 33  | 8   | MHN.08.003 | Nguyễn Trường      | An   | 13122003 | Trường THCS Văn Lang                   | Phú Thọ            |         |
| 34  | 8   | MHN.08.004 | Phan Hữu           | An   | 20072003 | Trường THCS. Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 35  | 8   | MHN.08.005 | Tạ Quang Hoàng     | An   | 21062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                 | Hà Nội             |         |
| 36  | 8   | MHN.08.006 | Trần Xuân          | An   | 20072002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                 | Hà Nội             |         |
| 37  | 8   | MHN.08.007 | Bùi Việt           | Anh  | 09042003 | Trường THCS Bê Tông                    | Hà Nội             |         |
| 38  | 8   | MHN.08.008 | Chu Vũ Nguyên      | Anh  | 07042003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh             | Hưng Yên           |         |
| 39  | 8   | MHN.08.009 | Đàm Tuấn           | Anh  | 09072003 | Trường THCS Yên Thường                 | Hà Nội             |         |
| 40  | 8   | MHN.08.010 | Đoàn Hồng Ngọc     | Anh  | 08012003 | Trường THCS Giấy Phong Châu            | Phú Thọ            |         |
| 41  | 8   | MHN.08.011 | Đoàn Phùng Lâm     | Anh  | 05102003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh             | Nam Định           |         |
| 42  | 8   | MHN.08.012 | Hạ Quang           | Anh  | 23032003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |      | Năm sinh | Trường                         | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|------|----------|--------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.013 | Lê Đức          | Anh  | 11012003 | Trường THCS Ngọc Hà            | Hà Giang           |         |
| 2   | 8   | MHN.08.014 | Lê Minh Việt    | Anh  | 14042003 | Trường THCS Vĩnh Yên           | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 8   | MHN.08.015 | Lê Phụng        | Anh  | 28102003 | Trường THCS Lê Quý Đôn         | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.016 | Lê Quang        | Anh  | 25052003 | Trường THCS Trưng Nhị          | Hà Nội             |         |
| 5   | 8   | MHN.08.017 | Lê Trần Duy     | Anh  | 26092003 | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.018 | Nguyễn Đài      | Anh  | 18102003 | Trường THCS Vĩnh Yên           | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 8   | MHN.08.019 | Nguyễn Mai      | Anh  | 16072003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh     | Nam Định           |         |
| 8   | 8   | MHN.08.020 | Nguyễn Quang    | Anh  | 20032003 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ   | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.021 | Nguyễn Tuấn     | Anh  | 03012003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên        | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.022 | Phạm Bảo        | Anh  | 01032003 | Trường THCS Xuân La            | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.023 | Phạm Hoàng Châu | Anh  | 19042003 | Trường THCS Lê Quý Đôn         | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.024 | Phạm Phương     | Anh  | 13082003 | Trường THCS Đồng Đa            | Hà Nội             |         |
| 13  | 8   | MHN.08.025 | Phạm Phương     | Anh  | 06022003 | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 8   | MHN.08.026 | Phan Công       | Anh  | 06112003 | Trường THCS Lê Văn Thiêm       | Hà Tĩnh            |         |
| 15  | 8   | MHN.08.027 | Phan Minh       | Anh  | 23032003 | Trường THCS Xuân Hòa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 8   | MHN.08.028 | Phan Thế        | Anh  | 29112003 | Trường THCS Dịch Vọng          | Hà Nội             |         |
| 17  | 8   | MHN.08.029 | Trần Văn        | Anh  | 29122003 | Trường THCS Nam Từ Liêm        | Hà Nội             |         |
| 18  | 8   | MHN.08.030 | Vũ Hải          | Anh  | 12012003 | Trường THCS Yên Thường         | Hà Nội             |         |
| 19  | 8   | MHN.08.031 | Vũ Lan          | Anh  | 04052003 | Trường THCS Xuân La            | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.032 | Vũ Phan         | Anh  | 28012003 | Trường THCS Dịch Vọng          | Hà Nội             |         |
| 21  | 8   | MHN.08.033 | Vũ Tuấn         | Anh  | 15012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh     | Nam Định           |         |
| 22  | 8   | MHN.08.034 | Nguyễn Thị Ngọc | Ảnh  | 14112003 | Trường THCS Đa Tốn             | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.035 | Phạm Trần Minh  | Ảnh  | 01112003 | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |
| 24  | 8   | MHN.08.036 | Đoàn Duy        | Bách | 24032003 | Trường THCS Độc Lập            | Thái Nguyên        |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.037 | Ngô Lê          | Bách  | 18042003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 2   | 8   | MHN.08.038 | Bùi Trường Quốc | Bảo   | 21112003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hải Dương          |         |
| 3   | 8   | MHN.08.039 | Hoàng Quốc      | Bảo   | 26122003 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.040 | Trần Gia        | Bảo   | 03092003 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định           |         |
| 5   | 8   | MHN.08.041 | Nguyễn Lê       | Bình  | 03022003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.042 | Phạm Thanh      | Bình  | 02092003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 7   | 8   | MHN.08.043 | Đoàn Minh       | Châu  | 24092003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 8   | MHN.08.044 | Trần Hà         | Châu  | 17122003 | Trường THCS Khương Mai                | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.045 | Vũ Hà Minh      | Châu  | 28022003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.046 | Đào Ngọc Linh   | Chi   | 02092003 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 8   | MHN.08.047 | Nguyễn Mai      | Chi   | 06062003 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.048 | Nguyễn Quỳnh    | Chi   | 16122003 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 13  | 8   | MHN.08.049 | Nguyễn Duy      | Chiến | 22052003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 14  | 8   | MHN.08.050 | Nguyễn Anh      | Chính | 19112003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 15  | 8   | MHN.08.051 | Võ Đức          | Chính | 22032003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 16  | 8   | MHN.08.052 | Nguyễn Thiên    | Cơ    | 13122003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 8   | MHN.08.053 | Nguyễn          | Công  | 15072003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 18  | 8   | MHN.08.054 | Trần Chí        | Công  | 29122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 19  | 8   | MHN.08.055 | Vũ Bá           | Công  | 23122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.056 | Nguyễn Đình     | Cường | 07102003 | Trường THCS Yên Thường                | Hà Nội             |         |
| 21  | 8   | MHN.08.057 | Phạm Trí        | Cường | 18052003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 22  | 8   | MHN.08.058 | Triệu Phúc      | Cường | 15092003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.059 | Ngô Đình        | Đại   | 31082003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 24  | 8   | MHN.08.060 | Vũ Hải          | Đăng  | 10052003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 25  | 8   | MHN.08.061 | Ngô Quốc        | Đạt   | 08012003 | Trường THCS Đoàn Thị Điểm             | Hà Nội             |         |
| 26  | 8   | MHN.08.062 | Nguyễn Bá Minh  | Đạt   | 26102003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                                  | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|-----------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.063 | Nguyễn Thiện    | Đạt   | 04082003 | Trường Phổ thông dân lập Lương Thế Vinh | Hà Nội             |         |
| 2   | 8   | MHN.08.064 | Nguyễn Hoàng    | Diễm  | 15032003 | Trường THCS Văn Lang                    | Phú Thọ            |         |
| 3   | 8   | MHN.08.065 | Vũ Minh         | Điềm  | 03082003 | Trường THCS Cầu Giấy                    | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.066 | Ninh Thị        | Dịu   | 22072003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Nam Định           |         |
| 5   | 8   | MHN.08.067 | Nguyễn Tiến     | Doanh | 25122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Nam Định           |         |
| 6   | 8   | MHN.08.068 | Trần Lê         | Đông  | 19102003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Hà Nội             |         |
| 7   | 8   | MHN.08.069 | Dương Minh      | Đức   | 10062003 | Trường THCS Bê Tông                     | Hà Nội             |         |
| 8   | 8   | MHN.08.070 | Lương Trần Việt | Đức   | 05012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh              | Nam Định           |         |
| 9   | 8   | MHN.08.071 | Nguyễn Mạnh     | Đức   | 26112003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.072 | Nguyễn Minh     | Đức   | 30042003 | Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành    | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.073 | Nguyễn Minh     | Đức   | 24032003 | Trường THCS Yên Lạc                     | Vĩnh Phúc          |         |
| 12  | 8   | MHN.08.074 | Nguyễn Trung    | Đức   | 30092003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh              | Hưng Yên           |         |
| 13  | 8   | MHN.08.075 | Phạm Minh       | Đức   | 25082003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh              | Nam Định           |         |
| 14  | 8   | MHN.08.076 | Trịnh Việt      | Đức   | 20072003 | Trường THCS Giấy Phong Châu             | Phú Thọ            |         |
| 15  | 8   | MHN.08.077 | Vũ Minh         | Đức   | 28092003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh              | Nam Định           |         |
| 16  | 8   | MHN.08.078 | Lê Hoàng Thùy   | Dung  | 26102003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Nam Định           |         |
| 17  | 8   | MHN.08.079 | Đặng Tiến       | Dũng  | 14062003 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng           | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 8   | MHN.08.080 | Ngô Tuấn        | Dũng  | 21062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 8   | MHN.08.081 | Nguyễn Tiến     | Dũng  | 14092003 | Trường THCS Giảng Võ                    | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.082 | Vũ Văn          | Dũng  | 26102003 | Trường THCS Lý Tự Trọng                 | Hà Giang           |         |
| 21  | 8   | MHN.08.083 | Cần Thái        | Dương | 26022003 | Trường THCS Bê Tông                     | Hà Nội             |         |
| 22  | 8   | MHN.08.084 | Đinh Thái       | Dương | 17112003 | Trường THCS Dịch Vọng                   | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.085 | Lã Triều        | Dương | 06032003 | Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam     | Hà Nội             |         |
| 24  | 8   | MHN.08.086 | Nguyễn Đức      | Dương | 17052003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh              | Nam Định           |         |
| 25  | 8   | MHN.08.087 | Nguyễn Hoàng    | Dương | 28032003 | Trường THCS Giảng Võ                    | Hà Nội             |         |
| 26  | 8   | MHN.08.088 | Nguyễn Hoàng    | Dương | 20092003 | Trường THCS Trưng Vương                 | Hà Nội             |         |
| 27  | 8   | MHN.08.089 | Nguyễn Lê Tùng  | Dương | 17022003 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ            | Hà Nội             |         |
| 28  | 8   | MHN.08.090 | Trần Thùy       | Dương | 09122003 | Trường THPT Lương Thế Vinh              | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                               | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|--------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.091 | Phạm Hải         | Đường | 24032003 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng        | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 8   | MHN.08.092 | Nguyễn Đức       | Duy   | 08112003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh           | Nam Định           |         |
| 3   | 8   | MHN.08.093 | Nguyễn Khánh     | Duy   | 25112003 | Trường THCS Từ Sơn                   | Bắc Ninh           |         |
| 4   | 8   | MHN.08.094 | Nguyễn Phương    | Duy   | 27092003 | Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành | Hà Nội             |         |
| 5   | 8   | MHN.08.095 | Nguyễn Trần Tiến | Duy   | 12072003 | Trường THCS Yên Thường               | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.096 | Nguyễn Văn       | Duy   | 18112003 | Trường THCS Văn Lang                 | Phú Thọ            |         |
| 7   | 8   | MHN.08.097 | Quản Tuấn        | Duy   | 26042003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh           | Hưng Yên           |         |
| 8   | 8   | MHN.08.098 | Trần Cao Kỳ      | Duyên | 29012003 | Trường THCS Lâm Thao                 | Phú Thọ            |         |
| 9   | 8   | MHN.08.099 | Bùi Hương        | Giang | 23012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn               | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.100 | Hồ Thu           | Giang | 25012003 | Trường THCS Cầu Giấy                 | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.101 | Lại Lương Hiền   | Giang | 19062003 | Trường THCS Trưng Nhị                | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.102 | Nguyễn Hương     | Giang | 08052003 | Trường THCS Hùng Vương               | Phú Thọ            |         |
| 13  | 8   | MHN.08.103 | Đỗ Thị Mỹ        | Hà    | 21072003 | Trường THCS Hợp Thịnh                | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 8   | MHN.08.104 | Hồ Thanh         | Hà    | 09042003 | Trường THCS Trưng Nhị                | Hà Nội             |         |
| 15  | 8   | MHN.08.105 | Nguyễn Minh      | Hà    | 03042003 | Trường THCS Bê Tông                  | Hà Nội             |         |
| 16  | 8   | MHN.08.106 | Nguyễn Thanh     | Hà    | 13012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn               | Hải Dương          |         |
| 17  | 8   | MHN.08.107 | Nguyễn Thị Hoàng | Hà    | 25092003 | Trường THCS Yên Lạc                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 8   | MHN.08.108 | Nguyễn Thu       | Hà    | 01082003 | Trường THCS Từ Sơn                   | Bắc Ninh           |         |
| 19  | 8   | MHN.08.109 | Phạm Ngọc        | Hà    | 25012003 | Trường THCS Bê Tông                  | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.110 | Tổng Thu         | Hà    | 19012003 | Trường THCS Lâm Thao                 | Phú Thọ            |         |
| 21  | 8   | MHN.08.111 | Võ Lê Thu        | Hà    | 12082003 | Trường THCS Từ Sơn                   | Bắc Ninh           |         |
| 22  | 8   | MHN.08.112 | Bùi Đức          | Hải   | 07062003 | Trường THCS Trung Hòa                | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.113 | Cao Nguyễn Hoàng | Hải   | 22122003 | Trường THCS Cầu Giấy                 | Hà Nội             |         |
| 24  | 8   | MHN.08.114 | Dương Hoàng      | Hải   | 03012003 | Trường THCS Sông Lô                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 25  | 8   | MHN.08.115 | Lê Huy           | Hải   | 05032003 | Trường THCS Xuân La                  | Hà Nội             |         |
| 26  | 8   | MHN.08.116 | Ngô Thanh        | Hải   | 06122003 | Trường THCS Xuân La                  | Hà Nội             |         |
| 27  | 8   | MHN.08.117 | Nguyễn Thanh     | Hải   | 16012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh           | Nam Định           |         |
| 28  | 8   | MHN.08.118 | Phạm Việt        | Hải   | 11112003 | Trường THCS Giảng Võ                 | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.119 | Tạ Hoàng         | Hải   | 01122003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 2   | 8   | MHN.08.120 | Vũ Việt          | Hải   | 24022003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 3   | 8   | MHN.08.121 | Nghiêm Thị Ngọc  | Hân   | 07042003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội          |         |
| 4   | 8   | MHN.08.122 | Trần Thị Thúy    | Hằng  | 01102003 | Trường THCS Tam Đảo                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 5   | 8   | MHN.08.123 | Đinh Đức         | Hậu   | 05092003 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc       |         |
| 6   | 8   | MHN.08.124 | Nguyễn Đức       | Hậu   | 23042003 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ         |         |
| 7   | 8   | MHN.08.125 | Đặng Thu         | Hiền  | 11102003 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội          |         |
| 8   | 8   | MHN.08.126 | Hoàng Thúy       | Hiền  | 09102003 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc       |         |
| 9   | 8   | MHN.08.127 | Hồ Tùng          | Hiệp  | 16072003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội          |         |
| 10  | 8   | MHN.08.128 | Nguyễn Trọng     | Hiệp  | 05072003 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 11  | 8   | MHN.08.129 | Lê Trung         | Hiếu  | 05022003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 12  | 8   | MHN.08.130 | Lê Đức           | Hiếu  | 11052003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 13  | 8   | MHN.08.131 | Nguyễn Công      | Hiếu  | 28012003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 14  | 8   | MHN.08.132 | Nguyễn Minh      | Hiếu  | 15012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 15  | 8   | MHN.08.133 | Nguyễn Trọng     | Hiếu  | 22042003 | Trường THCS Tây Sơn                   | Hà Nội          |         |
| 16  | 8   | MHN.08.134 | Nguyễn Trung     | Hiếu  | 20012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 17  | 8   | MHN.08.135 | Tạ Văn           | Hiếu  | 04032003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 18  | 8   | MHN.08.136 | Trần Ngọc        | Hiếu  | 11112003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 19  | 8   | MHN.08.137 | Nguyễn Đức       | Hoàn  | 27062003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 20  | 8   | MHN.08.138 | Lê Minh          | Hoàng | 20012003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 21  | 8   | MHN.08.139 | Ngô Quang Minh   | Hoàng | 23012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 22  | 8   | MHN.08.140 | Phạm Huy         | Hoàng | 07112003 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ         |         |
| 23  | 8   | MHN.08.141 | Phạm Việt        | Hoàng | 10022003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 24  | 8   | MHN.08.142 | Đinh Việt        | Hùng  | 05042003 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Nội          |         |
| 25  | 8   | MHN.08.143 | Nguyễn Kim Việt  | Hùng  | 27062003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 26  | 8   | MHN.08.144 | Nguyễn Tiến      | Hùng  | 21092003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 27  | 8   | MHN.08.145 | Trần Đức         | Hùng  | 03022003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội          |         |
| 28  | 8   | MHN.08.146 | Lê Trần Công     | Hung  | 08092003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 29  | 8   | MHN.08.147 | Phạm Quý         | Hung  | 25082003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 30  | 8   | MHN.08.148 | Trần Duy         | Hung  | 22112003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 31  | 8   | MHN.08.149 | Vũ Duy           | Hung  | 08092003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hung Yên        |         |
| 32  | 8   | MHN.08.150 | Đàm Thị Minh     | Hương | 02012003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 33  | 8   | MHN.08.151 | Nguyễn Thu       | Hương | 30042003 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc       |         |
| 34  | 8   | MHN.08.152 | Nguyễn Thu       | Hương | 31082003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định        |         |
| 35  | 8   | MHN.08.153 | Nguyễn Thu       | Hương | 25122003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 36  | 8   | MHN.08.154 | Nguyễn Văn       | Hương | 25032003 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc       |         |
| 37  | 8   | MHN.08.155 | Đặng Quang       | Huy   | 11102003 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội          |         |
| 38  | 8   | MHN.08.156 | Đặng Quang       | Huy   | 27072003 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc       |         |
| 39  | 8   | MHN.08.157 | Đỗ Hoàng Gia     | Huy   | 31072003 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội          |         |
| 40  | 8   | MHN.08.158 | Đỗ Quốc          | Huy   | 20122002 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang        |         |
| 41  | 8   | MHN.08.159 | Dương Văn        | Huy   | 15092003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 42  | 8   | MHN.08.160 | Nguyễn Ngọc      | Huy   | 20092003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 43  | 8   | MHN.08.161 | Nguyễn Quang     | Huy   | 02072003 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 44  | 8   | MHN.08.162 | Nguyễn Quang     | Huy   | 29072003 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội          |         |
| 45  | 8   | MHN.08.163 | Nguyễn Quang     | Huy   | 31102003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 46  | 8   | MHN.08.164 | Nguyễn Vũ Dương  | Huy   | 07012003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 47  | 8   | MHN.08.165 | Nguyễn Xuân      | Huy   | 23092003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 48  | 8   | MHN.08.166 | Trần Minh        | Huy   | 14022003 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc       |         |
| 49  | 8   | MHN.08.167 | Trần Quang       | Huy   | 26022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 50  | 8   | MHN.08.168 | Vũ Quang         | Huy   | 26102003 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Giang        |         |
| 51  | 8   | MHN.08.169 | Nguyễn Khánh     | Huyền | 12102003 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Nội          |         |
| 52  | 8   | MHN.08.170 | Nguyễn Thị Khánh | Huyền | 15122003 | Trường THCS Ngô Sĩ Liên               | Hà Nội          |         |
| 53  | 8   | MHN.08.171 | Hoàng            | Khải  | 09122003 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ         |         |
| 54  | 8   | MHN.08.172 | Lê Đăng          | Khải  | 26032003 | Trường THCS Đống Đa                   | Hà Nội          |         |
| 55  | 8   | MHN.08.173 | Lê Quang         | Khải  | 03112003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 56  | 8   | MHN.08.174 | Nguyễn Kim       | Khải  | 18052003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 57  | 8   | MHN.08.175 | Trần Quốc        | Khải  | 09122003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 58  | 8   | MHN.08.176 | Vũ Đỗ Đức        | Khải  | 11012003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội          |         |
| 59  | 8   | MHN.08.177 | Nguyễn Đăng Nam  | Khánh | 10112003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 60  | 8   | MHN.08.178 | Nguyễn Hữu       | Khánh | 27012003 | Trường PTCS Ngô Sĩ Liên               | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|-------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.179 | Nguyễn Nam         | Khánh | 24082003 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội          |         |
| 2   | 8   | MHN.08.180 | Nguyễn Thị Hồng    | Khánh | 02042003 | Trường THCS Đông Ngạc                 | Hà Nội          |         |
| 3   | 8   | MHN.08.181 | Phạm Gia           | Khánh | 10022003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội          |         |
| 4   | 8   | MHN.08.182 | Phạm Gia           | Khánh | 24032003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 5   | 8   | MHN.08.183 | Trần Duy           | Khánh | 26022003 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định        |         |
| 6   | 8   | MHN.08.184 | Vũ Bình            | Khánh | 11092003 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định        |         |
| 7   | 8   | MHN.08.185 | Vũ Nhân            | Khánh | 30102003 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội          |         |
| 8   | 8   | MHN.08.186 | Vũ Gia             | Khiêm | 09052003 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định        |         |
| 9   | 8   | MHN.08.187 | Nguyễn Đăng        | Khoa  | 17112003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 10  | 8   | MHN.08.188 | Nguyễn Đăng        | Khoa  | 08112003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 11  | 8   | MHN.08.189 | Phạm Đăng          | Khoa  | 06072003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 12  | 8   | MHN.08.190 | Đặng Ngọc          | Khôi  | 19012003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 13  | 8   | MHN.08.191 | Mai Minh           | Khôi  | 08112003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định        |         |
| 14  | 8   | MHN.08.192 | Phạm Đăng          | Khuê  | 09042003 | Trường THCS Phùng Chí Kiên            | Nam Định        |         |
| 15  | 8   | MHN.08.193 | Đặng Trung         | Kiên  | 19112003 | Trường THCS Yên Biên                  | Hà Giang        |         |
| 16  | 8   | MHN.08.194 | Ngô Minh           | Kiên  | 30012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 17  | 8   | MHN.08.195 | Nguyễn Minh        | Kiên  | 14082003 | Trường THCS Nghĩa Tân                 | Hà Nội          |         |
| 18  | 8   | MHN.08.196 | Nguyễn Trung       | Kiên  | 24062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 19  | 8   | MHN.08.197 | Nguyễn Tuấn        | Kiệt  | 08042003 | Trường THCS Ngô Sĩ Liên               | Hà Nội          |         |
| 20  | 8   | MHN.08.198 | Cao Hải            | Lâm   | 24112003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 21  | 8   | MHN.08.199 | Đinh Vũ Tùng       | Lâm   | 12012003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 22  | 8   | MHN.08.200 | Hà Tùng            | Lâm   | 30112003 | Trường THCS Yên Thường                | Hà Nội          |         |
| 23  | 8   | MHN.08.201 | Hoàng Bảo          | Lâm   | 06072003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 24  | 8   | MHN.08.202 | Lã Quế             | Lâm   | 17072003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 25  | 8   | MHN.08.203 | Lê Quốc            | Lâm   | 31082003 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 26  | 8   | MHN.08.204 | Nguyễn Khắc Trường | Lâm   | 31102003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 27  | 8   | MHN.08.205 | Nguyễn Tiến        | Lâm   | 31052003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 28  | 8   | MHN.08.206 | Nguyễn Tùng        | Lâm   | 29042003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 29  | 8   | MHN.08.207 | Tạ Tùng            | Lâm   | 06122003 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc       |         |
| 30  | 8   | MHN.08.208 | Trần Thanh         | Lâm   | 09062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 31  | 8   | MHN.08.209 | Trần Việt          | Lâm   | 03032003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 32  | 8   | MHN.08.210 | Nguyễn Việt        | Lâm   | 20022003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 33  | 8   | MHN.08.211 | Lê Thị Phương      | Lan   | 09012003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ         |         |
| 34  | 8   | MHN.08.212 | Bùi Viết           | Lăng  | 29062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định        |         |
| 35  | 8   | MHN.08.213 | Bùi Hà             | Linh  | 27112003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 36  | 8   | MHN.08.214 | Bùi Phương         | Linh  | 02122003 | Trường THCS Archimedes Academy        | Hà Nội          |         |
| 37  | 8   | MHN.08.215 | Đỗ Đức             | Linh  | 27102003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên        |         |
| 38  | 8   | MHN.08.216 | Dương Thùy         | Linh  | 07102003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 39  | 8   | MHN.08.217 | Nguyễn Hữu Tuấn    | Linh  | 30052003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 40  | 8   | MHN.08.218 | Nguyễn Mai         | Linh  | 11062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 41  | 8   | MHN.08.219 | Nguyễn Mai         | Linh  | 29102003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 42  | 8   | MHN.08.220 | Nguyễn Nhật        | Linh  | 14122003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội          |         |
| 43  | 8   | MHN.08.221 | Nguyễn Phan Nhật   | Linh  | 28032003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 44  | 8   | MHN.08.222 | Nguyễn Thị Thảo    | Linh  | 19012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |
| 45  | 8   | MHN.08.223 | Nguyễn Thị Thuý    | Linh  | 21082003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 46  | 8   | MHN.08.224 | Phùng Ngọc         | Linh  | 21092003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định        |         |
| 47  | 8   | MHN.08.225 | Vũ Phương          | Linh  | 08012003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 48  | 8   | MHN.08.226 | Chu Đức            | Long  | 31072003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 49  | 8   | MHN.08.227 | Lê Lục             | Long  | 21112003 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang        |         |
| 50  | 8   | MHN.08.228 | Ngô Quang          | Long  | 04092003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội          |         |
| 51  | 8   | MHN.08.229 | Nguyễn Chí         | Long  | 11082003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 52  | 8   | MHN.08.230 | Nguyễn Hoàng       | Long  | 13102003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội          |         |
| 53  | 8   | MHN.08.231 | Nguyễn Khắc Hải    | Long  | 18112003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 54  | 8   | MHN.08.232 | Phạm Quý           | Long  | 15042003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 55  | 8   | MHN.08.233 | Vũ Như             | Long  | 31032003 | Trường THCS Nguyễn Huệ                | Hà Nội          |         |
| 56  | 8   | MHN.08.234 | Nguyễn Thị Khánh   | Ly    | 18022003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 57  | 8   | MHN.08.235 | Nguyễn Quỳnh       | Mai   | 12012003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 58  | 8   | MHN.08.236 | Nguyễn Thị Ngọc    | Mai   | 02022003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 59  | 8   | MHN.08.237 | Phan Thị Phương    | Mai   | 13082003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 60  | 8   | MHN.08.238 | Trần Phương        | Mai   | 28022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội          |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.239 | Trần Duy         | Mẫn   | 19052003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 2   | 8   | MHN.08.240 | Bùi Tiến         | Mạnh  | 02012003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 3   | 8   | MHN.08.241 | Đinh Đức         | Mạnh  | 09022003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 4   | 8   | MHN.08.242 | Đỗ Quang         | Mạnh  | 07052003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 5   | 8   | MHN.08.243 | Bùi Tuấn         | Minh  | 22112003 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.244 | Chu Bảo          | Minh  | 19042003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 7   | 8   | MHN.08.245 | Đỗ Đức           | Minh  | 02012003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 8   | 8   | MHN.08.246 | Dương Quang      | Minh  | 09112003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.247 | Lê Nhật          | Minh  | 17102003 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.248 | Lê Như Lan       | Minh  | 211/2003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.249 | Lương Đình       | Minh  | 21062003 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 12  | 8   | MHN.08.250 | Nguyễn Anh       | Minh  | 31102003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 13  | 8   | MHN.08.251 | Nguyễn Dịch Nhật | Minh  | 14082003 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 14  | 8   | MHN.08.252 | Nguyễn Đức       | Minh  | 12122003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 15  | 8   | MHN.08.253 | Nguyễn Hoàng     | Minh  | 19092003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 16  | 8   | MHN.08.254 | Nguyễn Hữu Bình  | Minh  | 03042003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 8   | MHN.08.255 | Nguyễn Quang     | Minh  | 22012003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 18  | 8   | MHN.08.256 | Nguyễn Quý       | Minh  | 26022003 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 19  | 8   | MHN.08.257 | Nguyễn Tuấn      | Minh  | 13082003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.258 | Phạm Anh         | Minh  | 19012003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 8   | MHN.08.259 | Phạm Thế Bình    | Minh  | 28042003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 22  | 8   | MHN.08.260 | Tạ Cao           | Minh  | 08012003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.261 | Tạ Đức           | Minh  | 21022003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 24  | 8   | MHN.08.262 | Triệu Thị Ngọc   | Minh  | 04082003 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 25  | 8   | MHN.08.263 | Trịnh Quang      | Minh  | 04022003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 26  | 8   | MHN.08.264 | Trương Quang     | Minh  | 27062003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 27  | 8   | MHN.08.265 | Vũ Nhật          | Minh  | 14032003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 28  | 8   | MHN.08.266 | Vũ Trung         | Minh  | 11082003 | Trường THDL Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 29  | 8   | MHN.08.267 | Phan Nguyễn Trà  | My    | 07022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 30  | 8   | MHN.08.268 | Bùi Phương       | Nam   | 01022003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 31  | 8   | MHN.08.269 | Đặng Phương      | Nam   | 12032003 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 32  | 8   | MHN.08.270 | Đỗ Hoàng         | Nam   | 08102003 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 33  | 8   | MHN.08.271 | Đỗ Nguyễn Hải    | Nam   | 28122003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 34  | 8   | MHN.08.272 | Dương Hồng       | Nam   | 20032003 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 35  | 8   | MHN.08.273 | Ngô Hoàng        | Nam   | 01022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 36  | 8   | MHN.08.274 | Nguyễn Đình      | Nam   | 22072003 | Trường THCS Ngô Sĩ Liên               | Hà Nội             |         |
| 37  | 8   | MHN.08.275 | Nguyễn Gia       | Nam   | 12092003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 38  | 8   | MHN.08.276 | Nguyễn Hải       | Nam   | 12032003 | Trường THCS Giấy Phong Châu           | Phú Thọ            |         |
| 39  | 8   | MHN.08.277 | Nguyễn Hải       | Nam   | 27112003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 40  | 8   | MHN.08.278 | Nguyễn Văn       | Nam   | 06022003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 41  | 8   | MHN.08.279 | Trần Hoàng       | Nam   | 07072003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 42  | 8   | MHN.08.280 | Trần Lê Nhật     | Nam   | 16012003 | Trường THCS Nam Thành Công            | Hà Nội             |         |
| 43  | 8   | MHN.08.281 | Vũ Sơn           | Nam   | 06102003 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc          |         |
| 44  | 8   | MHN.08.282 | Vũ Việt Thành    | Nam   | 11102003 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 45  | 8   | MHN.08.283 | Lê Thị Thanh     | Nga   | 15032003 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 46  | 8   | MHN.08.284 | Bùi Tuấn         | Nghĩa | 07032003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 47  | 8   | MHN.08.285 | Đoàn Minh        | Nghĩa | 29092003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 48  | 8   | MHN.08.286 | Lê Trọng         | Nghĩa | 09052003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 49  | 8   | MHN.08.287 | Lê Tuấn          | Nghĩa | 13022003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh            | Hưng Yên           |         |
| 50  | 8   | MHN.08.288 | Ngô Huy          | Nghĩa | 04022003 | Trường PTDL Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 51  | 8   | MHN.08.289 | Nguyễn Đàm Trọng | Nghĩa | 22012003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 52  | 8   | MHN.08.290 | Phạm Đức         | Nghĩa | 17012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 53  | 8   | MHN.08.291 | Trần Hữu         | Nghĩa | 26092003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 54  | 8   | MHN.08.292 | Trần Quang       | Nghĩa | 30042003 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 55  | 8   | MHN.08.293 | Trương Tuấn      | Nghĩa | 12082003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 56  | 8   | MHN.08.294 | Đỗ Thị Thúy      | Ngọc  | 11072003 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 57  | 8   | MHN.08.295 | Nguyễn Thị Bảo   | Ngọc  | 15122003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 58  | 8   | MHN.08.296 | Nguyễn Thị Minh  | Ngọc  | 15042003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hải Dương          |         |
| 59  | 8   | MHN.08.297 | Trần Bảo         | Ngọc  | 08042003 | Trường THCS Xuân La                   | Hà Nội             |         |
| 60  | 8   | MHN.08.298 | Triệu Hồng       | Ngọc  | 14012003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|--------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.299 | Đặng Gia          | Nguyễn | 06102003 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 2   | 8   | MHN.08.300 | Trần Khánh        | Nguyễn | 18052003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 3   | 8   | MHN.08.301 | Bùi Bích          | Nguyệt | 15012003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.302 | Nguyễn Yên        | Nhi    | 28032003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 5   | 8   | MHN.08.303 | Lê Hồng           | Nhung  | 28082003 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 8   | MHN.08.304 | Dương Tấn         | Phong  | 14062003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 7   | 8   | MHN.08.305 | Lê Hải            | Phong  | 16072003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội             |         |
| 8   | 8   | MHN.08.306 | Bùi Huy Linh      | Phúc   | 01032003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.307 | Nguyễn Đình       | Phúc   | 15062003 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.308 | Nguyễn Hữu        | Phúc   | 20112003 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 8   | MHN.08.309 | Mai Tú            | Phương | 09112003 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.310 | Nguyễn Hiền       | Phương | 21092003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 13  | 8   | MHN.08.311 | Phùng Thị Thu     | Phương | 28122003 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 8   | MHN.08.312 | Trần Nhật         | Phương | 22122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 15  | 8   | MHN.08.313 | Vũ Lan            | Phương | 06102003 | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Hà Nội             |         |
| 16  | 8   | MHN.08.314 | Dương Hoàng       | Quân   | 02102003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 17  | 8   | MHN.08.315 | Hoàng Anh         | Quân   | 04012003 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 18  | 8   | MHN.08.316 | Nguyễn Hoàng Minh | Quân   | 08092003 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 8   | MHN.08.317 | Nguyễn Thế Minh   | Quân   | 23092003 | Trường THCS Chu Văn An                | Hà Nội             |         |
| 20  | 8   | MHN.08.318 | Nguyễn Viết Chí   | Quân   | 14122003 | Trường THCS Thành Công                | Hà Nội             |         |
| 21  | 8   | MHN.08.319 | Trần Đình         | Quân   | 23092003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 22  | 8   | MHN.08.320 | Trần Ngọc Anh     | Quân   | 06092003 | Trường THCS Nam Từ Liêm               | Hà Nội             |         |
| 23  | 8   | MHN.08.321 | Dương Đăng        | Quang  | 18022003 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 8   | MHN.08.322 | Dương Duy         | Quang  | 15122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 25  | 8   | MHN.08.323 | Tạ Đăng           | Quang  | 19102003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 26  | 8   | MHN.08.324 | Trần Minh         | Quang  | 21122003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 27  | 8   | MHN.08.325 | Trần Xuân         | Quang  | 02102003 | Trường THCS Yên Thường                | Hà Nội             |         |
| 28  | 8   | MHN.08.326 | Vũ Minh           | Quang  | 05052003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 29  | 8   | MHN.08.327 | Dương Minh        | Quốc   | 10072003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 30  | 8   | MHN.08.328 | Lê Văn            | Quốc   | 28062003 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 31  | 8   | MHN.08.329 | Tạ Xuân           | Quý    | 30032003 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 32  | 8   | MHN.08.330 | Đỗ Vương          | Quyền  | 09072003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hải Dương          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên          |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.331 | Dương Thị          | Quỳnh | 24042003 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 8   | MHN.08.332 | Lương Diễm         | Quỳnh | 30102003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 3   | 8   | MHN.08.333 | Nguyễn Thị Như     | Quỳnh | 08122003 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 4   | 8   | MHN.08.334 | Vũ Diễm            | Quỳnh | 20072003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 5   | 8   | MHN.08.335 | Nguyễn Tất         | Sáng  | 22082003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.336 | Phạm Quang         | Sáng  | 24012003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội             |         |
| 7   | 8   | MHN.08.337 | Chu Hoàng          | Sơn   | 14092003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 8   | 8   | MHN.08.338 | Đình Nguyễn Nhật   | Sơn   | 26012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.339 | Đồng Quang         | Sơn   | 12112003 | Trường THCS Dịch Vọng                 | Hà Nội             |         |
| 10  | 8   | MHN.08.340 | Nguyễn Công        | Sơn   | 14062003 | Trường THCS Bê Tông                   | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.341 | Nguyễn Công Hoàng  | Sơn   | 06102003 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.342 | Nguyễn Hoài        | Sơn   | 25122003 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 13  | 8   | MHN.08.343 | Nguyễn Hoàng Giang | Sơn   | 05032003 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 14  | 8   | MHN.08.344 | Bùi Thị Mỹ         | Tâm   | 06012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 15  | 8   | MHN.08.345 | Đoàn Quang         | Tâm   | 10092003 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 16  | 8   | MHN.08.346 | Nguyễn Đắc         | Tâm   | 30092003 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 17  | 8   | MHN.08.347 | Nguyễn Minh        | Tâm   | 06122003 | Trường THCS Trưng Vương               | Hà Nội             |         |
| 18  | 8   | MHN.08.348 | Đình Văn           | Tân   | 24062003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh            | Nam Định           |         |
| 19  | 8   | MHN.08.349 | Nguyễn Đức         | Tân   | 10092003 | Trường THCS Lâm Thao                  | Phú Thọ            |         |
| 20  | 8   | MHN.08.350 | Nguyễn Danh        | Thái  | 08122003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |       | Năm sinh | Trường                        | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|-------|----------|-------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.351 | Phạm Quốc     | Thái  | 13032003 | Trường THCS Dịch Vọng         | Hà Nội          |         |
| 2   | 8   | MHN.08.352 | Nguyễn Ngọc   | Thăng | 24052003 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng | Vĩnh Phúc       |         |
| 3   | 8   | MHN.08.353 | Đào Tất       | Thắng | 03082003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh    | Hưng Yên        |         |
| 4   | 8   | MHN.08.354 | Nguyễn Duy    | Thắng | 11122003 | Trường THCS Văn Lang          | Phú Thọ         |         |
| 5   | 8   | MHN.08.355 | Nguyễn Hữu    | Thắng | 13092003 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 6   | 8   | MHN.08.356 | Trần Đức      | Thắng | 25052003 | Trường THCS Giấy Phong Châu   | Phú Thọ         |         |
| 7   | 8   | MHN.08.357 | Nguyễn Cao    | Thanh | 01022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 8   | 8   | MHN.08.358 | Nguyễn Tuấn   | Thanh | 21122003 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Hà Nội          |         |
| 9   | 8   | MHN.08.359 | Phạm Minh     | Thanh | 28022003 | Trường THCS Phúc Yên          | Vĩnh Phúc       |         |
| 10  | 8   | MHN.08.360 | Bùi Đức       | Thành | 20042003 | Trường THCS Giảng Võ          | Hà Nội          |         |
| 11  | 8   | MHN.08.361 | Ngô Thị Hồng  | Thảo  | 13032003 | Trường THCS Xuân Hòa          | Vĩnh Phúc       |         |
| 12  | 8   | MHN.08.362 | Nguyễn Phương | Thảo  | 04042003 | Trường THCS Từ Sơn            | Bắc Ninh        |         |
| 13  | 8   | MHN.08.363 | Nguyễn Quỳnh  | Thảo  | 15042003 | Trường THCS Cầu Giấy          | Hà Nội          |         |
| 14  | 8   | MHN.08.364 | Nguyễn Thanh  | Thảo  | 11062003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh    | Nam Định        |         |
| 15  | 8   | MHN.08.365 | Nguyễn Thu    | Thảo  | 20052003 | Trường THCS Giảng Võ          | Hà Nội          |         |
| 16  | 8   | MHN.08.366 | Đặng Khánh    | Thiện | 21122003 | Trường THCS Tân Định          | Hà Nội          |         |
| 17  | 8   | MHN.08.367 | Lê Gia        | Thiện | 28102003 | Trường Marie Curie            | Hà Nội          |         |
| 18  | 8   | MHN.08.368 | Kiều Thái     | Thịnh | 2003     | Trường THCS Đại Đồng          | Hà Nội          |         |
| 19  | 8   | MHN.08.369 | Phan Phúc     | Thọ   | 22122003 | Trường THCS Văn Lang          | Phú Thọ         |         |
| 20  | 8   | MHN.08.370 | Nguyễn Anh    | Thư   | 17092003 | Trường THCS Đa Tốn            | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |        | Năm sinh   | Trường                         | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|--------|------------|--------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.371 | Bùi Hoàng Thanh | Thùy   | 07112003   | Trường THCS Ngô Sỹ Liên        | Hà Nội             |         |
| 2   | 8   | MHN.08.372 | Nguyễn Thu      | Thùy   | 22082003   | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ   | Hà Nội             |         |
| 3   | 8   | MHN.08.373 | Chu Văn         | Tiến   | 07042003   | Trường THCS Nam Từ Liêm        | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.374 | Nguyễn Quốc     | Toàn   | 09052003   | Trường THCS Bê Tông            | Hà Nội             |         |
| 5   | 8   | MHN.08.375 | Trần Sỹ         | Toàn   | 19012003   | Trường THCS Cầu Giấy           | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.376 | Đỗ Thu          | Trang  | 27112003   | Trường THCS Xuân Hòa           | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 8   | MHN.08.377 | Hoàng Doãn Hà   | Trang  | 07052003   | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 8   | MHN.08.378 | Nguyễn Phương   | Trang  | 12112003   | Trường THCS Yên Lạc            | Vĩnh Phúc          |         |
| 9   | 8   | MHN.08.379 | Phạm Thu        | Trang  | 05012003   | Trường THCS Trần Đăng Ninh     | Nam Định           |         |
| 10  | 8   | MHN.08.380 | Nguyễn Mạnh     | Trí    | 12012003   | Trường THPT Lương Thế Vinh     | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.381 | Nguyễn Trần Anh | Trí    | 23/04/2003 | Trường THCS Nam Thành Công     | Hà Nội             |         |
| 12  | 8   | MHN.08.382 | Phạm Tạ Quốc    | Trí    | 29112003   | Trường THCS Trần Hưng Đạo      | Quảng Ngãi         |         |
| 13  | 8   | MHN.08.383 | Tổng Minh       | Trí    | 13082003   | Trường THCS Nam Từ Liêm        | Hà Nội             |         |
| 14  | 8   | MHN.08.384 | Bùi Xuân        | Trung  | 21112003   | Trường THCS Trưng Vương        | Hà Nội             |         |
| 15  | 8   | MHN.08.385 | Dương Phú       | Trung  | 26012003   | Trường THCS Vĩnh Tường         | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 8   | MHN.08.386 | Nguyễn Hữu      | Trung  | 12122003   | Trường THCS Nam Thành Công     | Hà Nội             |         |
| 17  | 8   | MHN.08.387 | Vũ Đức          | Trung  | 28042003   | Trường THCS Bê Tông            | Hà Nội             |         |
| 18  | 8   | MHN.08.388 | Nguyễn Bảo      | Trường | 30012003   | Trường THCS Cầu Giấy           | Hà Nội             |         |
| 19  | 8   | MHN.08.389 | Chu Quang       | Tú     | 15052003   | Trường THCS Chu Mạnh Trinh     | Hưng Yên           |         |
| 20  | 8   | MHN.08.390 | Nguyễn Anh      | Tú     | 12102003   | Trường THCS Archimedes Academy | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên       |       | Năm sinh | Trường                      | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-----------------|-------|----------|-----------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 8   | MHN.08.391 | Hà Minh         | Tuấn  | 19112003 | Trường THCS Dịch Vọng       | Hà Nội             |         |
| 2   | 8   | MHN.08.392 | Lê Phúc Anh     | Tuấn  | 06102003 | Trường THCS Văn Lang        | Phú Thọ            |         |
| 3   | 8   | MHN.08.393 | Lưu Minh        | Tuấn  | 23072003 | Trường THCS Nhân Chính      | Hà Nội             |         |
| 4   | 8   | MHN.08.394 | Nguyễn Minh     | Tuấn  | 13072003 | Trường THCS Giấy Phong Châu | Phú Thọ            |         |
| 5   | 8   | MHN.08.395 | Nguyễn Ngọc     | Tuấn  | 29062003 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Hà Nội             |         |
| 6   | 8   | MHN.08.396 | Phạm Anh        | Tuấn  | 27072003 | Trường THCS Hợp Thịnh       | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 8   | MHN.08.397 | Vũ Minh         | Tuấn  | 13102003 | Trường THCS Minh Khai       | Hà Giang           |         |
| 8   | 8   | MHN.08.398 | Đỗ Hoàng        | Tùng  | 06012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Hà Nội             |         |
| 9   | 8   | MHN.08.399 | Dương Thanh     | Tùng  | 19102003 | Trường THCS Vĩnh Tường      | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 8   | MHN.08.400 | Lê Tuấn         | Tùng  | 14082003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên     | Hà Nội             |         |
| 11  | 8   | MHN.08.401 | Nguyễn Thanh    | Tùng  | 04112003 | Trường THCS Giấy Phong Châu | Phú Thọ            |         |
| 12  | 8   | MHN.08.402 | Nguyễn Việt     | Tùng  | 29092003 | Trường THCS Bê Tông         | Hà Nội             |         |
| 13  | 8   | MHN.08.403 | Phạm Quang      | Tùng  | 06062003 | Trường THCS An Dương        | Hà Nội             |         |
| 14  | 8   | MHN.08.404 | Phùng Quang     | Tùng  | 17122003 | Trường Quốc tế Mỹ St. Paul  | Hà Nội             |         |
| 15  | 8   | MHN.08.405 | Trần Thanh      | Tùng  | 13052003 | Trường THCS Nghĩa Tân       | Hà Nội             |         |
| 16  | 8   | MHN.08.406 | Đoàn Thu        | Uyên  | 04032003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh  | Nam Định           |         |
| 17  | 8   | MHN.08.407 | Nguyễn Phương   | Uyên  | 31012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh  | Nam Định           |         |
| 18  | 8   | MHN.08.408 | Trịnh Thị       | Uyên  | 05052003 | Trường THCS Tam Đảo         | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 8   | MHN.08.409 | Nguyễn Thị Thảo | Vân   | 12102003 | Trường THCS Sông Lô         | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 8   | MHN.08.410 | Nguyễn Tường    | Vi    | 07092003 | Trường THCS Giảng Võ        | Hà Nội             |         |
| 21  | 8   | MHN.08.411 | Nguyễn Quốc     | Việt  | 11032003 | Trường THCS Đa Tốn          | Hà Nội             |         |
| 22  | 8   | MHN.08.412 | Trần Đức        | Việt  | 20012003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh  | Nam Định           |         |
| 23  | 8   | MHN.08.413 | Nguyễn Lê Thành | Vinh  | 29032003 | Trường THCS Nguyễn Siêu     | Hà Nội             |         |
| 24  | 8   | MHN.08.414 | Nguyễn Quang    | Vinh  | 26072003 | Trường THCS Giấy Phong Châu | Phú Thọ            |         |
| 25  | 8   | MHN.08.415 | Nguyễn Quang    | Vinh  | 11022003 | Trường THCS Trần Đăng Ninh  | Nam Định           |         |
| 26  | 8   | MHN.08.416 | Kim Hoàng       | Vũ    | 15112003 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên     | Hà Nội             |         |
| 27  | 8   | MHN.08.417 | Ninh Việt       | Vũ    | 01022003 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Nam Định           |         |
| 28  | 8   | MHN.08.418 | Nguyễn Trung    | Vương | 28092003 | Trường THCS Vĩnh Tường      | Hà Nội             |         |
| 29  | 8   | MHN.08.419 | Bùi Quốc        | Vượng | 22062003 | Trường THCS Chu Mạnh Trinh  | Hưng Yên           |         |
| 30  | 8   | MHN.08.420 | Trần Lan        | Vy    | 12032003 | Trường THCS Giảng Võ        | Hà Nội             |         |
| 31  | 8   | MHN.08.421 | Lê Hải          | Yến   | 18012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Hà Nội             |         |
| 32  | 8   | MHN.08.422 | Nguyễn Quỳnh    | Yến   | 19022003 | Trường THCS Xuân La         | Hà Nội             |         |
| 33  | 8   | MHN.08.423 | Nguyễn Hải Long | Long  | 12112003 | Trường THCS Nam Thành Công  | Hà Nội             |         |
| 34  | 8   | MHN.08.424 | Ngô Quang Minh  | Hoàng | 23012003 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Hà Nội             |         |
| 35  | 9   | MHN.09.001 | Dương Văn       | An    | 15022002 | Trường THCS Lê Quý Đôn      | Nam Định           |         |
| 36  | 9   | MHN.09.002 | Vũ Đức          | An    | 14022002 | Trường THCS Xuân Hòa        | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |       | Năm sinh | Trường                     | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|-------|----------|----------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.003 | Bùi Tuấn         | Anh   | 04022002 | Trường THCS Yên Lạc        | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.004 | Đào Trọng        | Anh   | 30042002 | Trường THCS Trưng Nhị      | Hà Nội             |         |
| 3   | 9   | MHN.09.005 | Kim Tuấn         | Anh   | 23052002 | Trường THCS Yên Lạc        | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 9   | MHN.09.006 | Nguyễn Ngọc      | Anh   | 03102002 | Trường THCS Trần Quốc Toản | Quảng Ninh         |         |
| 5   | 9   | MHN.09.007 | Nguyễn Tú        | Anh   | 26102002 | Trường THCS Trần Quốc Toản | Quảng Ninh         |         |
| 6   | 9   | MHN.09.008 | Nguyễn Tuấn      | Anh   | 21122002 | Trường THCS Yên Lạc        | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 9   | MHN.09.009 | Phùng Đình Hoàng | Anh   | 28022002 | Trường THCS Lê Quý Đôn     | Nam Định           |         |
| 8   | 9   | MHN.09.010 | Trần Châu        | Anh   | 09112002 | Trường THCS Hùng Vương     | Phú Thọ            |         |
| 9   | 9   | MHN.09.011 | Trần Văn         | Anh   | 22122002 | Trường THCS Lê Quý Đôn     | Hà Nội             |         |
| 10  | 9   | MHN.09.012 | Vũ Hoàng         | Anh   | 17032002 | Trường THCS Sông Lô        | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 9   | MHN.09.013 | Ngô Thị Ngọc     | Ánh   | 09062002 | Trường THCS Tân Yên        | Tuyên Quang        |         |
| 12  | 9   | MHN.09.014 | Nguyễn Đức       | Ánh   | 09092002 | Trường THCS Nguyễn Trãi    | Hà Nội             |         |
| 13  | 9   | MHN.09.015 | Bùi Thị Kim      | Anh   | 05062002 | Trường THCS Sông Lô        | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 9   | MHN.09.016 | Vũ Duy           | Bách  | 29092002 | Trường THCS Sông Lô        | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 9   | MHN.09.017 | Lê Thanh         | Bình  | 25052002 | Trường THCS Yên Lạc        | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 9   | MHN.09.018 | Phạm Ngọc Minh   | Châu  | 25022002 | Trường THCS Hùng Vương     | Phú Thọ            |         |
| 17  | 9   | MHN.09.019 | Dương Lan        | Chi   | 14102002 | Trường THCS Lê Lợi         | Hà Giang           |         |
| 18  | 9   | MHN.09.020 | Nguyễn Văn       | Chiến | 11062002 | Trường THCS Yên Lạc        | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 9   | MHN.09.021 | Đỗ Quốc          | Chính | 04072002 | Trường THCS Sông Lô        | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 9   | MHN.09.022 | Nguyễn Bá        | Chuẩn | 10082002 | Trường THCS Kiều Phú       | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.023 | Lê Thị Thu     | Cúc   | 29112002 | Trường THCS Liên Bảo                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.024 | Nguyễn Bá Việt | Cường | 20112002 | Trường THCS & THPT Nguyễn Siêu        | Hà Nội             |         |
| 3   | 9   | MHN.09.025 | Phạm Minh      | Đăng  | 06112002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 9   | MHN.09.026 | Nguyễn Thị Anh | Đào   | 10102002 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 9   | MHN.09.027 | Dương Tiến     | Đạt   | 07032002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 9   | MHN.09.028 | Lê Tuấn        | Đạt   | 31052002 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 7   | 9   | MHN.09.029 | Nguyễn Thành   | Đạt   | 22012002 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 9   | MHN.09.030 | Bùi Hồng       | Đức   | 29112002 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 9   | 9   | MHN.09.031 | Đặng Minh      | Đức   | 09062002 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 9   | MHN.09.032 | Hà Anh         | Đức   | 03012002 | Trường THCS Trưng Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 11  | 9   | MHN.09.033 | Hoàng Công     | Đức   | 31052002 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 12  | 9   | MHN.09.034 | Hoàng Đăng     | Đức   | 13042002 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội             |         |
| 13  | 9   | MHN.09.035 | Nguyễn Anh     | Đức   | 15102002 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 9   | MHN.09.036 | Nguyễn Hữu     | Đức   | 29082002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Hà Nội             |         |
| 15  | 9   | MHN.09.037 | Nguyễn Minh    | Đức   | 03122002 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 16  | 9   | MHN.09.038 | Nguyễn Minh    | Đức   | 02092002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 17  | 9   | MHN.09.039 | Phạm Trần Minh | Đức   | 24032002 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội             |         |
| 18  | 9   | MHN.09.040 | Tạ Việt        | Đức   | 11122002 | Trường THCS Thái Sơn                  | Tuyên Quang        |         |
| 19  | 9   | MHN.09.041 | Trần Doãn      | Đức   | 13052002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 20  | 9   | MHN.09.042 | Vũ Minh        | Đức   | 13122002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |



| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                        | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|-------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.043 | Cao Quốc       | Dũng  | 28082002 | Trường THCS Yên Lạc           | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.044 | Kim Đức        | Dũng  | 09022002 | Trường THCS Trưng Nhị         | Hà Nội             |         |
| 3   | 9   | MHN.09.045 | Phan Trung     | Dũng  | 19122002 | Trường THCS Vĩnh Yên          | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 9   | MHN.09.046 | Phùng Quang    | Dũng  | 07082002 | Trường THCS Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 9   | MHN.09.047 | Đỗ Hoàng       | Dương | 09112002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 6   | 9   | MHN.09.048 | Nguyễn Đăng    | Dương | 12042002 | Trường THCS Hợp Thịnh         | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 9   | MHN.09.049 | Nguyễn Hùng    | Dương | 24022002 | Trường THCS Nhân Chính        | Hà Nội             |         |
| 8   | 9   | MHN.09.050 | Nguyễn Tùng    | Dương | 08052002 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng | Vĩnh Phúc          |         |
| 9   | 9   | MHN.09.051 | Vũ Bình        | Dương | 07022002 | Trường THCS Lý Tự Trọng       | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 9   | MHN.09.052 | Lê Sơn         | Duy   | 13092002 | Trường THCS Vĩnh Yên          | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 9   | MHN.09.053 | Nguyễn Hữu     | Duy   | 22032002 | Trường THCS Yên Lạc           | Vĩnh Phúc          |         |
| 12  | 9   | MHN.09.054 | Bùi Hồng       | Giang | 16032002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 13  | 9   | MHN.09.055 | Đoàn Thị Hương | Giang | 25112002 | Trường THCS Ngọc Hà           | Hà Giang           |         |
| 14  | 9   | MHN.09.056 | Dương Quang    | Giang | 17032002 | Trường THCS Yên Lạc           | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 9   | MHN.09.057 | Hà Hương       | Giang | 20082002 | Trường THCS Trần Quốc Toản    | Quảng Ninh         |         |
| 16  | 9   | MHN.09.058 | Vũ Vân         | Giang | 14022002 | Trường THCS Lý Tự Trọng       | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 9   | MHN.09.059 | Bùi Việt       | Hà    | 11112002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 18  | 9   | MHN.09.060 | Ngô Hanh       | Hà    | 21022002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 19  | 9   | MHN.09.061 | Nguyễn Thị Thu | Hà    | 03112002 | Trường THCS Lê Lợi            | Hà Giang           |         |
| 20  | 9   | MHN.09.062 | Nguyễn Thu     | Hà    | 30032002 | Trường THCS Văn Lang          | Phú Thọ            |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên    |       | Năm sinh | Trường                        | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|--------------|-------|----------|-------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.063 | Đỗ Thị Minh  | Hải   | 18112002 | Trường THCS Lý Tự Trọng       | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.064 | Nguyễn Huy   | Hải   | 12012002 | Trường THCS Xuân Hòa          | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 9   | MHN.09.065 | Cao Thanh    | Hằng  | 14042002 | Trường THCS Trần Quốc Toàn    | Quảng Ninh         |         |
| 4   | 9   | MHN.09.066 | Bùi Thị Hồng | Hạnh  | 19112002 | Trường THCS Ngọc Hà           | Hà Giang           |         |
| 5   | 9   | MHN.09.067 | Lê Phương    | Hạnh  | 13022002 | Trường THCS Yên Lạc           | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 9   | MHN.09.068 | Dương Thủy   | Hiền  | 15112002 | Trường THCS Sông Lô           | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 9   | MHN.09.069 | Ngô Văn      | Hiệp  | 16122002 | Trường THCS Từ Sơn            | Bắc Ninh           |         |
| 8   | 9   | MHN.09.070 | Trần Quang   | Hiệp  | 17082002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 9   | 9   | MHN.09.071 | Trần Trung   | Hiếu  | 13092002 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 9   | MHN.09.072 | Lê Ngọc      | Hoa   | 05012002 | Trường THCS Văn Lang          | Phú Thọ            |         |
| 11  | 9   | MHN.09.073 | Trần Thu     | Hoàn  | 28052002 | Trường THCS Trần Quốc Toàn    | Quảng Ninh         |         |
| 12  | 9   | MHN.09.074 | Phạm Huy     | Hoàng | 16032002 | Trường THCS Lê Quý Đôn        | Nam Định           |         |
| 13  | 9   | MHN.09.075 | Trần Minh    | Huệ   | 02032002 | Trường THCS Lê Lợi            | Hà Giang           |         |
| 14  | 9   | MHN.09.076 | Dương Việt   | Hùng  | 03012002 | Trường THCS Vĩnh Yên          | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 9   | MHN.09.077 | Nguyễn Huy   | Hùng  | 19012002 | Trường THCS Xuân Hòa          | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 9   | MHN.09.078 | Trương Bá    | Hùng  | 10102002 | Trường THCS Xuân Hòa          | Vĩnh Phúc          |         |
| 17  | 9   | MHN.09.079 | Lê Quốc      | Hưng  | 05102002 | Trường THCS Hùng Vương        | Phú Thọ            |         |
| 18  | 9   | MHN.09.080 | Lê Vương     | Hưng  | 13092002 | Trường THCS Văn Lang          | Phú Thọ            |         |
| 19  | 9   | MHN.09.081 | Nguyễn Việt  | Hưng  | 08102002 | Trường THCS Đa Tốn            | Hà Nội             |         |
| 20  | 9   | MHN.09.082 | Trần Văn     | Hưng  | 23112002 | Trường THCS Yên Lạc           | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.083 | Hán Thị Quỳnh     | Hương | 29062002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 2   | 9   | MHN.09.084 | Nguyễn Thị        | Hương | 01032002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 9   | MHN.09.085 | Đào Lê            | Huy   | 25072002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 4   | 9   | MHN.09.086 | Nguyễn Đình       | Huy   | 12062002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 5   | 9   | MHN.09.087 | Nguyễn Trọng      | Huy   | 14022002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 6   | 9   | MHN.09.088 | Phùng Đình Quang  | Huy   | 18042002 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 7   | 9   | MHN.09.089 | Trần Lê Quang     | Huy   | 05092002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 9   | MHN.09.090 | Lê Vương          | Khánh | 14062002 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội             |         |
| 9   | 9   | MHN.09.091 | Phạm Duy          | Khánh | 21062002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 9   | MHN.09.092 | Tạ Nam            | Khánh | 01102002 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 9   | MHN.09.093 | Trần Quốc         | Khánh | 01042002 | Trường THCS Vĩnh Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 12  | 9   | MHN.09.094 | Lê Minh           | Khôi  | 03082002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 13  | 9   | MHN.09.095 | Chu Việt          | Kiên  | 13072002 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 14  | 9   | MHN.09.096 | Nguyễn Đức Hoàng  | Lâm   | 07112002 | Trường THCS Phúc Yên                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 15  | 9   | MHN.09.097 | Nguyễn Ánh        | Linh  | 19012002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 16  | 9   | MHN.09.098 | Phạm Trần Khánh   | Linh  | 25062002 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 17  | 9   | MHN.09.099 | Vũ Ngọc Hoài      | Linh  | 27012002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 18  | 9   | MHN.09.100 | Nguyễn Đức        | Long  | 10012002 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 19  | 9   | MHN.09.101 | Trần Tiến         | Long  | 06042002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 20  | 9   | MHN.09.102 | Vũ Phan Thăng     | Long  | 22122002 | Trường THCS Giảng Võ                  | Hà Nội             |         |
| 21  | 9   | MHN.09.103 | Phạm Nguyễn Khánh | Ly    | 31032002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 22  | 9   | MHN.09.104 | Đỗ Thanh          | Mai   | 26042002 | Trường THCS Hợp Thịnh                 | Vĩnh Phúc          |         |
| 23  | 9   | MHN.09.105 | Nguyễn Phương     | Mai   | 01052002 | Trường THCS Xuân Hòa                  | Vĩnh Phúc          |         |
| 24  | 9   | MHN.09.106 | Đình Trần Hiền    | Minh  | 17032002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định           |         |
| 25  | 9   | MHN.09.107 | Đoàn Nhật         | Minh  | 25022002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 26  | 9   | MHN.09.108 | Đoàn Nhật         | Minh  | 10092002 | Trường THCS&THPT Hai Bà Trưng         | Vĩnh Phúc          |         |
| 27  | 9   | MHN.09.109 | Dương Hồng        | Minh  | 04042002 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 28  | 9   | MHN.09.110 | Nguyễn Đức        | Minh  | 27102002 | Trường THCS Hùng Vương                | Phú Thọ            |         |
| 29  | 9   | MHN.09.111 | Nguyễn Huệ        | Minh  | 27072002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 30  | 9   | MHN.09.112 | Nguyễn Ngọc       | Minh  | 06062002 | Trường THCS Ngũ Hiệp                  | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|--------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.113 | Nguyễn Quang  | Minh   | 10122002 | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ          | Hà Nội          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.114 | Vũ Tuấn       | Minh   | 17042002 | Trường THCS Tân Yên                   | Tuyên Quang     |         |
| 3   | 9   | MHN.09.115 | Lê Hoài       | Nam    | 31102002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 4   | 9   | MHN.09.116 | Nguyễn Hoài   | Nam    | 16032002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội          |         |
| 5   | 9   | MHN.09.117 | Nguyễn Tất    | Nam    | 04092002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 6   | 9   | MHN.09.118 | Phùng Phương  | Nam    | 16122002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 7   | 9   | MHN.09.119 | Ngô Phạm Linh | Ngọc   | 22072002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định        |         |
| 8   | 9   | MHN.09.120 | Nguyễn Hoài   | Ngọc   | 04112002 | Trường THCS Lê Quý Đôn                | Nam Định        |         |
| 9   | 9   | MHN.09.121 | Vũ Khánh      | Nguyễn | 19082002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ         |         |
| 10  | 9   | MHN.09.122 | Triệu Tuyên   | Nhâm   | 19032002 | Trường THCS Sông Lô                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 11  | 9   | MHN.09.123 | Nguyễn Cẩm    | Nhung  | 19032002 | Trường THCS Đa Tốn                    | Hà Nội          |         |
| 12  | 9   | MHN.09.124 | Trần Duy      | Phát   | 15012002 | Trường THCS Cầu Giấy                  | Hà Nội          |         |
| 13  | 9   | MHN.09.125 | Lưu Thị       | Phương | 09022002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 14  | 9   | MHN.09.126 | Nguyễn Lan    | Phương | 06102002 | Trường THCS Nhân Chính                | Hà Nội          |         |
| 15  | 9   | MHN.09.127 | Trần Thu      | Phương | 05022002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc       |         |
| 16  | 9   | MHN.09.128 | Trần Minh     | Quân   | 30112002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh        |         |
| 17  | 9   | MHN.09.129 | Nguyễn Nhật   | Quang  | 14012002 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 18  | 9   | MHN.09.130 | Nguyễn Huy    | Quý    | 04032002 | Trường THCS Lý Tự Trọng               | Vĩnh Phúc       |         |
| 19  | 9   | MHN.09.131 | Trần Hồng     | Quý    | 26012002 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc       |         |
| 20  | 9   | MHN.09.132 | Đào Như       | Quỳnh  | 24102002 | Trường THCS Ngũ Hiệp                  | Hà Nội          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên         |       | Năm sinh | Trường                  | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|-------------------|-------|----------|-------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.133 | Nguyễn Ngọc       | Quỳnh | 02102002 | Trường THCS Yên Biên    | Hà Giang           |         |
| 2   | 9   | MHN.09.134 | Nguyễn Trúc       | Quỳnh | 04082002 | Trường THCS Yên Lạc     | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 9   | MHN.09.135 | Trần Thị Như      | Quỳnh | 14092002 | Trường THCS Sông Lô     | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 9   | MHN.09.136 | Vũ Thị Diễm       | Quỳnh | 28112002 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Nam Định           |         |
| 5   | 9   | MHN.09.137 | Cao Xuân          | Sơn   | 20042002 | Trường THCS Vĩnh Yên    | Vĩnh Phúc          |         |
| 6   | 9   | MHN.09.138 | Trần Quang        | Thắng | 12032002 | Trường THCS Trưng Nhị   | Hà Nội             |         |
| 7   | 9   | MHN.09.139 | Chu Thị           | Thanh | 14022002 | Trường THCS Vĩnh Tường  | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 9   | MHN.09.140 | Đặng Tiến         | Thành | 29112002 | Trường THCS Hùng Vương  | Phú Thọ            |         |
| 9   | 9   | MHN.09.141 | Nguyễn Phúc       | Thành | 17072002 | Trường THCS Văn Lang    | Phú Thọ            |         |
| 10  | 9   | MHN.09.142 | Bùi Phương        | Thảo  | 24092002 | Trường THCS Trưng Nhị   | Hà Nội             |         |
| 11  | 9   | MHN.09.143 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 05052002 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Nam Định           |         |
| 12  | 9   | MHN.09.144 | Lê Thị Xuân       | Thu   | 02102002 | Trường THCS Yên Lạc     | Vĩnh Phúc          |         |
| 13  | 9   | MHN.09.145 | Nguyễn Tấn        | Tiến  | 08042002 | Trường THCS Đa Tốn      | Hà Nội             |         |
| 14  | 9   | MHN.09.146 | Nguyễn Huy        | Toàn  | 20092002 | Trường THCS Văn Lang    | Phú Thọ            |         |
| 15  | 9   | MHN.09.147 | Lê Thanh          | Trà   | 21012002 | Trường THCS Yên Biên    | Hà Giang           |         |
| 16  | 9   | MHN.09.148 | Phạm Thị Hương    | Trà   | 14012002 | Trường THCS Trưng Nhị   | Hà Nội             |         |
| 17  | 9   | MHN.09.149 | Đậu Thị Thu       | Trang | 23052002 | Trường THCS Yên Lạc     | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 9   | MHN.09.150 | Nguyễn Thị Thu    | Trang | 05102002 | Trường THCS Từ Sơn      | Bắc Ninh           |         |
| 19  | 9   | MHN.09.151 | Nguyễn Thu        | Trang | 21052002 | Trường THCS Lý Tự Trọng | Vĩnh Phúc          |         |
| 20  | 9   | MHN.09.152 | Ninh Thị Kiều     | Trang | 21042002 | Trường THCS Lê Quý Đôn  | Nam Định           |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên     |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|---------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 9   | MHN.09.153 | Phạm Thị Kiều | Trang | 04032002 | Trường THCS Yên Lạc                   | Vĩnh Phúc          |         |
| 2   | 9   | MHN.09.154 | Phạm Thị Thủy | Trang | 02012002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 3   | 9   | MHN.09.155 | Trần Thị Hiền | Trang | 03012002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 4   | 9   | MHN.09.156 | Ngô Thị Thanh | Trúc  | 14072002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 5   | 9   | MHN.09.157 | Hoàng Thành   | Trung | 05102002 | Trường THCS Trung Nhị                 | Hà Nội             |         |
| 6   | 9   | MHN.09.158 | Nguyễn Đức    | Trung | 16102002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 7   | 9   | MHN.09.159 | Thân Anh      | Tú    | 04022002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 8   | 9   | MHN.09.160 | Lê Thanh      | Tùng  | 24082002 | Trường THCS Ngô Sỹ Liên               | Hà Nội             |         |
| 9   | 9   | MHN.09.161 | Tạ Tiến       | Tùng  | 16072002 | Trường THCS Từ Sơn                    | Bắc Ninh           |         |
| 10  | 9   | MHN.09.162 | Chu Văn       | Việt  | 03072002 | Trường THCS Vĩnh Tường                | Vĩnh Phúc          |         |
| 11  | 9   | MHN.09.163 | Đào Quang     | Vinh  | 02092002 | Trường THCS Lê Lợi                    | Hà Giang           |         |
| 12  | 9   | MHN.09.164 | Nguyễn Thành  | Vinh  | 01112002 | Trường THCS Kiều Phú                  | Hà Nội             |         |
| 13  | 9   | MHN.09.165 | Khổng Thị Hải | Yến   | 15102002 | Trường THCS Văn Lang                  | Phú Thọ            |         |
| 14  | 9   | MHN.09.166 | Nguyễn Tuấn   | Hoàng | 08042002 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 15  | 10  | MHN.10.001 | Phan Tiến     | Bách  | 03102001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai            |         |
| 16  | 10  | MHN.10.002 | Khuất Bảo     | Châu  | 24092001 | Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ          | Hà Nội             |         |
| 17  | 10  | MHN.10.003 | Đào Minh      | Chiến | 27012001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 18  | 10  | MHN.10.004 | Lê Thị Ngọc   | Diệp  | 16082001 | Trường THPT Minh Phú                  | Hà Nội             |         |
| 19  | 10  | MHN.10.005 | Phan Minh     | Đức   | 30122001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 20  | 10  | MHN.10.006 | Vũ Việt       | Đức   | 02102001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn            |         |
| 21  | 10  | MHN.10.007 | Lê Anh        | Dũng  | 13022001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên      |       | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh,<br>Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|----------------|-------|----------|---------------------------------------|--------------------|---------|
| 1   | 10  | MHN.10.008 | Trương Tấn     | Dùng  | 08082001 | Trường THPT Trung Giã                 | Hà Nội             |         |
| 2   | 10  | MHN.10.009 | Vương Tùng     | Dương | 01012001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 3   | 10  | MHN.10.010 | Vũ Ngọc        | Duy   | 25072001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 4   | 10  | MHN.10.011 | Trần Thu       | Hà    | 01102001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 5   | 10  | MHN.10.012 | Ngô Minh       | Hải   | 26072001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai            |         |
| 6   | 10  | MHN.10.013 | Phạm Ngọc      | Hiền  | 20042001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai            |         |
| 7   | 10  | MHN.10.014 | Đỗ Minh        | Hiệp  | 28042001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 8   | 10  | MHN.10.015 | Ngô Đức        | Hiệp  | 26042001 | Đại học Khoa học Huế                  | Hà Nội             |         |
| 9   | 10  | MHN.10.016 | Nguyễn Văn     | Hiếu  | 11122001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 10  | 10  | MHN.10.017 | Vũ Minh        | Hiếu  | 04092001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 11  | 10  | MHN.10.018 | Phạm Ngọc      | Hoa   | 18022001 | Trường THPT Ngô Gia Tự                | Vĩnh Phúc          |         |
| 12  | 10  | MHN.10.019 | Hà Sơn         | Hùng  | 10112001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn            |         |
| 13  | 10  | MHN.10.020 | Phùng Quang    | Hùng  | 24082001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 14  | 10  | MHN.10.021 | Phạm Ngọc Bảo  | Hưng  | 26102001 | Trường THPT chuyên KHTN Hà Nội        | Hà Nội             |         |
| 15  | 10  | MHN.10.022 | Nguyễn Mai     | Hương | 01112001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai            |         |
| 16  | 10  | MHN.10.023 | Bùi Quang      | Huy   | 20022001 | Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 17  | 10  | MHN.10.024 | Lê Hoàng       | Huy   | 19122001 | Trường THPT Ngô Gia Tự                | Vĩnh Phúc          |         |
| 18  | 10  | MHN.10.025 | Đỗ Khánh       | Linh  | 03082001 | Đại học Khoa học Huế                  | Huế                |         |
| 19  | 10  | MHN.10.026 | Ôn Chí         | Linh  | 20112001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn            |         |
| 20  | 10  | MHN.10.027 | Kim Thị Hồng   | Lĩnh  | 18052001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 21  | 10  | MHN.10.028 | Đương Quốc     | Minh  | 03072001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 22  | 10  | MHN.10.029 | Nguyễn Lê Anh  | Minh  | 29012001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 23  | 10  | MHN.10.030 | Phạm Anh       | Minh  | 25092001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 24  | 10  | MHN.10.031 | Nguyễn Tiến    | Nam   | 08012001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc          |         |
| 25  | 10  | MHN.10.032 | Phạm Huy Giang | Nam   | 16032001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 26  | 10  | MHN.10.033 | Tạ Quỳnh       | Nga   | 20022001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 27  | 10  | MHN.10.034 | Hoàng Thị Hải  | Ngân  | 26112001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai            |         |
| 28  | 10  | MHN.10.035 | Dương Thu      | Nhã   | 12012001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn            |         |
| 29  | 10  | MHN.10.036 | Lăng Quang     | Nhật  | 16022001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn            |         |
| 30  | 10  | MHN.10.037 | Nguyễn Nga     | Nhi   | 01032001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 31  | 10  | MHN.10.038 | Lê Chí         | Quang | 24102001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |
| 32  | 10  | MHN.10.039 | Phạm Xuân      | Quý   | 29012001 | Trường THPT chuyên - ĐHSP Hà Nội      | Hà Nội             |         |
| 33  | 10  | MHN.10.040 | Trần Thái      | Son   | 18042001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội             |         |

| STT | Lớp | SBD        | Họ và tên        |        | Năm sinh | Trường                                | Tỉnh, Thành phố | Ghi chú |
|-----|-----|------------|------------------|--------|----------|---------------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | 10  | MHN.10.041 | Phan Viết        | Tân    | 14052001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 2   | 10  | MHN.10.042 | Nguyễn Chí       | Thanh  | 08072001 | Đại học Khoa học Huế                  | Huế             |         |
| 3   | 10  | MHN.10.043 | Trần Vĩnh        | Thành  | 13122001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc       |         |
| 4   | 10  | MHN.10.044 | Đồng Vũ Hạnh     | Thảo   | 23032001 | Trường THPT chuyên Bắc Kạn            | Bắc Kạn         |         |
| 5   | 10  | MHN.10.045 | Bùi Thanh        | Trà    | 31012001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai         |         |
| 6   | 10  | MHN.10.046 | Phạm Tiến        | Trường | 22042001 | Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành   | Yên Bái         |         |
| 7   | 10  | MHN.10.047 | Dương Đình       | Tuấn   | 01012001 | Đại học Khoa học Huế                  | Huế             |         |
| 8   | 10  | MHN.10.048 | Hồ Thị Thúy      | Vân    | 21112001 | Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai       | Lào Cai         |         |
| 9   | 10  | MHN.10.049 | Phạm Quốc        | Việt   | 09062001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 10  | 10  | MHN.10.050 | Bùi Anh          | Vũ     | 06012001 | Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc          | Vĩnh Phúc       |         |
| 11  | 10  | MHN.10.051 | Lê Ngọc          | Vũ     | 20072001 | Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | Hà Nội          |         |
| 12  | 4   | MHN.04.216 | Nguyễn Chí       | Bách   | 11112007 | Tiểu học Thanh Xuân Nam               | Hà Nội          |         |
| 13  | 4   | MHN.04.217 | Đường Trịnh Nhật | Minh   | 24012007 | Trường Tiểu học Đền Lừ                | Hà Nội          |         |
| 14  | 4   | MHN.04.218 | Nguyễn Anh Nhật  | Nam    | 08032007 | Tiểu học Thanh Xuân Nam               | Hà Nội          |         |
| 15  | 5   | MHN.05.384 | Phạm Tấn         | Đạt    | 08042006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 16  | 5   | MHN.05.385 | Nguyễn Minh      | Hiếu   | 28052006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 17  | 5   | MHN.05.386 | Phạm Đình        | Hiếu   | 02102006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 18  | 5   | MHN.05.387 | Trần Minh        | Ngọc   | 06012006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 19  | 5   | MHN.05.388 | Bùi Ngọc         | Trung  | 13112006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 20  | 5   | MHN.05.389 | Nguyễn Thành     | Vinh   | 20032006 | Trường Tiểu học Mai Động              | Hà Nội          |         |
| 21  | 5   | MHN.05.390 | Nguyễn Minh      | Thành  | 16122006 | Trường Tiểu học Nghĩa Tân             | Hà Nội          |         |